BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Tiếng Việt

4

TẬP MỘT

thuongmaitruongxua.vn

thuongmaitr

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

LÊ CẬN (Chủ biên)
NGUYỄN HUY ĐÀN - NGUYỄN BÙI VỢI - NGUYỄN TÚ SINH
HOÀNG VĂN THUNG - ĐỖ QUANG LƯU - NGUYỄN CÓ
LƯU ĐỨC KHÔI - ĐỖ LÊ CHẨN

Tiếng Việt

4

ruongxua.vn

TẬP MỘT

(Tái bản lần thứ mười tám - Chỉnh lí năm 1994)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

Chịu trách nhiệm xuất bản :
Giám đốc NGÔ TRẦN ÁI
Tổng biên tập VŨ DƯƠNG THỤY

Biên soạn :

LÊ CẬN	(Chủ biên)	ĐỖ QUANG LƯU	(Từ ngữ)
NGUYỄN HUY ĐÀN	(Tập đọc)	HOÀNG VĂN THUNG	(Ngữ pháp)
NGUYỄN BÙI VỢI	-	NGUYỄN CÓ	(Chính tả)
NGUYỄN TÚ SINH	-	LƯU ĐỨC KHÔI	(Tập làm văn)

Biên soạn chỉnh lí (1994) :

NGUYỄN HUY ĐÀN	(Tập đọc)
HOÀNG VĂN THUNG	(Từ ngữ – Ngữ pháp)
ĐỖ LÊ CHẨN	(Chính tả – Tập làm văn)

Biên tập chỉnh lí :
HOÀNG PHÙNG

Biên tập tái bản :
NGUYỄN NGỌC BẢO

Biên tập kĩ thuật :
TRẦN THU NGA

Trình bày bìa :
THÀNH CHƯƠNG

Minh họa :
TRẦN TIỂU LÂM

Sửa bản in :
VŨ THỊ XUYẾN

Chế bản :
PHÒNG CHẾ BẢN (NXB GIÁO DỤC)

4(V) (075) / GD - 03 — 1018/87 - 02 — Mã số : 1H411T3

thuongmaitr

TẬP ĐỌC

Chủ đề MĂNG NON

TIẾT 1

NGÀY KHAI TRƯỜNG

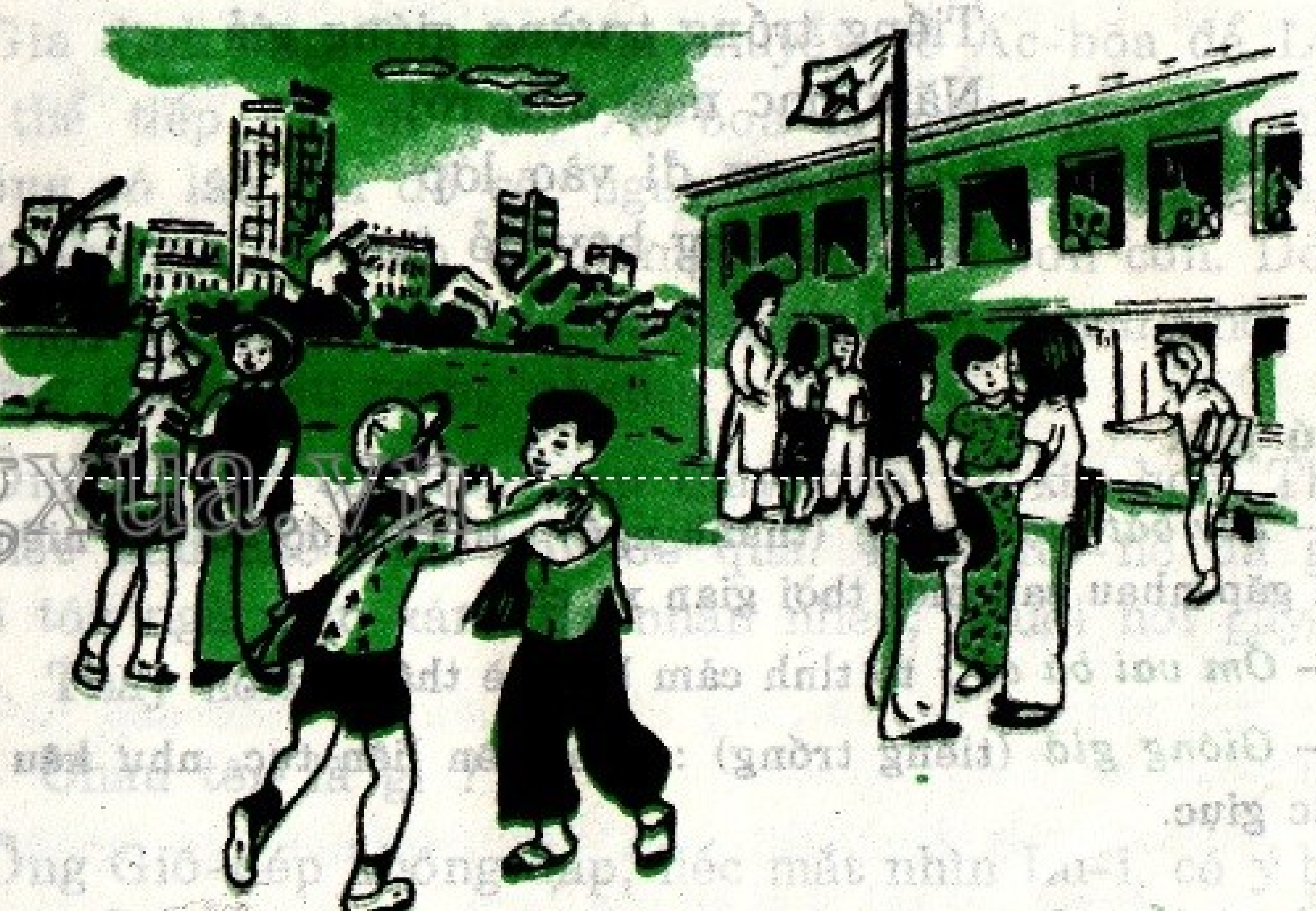

truongxua.vn

Sáng đầu thu trong xanh
Em mặc quần áo mới
Đi đón ngày khai trường
Vui như là đi hội.

Gặp bạn, cười hớn hở
Đứa tay bắt mặt mừng
Đứa ôm vai bá cổ
Cặp sách đùa trên lưng.

Niềm vui đi đón ngày khai trường gặp lại bạn bè cũ thật vui vẻ

Nhìn các thầy, các cô
Ai cũng như trẻ lại
Sân trường vàng nắng mới
Lá cờ bay như reo.

Từng nhóm đứng đo nhau
Thấy bạn nào cũng lớn
Năm xưa bé tí teo,
Giờ đã lên lớp Bốn.

Tiếng trống trường giống giả
Năm học mới đến rồi
Chúng em đi vào lớp
Khăn quàng bay đỏ tươi.

NGUYỄN BÙI VỢI

thuongmaitr

Chú giải

– *Tay bắt mặt mừng* (thành ngữ) : tỏ thái độ vui vẻ, niềm nở khi gặp nhau sau một thời gian xa cách.

– *Ôm vai bá cổ* : tỏ tình cảm bạn bè thân mật.

– *Giống giả* (tiếng trống) : vang lên liên tục, như kêu gọi, thúc giục.

Hướng dẫn đọc

– Phát âm đúng những tiếng có vần *uân : quần áo, tuần lễ.*

– Toàn bài đọc với giọng vui ; riêng khổ thơ cuối, đọc giọng trang nghiêm hơn.

Tìm hiểu bài

1. Bài thơ tả niềm vui của học sinh lớp mấy trong ngày khai trường ? Những câu nào nói rõ điều đó ?

2. Mỗi khổ thơ nói về một niềm vui, đó là những niềm vui nào ?

3. Người vui nên cảnh cũng vui. Quang cảnh buổi sáng ngày khai trường có những nét gì tươi sáng, vui vẻ, trang nghiêm ?

* Học thuộc lòng bài thơ.

TIẾT 2

CẬU HỌC SINH GIỎI NHẤT LỚP

Gia đình ông Giô-dép lại chuyển về Ác-boa để Lu-i có thể tiếp tục đi học. Ác-boa là một thị trấn nhỏ, không có lâu đài đồ sộ, nguy nga, chỉ thấy những ngôi nhà nhỏ bé, cổ kính và những vườn nho con con. Dòng sông Quy-dăng-xơ hiền hòa lượn quanh thành phố, với những chiếc cầu trắng phau.

ruongxua.vn

Ông bố dắt con đến gặp thầy giáo để xin học. Thầy cứ lắc đầu chê Lu-i còn bé quá. Thầy Rơ-nê đã già, mái tóc ngả màu xám, da nhăn nheo, người hơi gầy và cao. Thầy hỏi :

- Cháu tên là gì ?

Ông Giô-dép không đáp, liếc mắt nhìn Lu-i, có ý bảo Lu-i trả lời.

- Thưa thầy, con là Lu-i Pa-xtơ ạ !
- Đã muốn đi học chưa hay còn thích chơi ?
- Thưa thầy, con thích đi học ạ !

Thầy giáo gật gù ra vẻ bằng lòng :

- Thế thì được !

Từ nhà đến trường không xa lắm, nhưng với tầm mắt của tuổi nhỏ, đó là cả một đoạn đường dài thơ mộng,

có những chặng nghỉ và những trò chơi thú vị. Dưới gốc một cây to ở vệ đường, cỏ đã trụi đi vì những ván bi quyết liệt. Cái bãi gần đường vào thị trấn là nơi đã diễn ra những "pha" bóng chớp nhoáng, đầy hứng thú và say mê. Còn dưới chân cầu kia, chính là nơi Lu-i thường rủ Giuyn Véc-xen, người bạn thân nhất của mình, đến đó câu cá.

Còn việc học hành của Lu-i thì khỏi phải nói ! Gia đình và thầy giáo rất hài lòng. Thầy khen một cách thành thực sự chăm chỉ và kết quả học tập của cậu. Cậu là học sinh giỏi nhất lớp.

Theo ĐỨC HOÀI
Trích "Lu-i Pa-xtơ"

Chú giải

– *Lu-i Pa-xtơ* : nhà bác học Pháp ở thế kỉ XIX.

– *Thơ mộng* : êm đẹp, gợi nhiều ước mơ.

thuongmaitr

Hướng dẫn đọc

– Đọc đúng, rõ các từ tiếng Pháp phiên âm : Giô-dép, Ác-boa, Quy-đăng-xơ, Lu-i Pa-xtơ.

– Thể hiện rõ giọng nói thân mật, trìu mến của người thầy giáo già ; giọng rụt rè, lễ phép của Lu-i.

Tìm hiểu bài

1. Những chi tiết nào cho ta biết Lu-i Pa-xtơ khi đến trường, hãy còn rất bé ?

2. Tuy bé nhưng Lu-i Pa-xtơ đã có ý thức học tập chưa ?

3. Ngoài giờ học, Lu-i Pa-xtơ thường tham gia những trò giải trí nào ? Những từ ngữ nào cho biết cậu tham gia các trò chơi đó rất say mê ?

4. Kết quả học tập của Lu-i Pa-xtơ ra sao ? "Khỏi phải nói" nghĩa là gì ?

TIẾT 3

VIỆT NAM THÂN YÊU

Việt Nam đất nước ta ơi !
Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn
Cánh cò bay lả rập rờn,
Mây mờ che đỉnh Trường Sơn sớm chiều.

Quê hương biết mấy thân yêu,
Bao nhiêu đời đã chịu nhiều thương đau.
Mặt người vất vả in sâu,
Gái trai cũng một áo nâu nhuộm bùn.

Đất nghèo nuôi những anh hùng
Chìm trong máu chảy lại vùng đứng lên
Đạp quân thù xuống đất đen
Súng gươm vứt bỏ lại hiền như xưa.

truongxua.vn

NGUYỄN ĐÌNH THI
Trích "Bài thơ Hắc Hải"

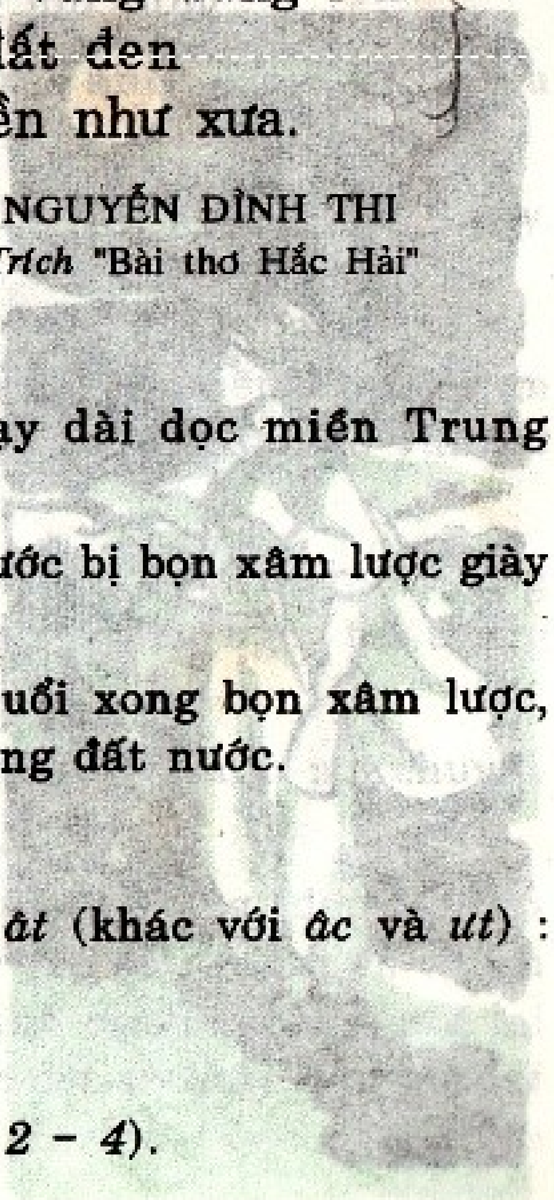

Chú giải

– *Trường Sơn* : tên gọi dãy núi chạy dài dọc miền Trung nước ta.

– *Chìm trong máu chảy* : ý nói đất nước bị bọn xâm lược giày xéo, gây chết chóc, đau thương.

– *Súng gươm vứt bỏ* : ý nói đánh đuổi xong bọn xâm lược, nhân dân ta lại sống hòa bình và xây dựng đất nước.

Hướng dẫn đọc

– Phát âm đúng những tiếng có vần *ât* (khác với *âc* và *ut*) : *đất* nước, *vất* vả, tấc *đất* tấc vàng.

– Đọc đúng nhịp các câu thơ :

Quê hương / biết mấy thân yêu (*nhịp 2 – 4*).

Bao nhiêu đời / đã chịu nhiều thương đau (*nhịp 3 – 5*)
Đất nghèo / nuôi những anh hùng (*nhịp 2 – 4*)
Chìm trong máu chảy / lại vùng đứng lên (*nhịp 4 – 4*)

Tìm hiểu bài

1. Bài thơ miêu tả những cảnh đẹp nào của Việt Nam ?

2. Cuộc sống của nhân dân ta ngày xưa ra sao ? Những từ ngữ nào nói lên điều đó ?

3. Khổ thơ thứ ba "Đất nghèo... như xưa" cho biết nhân dân ta có những truyền thống tốt đẹp gì ?

* Học thuộc lòng đoạn thơ.

TIẾT 4

TRUNG THU ĐỘC LẬP

Đêm nay anh đứng gác ở trại. Trăng ngàn và gió núi bao la khiến lòng anh man mác nghĩ tới trung thu và nghĩ tới các em. Trăng đêm nay soi sáng xuống nước Việt Nam độc lập yêu quý của các em. Trăng sáng mùa thu vằng vặc chiếu khắp thành phố, làng mạc, núi rừng, nơi quê hương thân thiết của các em...

Anh nhìn trăng và nghĩ tới ngày mai...

Ngày mai, các em có quyền mơ tưởng một cuộc sống tươi đẹp vô cùng. Mươi mười lăm năm nữa thôi, các em sẽ thấy cũng dưới

ánh trăng này, dòng thác nước đổ xuống làm chạy máy phát điện ; ở giữa biển rộng, cờ đỏ sao vàng phấp phới bay trên những con tàu lớn. Trăng của các em sẽ soi sáng những ống khói nhà máy chi chít, cao thẳm, rải trên đồng lúa bát ngát vàng thơm, cùng với nông trường to lớn, vui tươi.

Trăng đêm nay sáng quá ! Trăng mai còn sáng hơn. Anh mừng cho các em vui tết trung thu độc lập đầu tiên và anh mong ước ngày mai đây, những tết trung thu tươi đẹp hơn nữa sẽ đến với các em.

THÉP MỚI

Chú giải

– *Tết trung thu* : tết của trẻ em vào đêm rằm tháng tám âm lịch.

– *Trăng ngàn* : trăng chiếu trên vùng núi rừng.

– *Rải* : rải ra, rắc đều... Ý trong bài nói ánh trăng đẹp chiếu khắp mọi nơi.

truongxua.vn

– *Trăng mai* (mai sau) : trăng trong những tết trung thu sau này.

Hướng dẫn đọc

– Phát âm đúng : *thân thiết*. Phân biệt những tiếng có nguyên âm đôi *iê* với *i* và *ê* (chi chít, thết tiệc) ; những tiếng có vần *iêt* với *iêc* (thắm thiết, xanh biếc, mỏ thiếc).

– Ngắt hơi đúng chỗ : Đêm nay anh đứng gác ở trại//Trăng ngàn và gió núi bao la/khiến lòng anh man mác nghĩ tới trung thu/và nghĩ tới các em//

– Giọng đọc thiết tha, thể hiện rõ giọng người anh nói chuyện thân mật với các em thiếu nhi yêu quý.

Ở đoạn 1, nhấn mạnh các từ tả vẻ trong sáng, đẹp đẽ của trăng thu độc lập như : *bao la, vằng vặc* ; ở đoạn 2, nhấn mạnh các từ ngữ nói lên lòng tin tưởng của anh chiến sĩ ở tương lai của đất nước như : *các em có quyền, các em sẽ thấy, cũng dưới ánh trăng này*...

Tìm hiểu bài

1. Ánh trăng trung thu độc lập sáng, đẹp như thế nào ? Tìm những từ ngữ gợi tả vẻ đẹp đó.

2. Nhìn ánh trăng đẹp, anh chiến sĩ nghĩ đến ai ? Vì sao ?

3. Những hình ảnh nào nói lên ước mơ của anh chiến sĩ trong đêm trung thu độc lập ?

4. Ta có thể thay "có quyền mơ tưởng" bằng "có thể mơ tưởng" hoặc "nên mơ tưởng" được không ? Vì sao ?

TIẾT 5

NGHE THẦY ĐỌC THƠ

(Trích)

Em nghe thầy đọc bao ngày
Tiếng thơ đỏ nắng xanh cây quanh nhà.
Mái chèo nghe vọng sông xa
Êm êm nghe tiếng của bà năm xưa.
Nghe trăng thở động tàu dừa
Rào rào nghe chuyển cơn mưa giữa trời.
Thêm yêu tiếng hát nụ cười
Nghe thơ em thấy đất trời đẹp ra.

TRẦN ĐĂNG KHOA

thuongmaitr

Chú giải

Tiếng thơ : thơ đọc lên một cách diễn cảm.

Hướng dẫn đọc

Đọc thầm 6 dòng thơ đầu và thử hình dung những màu sắc, âm thanh, chuyển động được gợi lên qua các từ ngữ : *đỏ nắng, xanh cây, vọng sông xa, êm êm, thở động, rào rào.*

Tìm hiểu bài

1. Tiếng thơ của thầy giáo đã gợi lên những hình ảnh mang màu sắc, âm thanh như thế nào ?

2. "Êm êm" khác với "êm" như thế nào ? Hãy đặt câu với mỗi từ đó để làm rõ sự khác nhau về nghĩa.

3. Các bài thơ thầy giáo đọc đã có tác động gì đến tác giả ?

* Học thuộc lòng đoạn thơ.

TIẾT 6

QUÀ TẶNG CHA

Một bữa, Pa-xcan – khi đó đã là sinh viên – đi đâu khuya về thấy bố vẫn cặm cụi trước bàn làm việc. Anh rón rén lại gần. Ông bố vẫn mải mê với những con số ; ông đang phải kiểm tra sổ sách của Sở tài chính mà ông mới được bổ nhiệm phụ trách.

Những dãy tính cộng hàng ngàn con số ! – Pa-xcan nghĩ thầm trong bụng – Một công việc buồn tẻ không thể tránh khỏi ! Nhưng...

Trong óc nhà toán học trẻ tuổi lóe ra một tia sáng. Anh lặng lẽ trở về phòng mình và vạch một sơ đồ gì đó trên giấy.

Mươi hôm sau, ông Pa-xcan già rất ngạc nhiên thấy con ôm một vật gì là lạ đặt trên bàn :

– Con hi vọng món quà nhỏ này có thể làm bố bớt nhức đầu vì những con tính !

thương cha pa-xcan đã phát minh ra máy tính

Thì ra, đó là một thứ máy cộng trừ mà Pa-xcan đã đặt hết tình cảm của người con vào việc chế tạo. Đó cũng là chiếc máy tính đầu tiên trên thế giới, tổ tiên xa xôi của những máy tính điện tử hiện đại.

LÊ NGUYÊN LONG – PHẠM NGỌC TOÀN
Trích "Cuộc sống và sự nghiệp"

Chú giải

– *Pa-xcan :* nhà vật lí học, triết học và nhà văn nổi tiếng người Pháp ở thế kỉ XVII. Ông sáng chế ra máy tính cộng trừ vào năm 18 tuổi.

– *Được bổ nhiệm :* được cử giữ một chức vụ nào đó trong bộ máy chính quyền.

– *Máy tính điện tử :* máy tính làm bằng các linh kiện điện tử để giải các bài toán theo chương trình.

thuongmaitr

Hướng dẫn đọc

– Phát âm đúng tên nhà bác học Pa-xcan.

– Hạ giọng và đọc tách riêng những bộ phận câu nằm giữa hai vạch ngang : "– khi đó đã là sinh viên –", "– Pa-xcan nghĩ thầm trong bụng –".

Tìm hiểu bài

1. Ông bố Pa-xcan làm sổ sách vất vả như thế nào ?

2. Thương bố vất vả, Pa-xcan đã làm gì ?

3. Cái máy tính cộng trừ do Pa-xcan chế tạo ra đã giúp ích gì cho bố ông ?

4. Vì sao nó là "tổ tiên xa xôi của những máy tính điện tử hiện đại" ?

vì nó là cái máy đầu tiên đặt cơ sở nền móng cho những máy tính hiện đại được sản xuất sau này

TIẾT 7

MẸ VẮNG NHÀ NGÀY BÃO

Mấy ngày mẹ về quê
Là mấy ngày bão nổi
Con đường mẹ đi về
Cơn mưa dài chặn lối.

Hai chiếc giường ướt một
Ba bố con nằm chung
Vẫn thấy trống phía trong
Nằm ấm mà thao thức.

Nghĩ giờ này ở quê
Mẹ cũng không ngủ được
Thương bố con vụng về
Củi mùn thì lại ướt.

uongxua

Nhưng chị vẫn hái lá
Cho thỏ mẹ, thỏ con
Em thì chăm đàn ngan
Sáng lại chiều no bữa.
Bố đội nón đi chợ
Mua cá về nấu chua...

Thế rồi cơn bão qua
Bầu trời xanh trở lại.
Mẹ về như nắng mới
Sáng ấm cả gian nhà.

ĐẶNG HIỂN
Trích "Hồ trong mây"

Chú giải

– *Mùn* : củi vụn, mạt cưa... dùng để đốt.

– *Nấu chua* : nấu canh chua.

Hướng dẫn đọc

– Phát âm đúng những tiếng có vần ươt (khác ươc trong *ước ao*).

– Toàn bài đọc với giọng kể chuyện nhẹ nhàng, có nhấn giọng vừa phải ở những từ ngữ nói lên tình cảm thắm thiết giữa những người trong gia đình như : *cơn mưa dài, vẫn thấy trống, như nắng mới, sáng ấm cả gian nhà*...

Tìm hiểu bài

1. Trong bài thơ, những chi tiết nào chứng tỏ mọi người trong gia đình rất yêu thương nhau ?

2. Mẹ vắng nhà có làm ngừng trệ các công việc bình thường trong gia đình không ? Vai trò của bố có gì thay đổi ?

3. Câu thơ "Mẹ về như *nắng mới, sáng ấm* cả gian nhà" nói lên những tình cảm gì của bố và hai con sau nhiều ngày mong đợi ?

* Học thuộc lòng đoạn thơ ; ôn lại các bài ở Tiết 1, 3, 5.

TIẾT 8

KHÚC HÁT RU

Em cu Tai ngủ trên lưng mẹ ơi !
Em ngủ cho ngoan đừng rời lưng mẹ
Mẹ giã gạo, mẹ nuôi bộ đội
Nhịp chày nghiêng, giấc ngủ em nghiêng.
Mồ hôi mẹ rơi, má em nóng hổi
Vai mẹ gầy nhấp nhô làm gối

Lưng đưa nôi và tim hát thành lời :
- Ngủ ngoan a-kay ơi, ngủ ngoan a-kay hỡi !
Mẹ thương a-kay, mẹ thương bộ đội
Con mơ cho mẹ hạt gạo trắng ngần
Mai sau con lớn vung chày lún sân...

NGUYỄN KHOA ĐIỀM

Trích "Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ"

Chú giải

– *Cu Tai :* tên riêng em bé.

– *Lưng đưa nôi :* người mẹ địu con trên lưng, luôn luôn đu đưa cho con ngủ ngon.

– *A-kay :* con (tiếng dân tộc Tà-ôi ở vùng núi phía tây tỉnh Thừa Thiên-Huế).

truongxua.vn

Hướng dẫn đọc

– Chú ý cách ngắt nhịp ở những câu sau :

Em cu Tai ngủ trên lưng mẹ ơi !
Em ngủ cho ngoan / đừng rời lưng mẹ *(nhịp 4 – 4)*
Vai mẹ gầy / nhấp nhô làm gối *(nhịp 3 – 4)*
Lưng đưa nôi / và tim hát thành lời *(nhịp 3 – 5)*

– Giọng đọc êm nhẹ, thể hiện tình người mẹ thương con.

Tìm hiểu bài

1. Tình yêu nước và thương con của người mẹ miền núi Thừa Thiên biểu hiện ở những chi tiết nào ?

**2. Em hiểu câu thơ "Nhịp chày nghiêng, giấc ngủ em nghiêng" như thế nào ?

3. Địu con trên lưng khi giã gạo nuôi quân, người mẹ ước mơ gì ?

* Học thuộc lòng bài thơ.

TIẾT 9

VỀ THĂM BÀ

Thanh bước lên thềm, nhìn vào trong nhà. Cảnh tượng gian nhà cũ không có gì thay đổi. Sự yên lặng làm Thanh mãi mới cất được tiếng gọi khẽ :

- Bà ơi !

Thanh bước xuống dưới giàn thiên lí. Có tiếng người đi, rồi bà, mái tóc bạc phơ, chống gậy trúc ở ngoài vườn vào. Thanh cảm động và mừng rỡ, chạy lại gần.

- Cháu đã về đấy ư ?

Bà ngừng nhai trầu, đôi mắt hiền từ dưới làn tóc trắng nhìn cháu, âu yếm và mến thương.

thuongmaitr

- Đi vào trong nhà kẻo nắng, cháu !

Thanh đi, người thẳng, mạnh, cạnh bà lưng đã còng. Tuy vậy, Thanh cảm thấy chính bà che chở cho mình cũng như những ngày còn nhỏ.

- Cháu đã ăn cơm chưa ?

- Dạ chưa. Cháu xuống tàu về đây ngay. Nhưng cháu không thấy đói.

Bà nhìn cháu, giục :

- Cháu rửa mặt đi, rồi nghỉ kẻo mệt.

Thanh đến bên bể múc nước vào thau rửa mặt. Nước mát rượi và Thanh cúi nhìn bóng mình trong lòng bể với những mảnh trời xanh.

Lần nào trở về với bà, Thanh cũng thấy thanh thản và bình yên như thế. Căn nhà, thửa vườn này như một nơi mát mẻ và hiền lành. Ở đấy, bà lúc nào cũng sẵn sàng chờ đợi để mến yêu Thanh.

Theo THẠCH LAM

Chú giải

Thiên lí : một giống cây leo, hoa thơm, màu vàng nhạt, nở thành chùm, thường trồng ở trước nhà làm cảnh.

Hướng dẫn đọc

Đọc đúng, rõ thanh ngã trong các từ : *mãi, khẽ, mừng rỡ, sẵn sàng* và thể hiện được tình cảm âu yếm của bà đối với cháu trong các câu :

truongxua.vn

– Đi vào trong nhà kẻo nắng, cháu !

– Cháu đã ăn cơm chưa ?

– Cháu rửa mặt đi...

Tìm hiểu bài

1. Sự săn sóc ân cần của bà đối với Thanh được bộc lộ qua những cử chỉ và lời nói nào ?

**2. Thanh đã khôn lớn rồi mà vẫn "cảm thấy chính bà che chở cho mình cũng như những ngày còn nhỏ". Tại sao vậy ?

3. Thanh có những cảm tưởng gì mỗi khi trở về với bà ở căn nhà và thửa vườn nơi quê cũ ?

4. Các từ "hiền từ" và "hiền lành" có thể thay thế cho nhau trong các câu văn sau đây không ? Vì sao ?

"Bà ngừng nhai trầu, đôi mắt hiền từ... nhìn cháu...".

"Căn nhà, thửa vườn này như một nơi mát mẻ và hiền lành...".

TIẾT 10

THƯƠNG ÔNG

(Trích)

ông bị đau chân
đi lại rất khó khăn

Ông bị đau chân,
Nó sưng nó tấy,
Đi phải chống gậy
Khập khiễng khập khà,
Bước lên thềm nhà,
Nhấc chân quá khó.
Thấy ông nhăn nhó,
Việt chơi ngoài sân
Lon ton lại gần,
Âu yếm, nhanh nhảu :
"Ông vịn vai cháu !
Cháu đỡ ông lên".

thuongmaitr

nỗi sung sướng của ông khi được cháu giúp đỡ

Ông bước lên thềm,
Trong lòng sung sướng,
Quẳng gậy, cúi xuống
Quên cả đớn đau
Ôm cháu xoa đầu
"Hoan hô thằng bé !
Bé thế mà khỏe,
Vì nó thương ông"...

TÚ MỠ

Chú giải

– *Tấy* (vết thương) : bắt đầu mưng mủ, đau buốt.

– *Lon ton :* dáng đi nhanh, bước ngắn, vội vàng.

Hướng dẫn đọc

– Đọc rõ từ *khập khiễng khập khà*.

– Đọc lời của ông và cháu, cần diễn tả được tâm trạng của mỗi nhân vật : giọng cháu thì âu yếm ; giọng ông vui vẻ, phấn khởi.

Tìm hiểu bài

1. Những từ ngữ nào cho em biết ông của Việt đau chân lắm và đi lại rất khó khăn ?

2. Việt đã giúp đỡ ông bằng cách nào ? Từ *lon ton* gợi tả dáng đi, tâm trạng của Việt ra sao ?

3. Được cháu đỡ lên thềm, ông rất xúc động và vui sướng. Những chi tiết nào diễn tả tâm trạng đó của ông ?

4. Lời khen của ông "Bé thế mà khỏe, Vì nó thương ông" làm ta xúc động. Vì sao ?

* Học thuộc lòng đoạn thơ.

uongxua.vn

Chủ đề ĐẤT NƯỚC

TIẾT 11

ĐẤT NƯỚC

(Trích)

Mùa thu nay khác rồi,
Tôi đứng vui nghe giữa núi đồi,
Gió thổi rừng tre phấp phới
Trời thu thay áo mới
Trong biếc nói cười thiết tha.

Trời xanh đây là của chúng ta,
Núi rừng đây là của chúng ta,
Những cánh đồng thơm mát,
Những ngả đường bát ngát,
Những dòng sông đỏ nặng phù sa.
Nước chúng ta,
Nước những người chưa bao giờ khuất,
Đêm đêm rì rầm trong tiếng đất.
Những buổi ngày xưa vọng nói về.

NGUYỄN ĐÌNH THI

thuongmaitr

Chú giải

Khuất : chịu làm theo, tuân theo sự chi phối của một thế lực. *Chưa bao giờ khuất :* ý nói chưa bao giờ chịu cúi đầu làm nô lệ cho bọn giặc cướp nước.

Hướng dẫn đọc

Đoạn thơ rất giàu âm điệu. Cần đọc rõ những tiếng : *rồi, đồi ; phới, mới ; tha, ta v.v...* Chú ý nhấn giọng ở các điệp ngữ và ngắt nhịp đúng khi đọc các câu :

"Trời xanh *đây / là của chúng ta*

Núi rừng *đây / là của chúng ta" v.v...*

Tìm hiểu bài

1. Cảnh đất nước trong *mùa thu nay* tươi đẹp như thế nào ? Tìm những hình ảnh nói lên vẻ đẹp đó.

2. Nêu những từ ngữ được lặp lại trong đoạn thơ. Sự lặp lại đó có tác dụng nhấn mạnh ý gì ?

* Học thuộc lòng đoạn thơ.

TIẾT 12

CON CHUỒN CHUỒN NƯỚC

truongxua.vn

Ôi chao ! Chú chuồn chuồn nước mới đẹp làm sao ! Màu vàng trên lưng chú lấp lánh. Bốn cái cánh mỏng như giấy bóng. Cái đầu tròn và hai con mắt long lanh như thủy tinh. Thân chú nhỏ và thon vàng như màu vàng của nắng mùa thu. Chú đậu trên một cành lộc vừng ngả dài trên mặt hồ. Bốn cánh khẽ rung rung như còn đang phân vân.

Rồi đột nhiên, chú chuồn chuồn nước tung cánh bay vọt lên. Cái bóng chú nhỏ xíu lướt nhanh trên mặt hồ. Mặt hồ trải rộng mênh mông và lặng sóng. Chú bay lên cao hơn và xa hơn. Dưới tầm cánh chú bây giờ là lũy tre xanh rì rào trong gió, là bờ ao với những khóm khoai nước rung rinh. Rồi những cảnh tuyệt đẹp của đất nước hiện ra : cánh đồng với những đàn trâu thung thăng gặm cỏ ; dòng sông với những đoàn thuyền ngược xuôi. Còn

trên tầng cao cánh chú là đàn cò đang bay, là trời xanh trong và cao vút...

NGUYỄN THẾ HỘI

Chú giải

Phân vân : nghĩ ngợi, chưa biết nên quyết định như thế nào.

Hướng dẫn đọc

Đây là một bài văn miêu tả cảnh vật. Khi đọc, chú ý nhấn giọng ở những từ ngữ gợi tả hình dáng, màu sắc, sự chuyển động như : *lấp lánh, thon vàng, khẽ rung rung, rì rào, thung thăng*...

Tìm hiểu bài

1. Hình dáng, màu sắc chú chuồn chuồn nước như thế nào ?

2. Tác giả đã so sánh bộ cánh, đôi mắt của chú chuồn chuồn nước với những gì ?

Sự so sánh đó có tác dụng ra sao ?

3. Khi bay lên cao, chú chuồn chuồn nước thấy dưới mặt đất có những gì ?

4. Bài văn gợi cho em những tình cảm gì đối với thiên nhiên nước ta ? yêu thiên nhiên hơn và tự hào về đất nước

* Ôn lại các bài học thuộc lòng ở Tiết 8, 10, 11.

TIẾT 13

TRE

Đứng trên bờ ao
Tre nghiêng soi bóng
Mặt hồ gợn sóng
Tre thả thuyền trôi

thuongmaitr

Trưa hè nắng nôi
Tre trùm bóng mát
Buổi chiều gió hát
Võng tre êm đềm
Tre làm nôi êm
Ru em ngon giấc
Làm chông nhọn hoắt
Ngăn bước quân thù
Đường đi tới lớp
Vai rợp bóng tre...
Sâu thẳm trời khuya
Ngọn tre cao vút
Treo ông trăng vàng
Soi khắp đường làng
Ngọn đèn không tắt.

truongxua.vn

– Lắng nghe, lắng nghe
Rì rào khúc hát
Bốn mùa tiếng tre.

NGUYỄN BAO

Chú giải

Nôi : đồ dùng để trẻ nhỏ nằm, có thể đưa chao qua chao lại được.

Hướng dẫn đọc

– Phát âm rõ phụ âm *tr* trong các tiếng *tre, trưa, treo* (khác với *che, chưa, cheo*).

– Đọc bài thơ với giọng êm, nhẹ, có nhấn giọng vừa phải ở những từ chỉ động tác của *tre* trong các câu : Tre *nghiêng* soi bóng, Tre *thả* thuyền trôi, Tre *trùm* bóng mát, Tre *làm* nôi êm.

Tìm hiểu bài

1. Cây tre Việt Nam đã tô điểm cho cảnh làng quê những nét duyên dáng và êm ả như thế nào ?

2. Cây tre thân thuộc với cuộc sống của em bé, người học sinh, người dân quân... ra sao ?

3. Ở bài thơ này, mỗi câu có mấy tiếng ? Những tiếng nào ở cuối câu trong đoạn từ đầu bài đến "Ru em ngon giấc" cùng vần với nhau ?

* Học thuộc lòng bài thơ.

TIẾT 14

NHỮNG CHÚ GÀ XÓM TÔI

Con gà của anh Bốn Linh

Chợt con gà trống ở phía nhà bếp nổi gáy. Tôi biết đó là con gà của anh Bốn Linh. Tiếng nó dõng dạc nhất xóm. Nó nhón chân bước từng bước oai vệ, ức ưỡn ra đằng trước. Bị chó Vện đuổi, nó bỏ chạy. Đột ngột, nó quay lại nện cho chó Vện một đá vào đầu rồi nhảy phốc lên cổng chuồng trâu đứng nhìn xuống tỏ vẻ phớt lờ. Nó nổi gáy như thách thức :

– Tao không sợ ai hết !

Con gà của ông Bảy Hoa

Sau gà anh Bốn Linh, gà của ông Bảy Hóa gáy theo.

Con gà của ông Bảy Hóa hay bới bậy. Nó có bộ mã khá đẹp, lông trắng, mỏ búp chuối, mào cờ, hai cánh như hai vỏ trai úp, nhưng lại hay tán tỉnh láo khoét. Nó đến chỗ bờ tre mời bọn gà mái theo nó để nó đãi giun. Bới được con giun nào, nó lấy mỏ kẹp bỏ ra giữa đất, kêu tục tục mời bọn gà mái đến xơi. Bọn này vừa xô tới, nó đã nuốt chửng con giun vào bụng. Sau gà ông

Bảy Hóa, gà bà Kiên nổi gáy theo. Gà bà Kiên là gà trống tơ, lông đen, chân chì, có bộ giò cao, cổ ngắn. Nó nhảy tót lên cây rơm thật cao, phóng tầm mắt nhìn quanh như muốn mọi người hãy chú ý, nó sẽ gáy một hồi thật to, thật dài. Nó xòe cánh, nghển cổ, chuẩn bị chu đáo, nhưng rốt cục chỉ rặn được ba tiếng éc, e, e cụt ngủn. Nó ngượng quá, đỏ chín mặt, hấp tấp nhảy xuống đất. Gà trong làng nổi gáy loạn xị...

VÕ QUẢNG
Trích "Quê nội"

Chú giải

– *Nổi gáy* : cất tiếng gáy đột ngột.

– *Phớt lờ* : làm ra vẻ không thèm, không mảy may để ý đến.

– *Mã* : vẻ đẹp bên ngoài (con gà tốt mã vì lông).

– *Ức* : phần ngực của chim, thú.

– *Đãi* : mời ăn uống.

truongxua.vn

Hướng dẫn đọc

– Đọc giọng vui hóm hỉnh, làm nổi những đặc điểm về hình dáng, điệu bộ của từng con gà.

– Đoạn tả gà anh Bốn Linh : ngắt câu dứt khoát làm nổi rõ từng động tác (Nó nhón chân... Tao không sợ ai hết !).

Tìm hiểu bài

1. Tác giả tả hai con gà trống và một chú trống tơ. Ba con đều có hình dáng, tính nết riêng. Hãy tìm đặc điểm của mỗi con.

2. Tác giả tả tính nết từng con gà như tả người vậy. Đó là biện pháp *nhân hóa*. Hãy nêu những đoạn văn trong bài đã dùng biện pháp đó.

3. Tìm từ cùng âm khác nghĩa với từ *ức, đãi* trong bài và đặt câu với mỗi từ đó.

TIẾT 15

NHỮNG CÁNH BƯỚM BÊN BỜ SÔNG

vẻ đẹp đa dạng của 3 loài bướm

Ngoài giờ học, chúng tôi tha thẩn ở bờ sông bắt bướm. Chao ôi, những con bướm đủ hình dáng, đủ sắc màu. Con xanh biếc pha đen như nhung bay nhanh loang loáng. Con vàng sẫm, nhiều hình mặt nguyệt, ven cánh có răng cưa, lượn lờ đờ như trôi trong nắng. Con bướm quạ to bằng hai bàn tay người lớn, màu nâu xỉn, có hình đôi mắt tròn, vẻ dữ tợn. Bướm trắng bay theo đàn líu ríu như hoa nắng. Loại bướm nhỏ đen kịt, là là theo chiều gió, hệt như tàn than của những đám đốt nương. Còn lũ bướm vàng tươi xinh xinh của những vườn rau thì rụt rè, nhút nhát, chẳng bao giờ dám bay ra đến bờ sông. Chúng cứ quấn quýt quanh màu vàng hoa cải và quanh những con đông tây xanh mọng nằm chờ đến lượt mình được hóa bướm vàng.

thuongmaitr

vẻ đẹp được thể hiện ở dáng bay

VŨ TÚ NAM

Trích "Từ dòng sông ấy"

Chú giải

– *Bướm quạ* : loại bướm to, sải cánh rộng, màu đen.

– *Líu ríu* : nhỏ và dắt díu nhau hàng đàn.

– *Con đông tây* : con nhộng của loài bướm.

– *Đốt nương* : đốt cây cỏ trên sườn núi để lấy đất trồng trỉa.

Hướng dẫn đọc

– Nhấn giọng vừa phải ở những từ ngữ diễn tả màu sắc, động tác của các loại bướm : *xanh biếc, vàng sẫm, nâu xỉn, đen kịt, vàng tươi... loang loáng, lờ đờ, líu ríu, là là, quấn quýt...*

Tìm hiểu bài

1. Trong bài, tác giả tả nhiều loại bướm. Mỗi loại có hình dáng, màu sắc khác nhau. Em hãy so sánh một vài loại bướm.

2. Hãy nêu những từ ngữ diễn tả dáng bay khác nhau của các loại bướm có trong bài ?

**3. Em hiểu hình ảnh "lượn lờ đờ như trôi trong nắng" như thế nào ?

TIẾT 16

TRÊN HỒ BA BỂ

truongxua.vn

Thuyền ta chầm chậm vào Ba Bể
Núi dựng cheo leo hồ lặng im
Lá rừng với gió ngân se sẽ
Họa tiếng lòng ta với tiếng chim.

Thuyền ta lướt nhẹ trên Ba Bể
Trên cả mây trời trên núi xanh
Mây trắng bồng bềnh trôi lặng lẽ
Mái chèo khua bóng núi rung rinh.

Thuyền ta quanh quất trên Ba Bể
Đỏ ối vườn cam, biếc bãi ngô
...Thuyền ơi, chầm chậm, chờ ta nhé
Muốn ở đây thôi chẳng muốn về !

HOÀNG TRUNG THÔNG
Trích "Những cánh buồm"

Chú giải

– ***Hồ Ba Bể*** : một cảnh đẹp nổi tiếng thuộc tỉnh Bắc Cạn.

– ***Họa*** : hòa chung một nhịp, hưởng ứng. Ý trong bài : tiếng gió, tiếng lòng, tiếng chim hòa nhịp với nhau.

Hướng dẫn đọc

– Phân biệt các tiếng có thanh hỏi (?) và thanh ngã (~) :

se *sẽ*	khác với	chim *sẻ*
lặng *lẽ*		*lẻ* loi
bãi ngô		*bải* hoải

– Ở bài này, mỗi khổ thơ có 4 câu, mỗi câu 7 tiếng, nhịp phổ biến là 4/3, cần đọc với giọng trầm.

Ví dụ :

"Thuyền ta chầm chậm / vào Ba Bể
Núi dựng cheo leo / hồ lặng im
Lá rừng với gió / ngân se sẽ
Họa tiếng lòng ta / với tiếng chim."

Tìm hiểu bài

1. Tác giả đi thăm hồ bằng phương tiện gì ? Những câu thơ nào diễn tả điều đó ?

thuongmaitr

2. Cảnh mặt hồ đẹp ra sao ? Vẻ đẹp ấy do những gì tạo nên ?

3. Nhân dân quanh hồ đã tô thắm thêm cảnh đẹp thiên nhiên bằng những màu sắc gì ?

4. Cảnh đẹp của hồ Ba Bể đã làm cho tác giả lưu luyến đến mức nào ?

* Học thuộc lòng bài thơ.

TIẾT 17

ĐƯỜNG ĐI SA PA

Xe chúng tôi leo chênh vênh trên dốc cao của con đường xuyên tỉnh Hoàng Liên Sơn. Những đám mây trắng nhỏ sà xuống cửa kính ô tô tạo nên một cảm giác bồng bềnh, huyền ảo. Chúng tôi đang đi bên những thác trắng xóa tựa mây trời, những rừng cây âm âm, những bông hoa chuối rực lên như ngọn lửa. Tôi lim dim mắt ngắm mấy con ngựa đang ăn cỏ trong một vườn đào ven đường. Con đen huyền, con trắng tuyết, con đỏ son, chân dịu dàng, chùm đuôi cong lướt thướt liễu rủ.

Buổi chiều, xe dừng lại ở một thị trấn nhỏ. Nắng phố huyện vàng hoe. Những em bé Hmông mắt một mí, những em bé Tu Dí, Phù Lá cổ đeo móng hổ, quần áo sặc sỡ đang chơi đùa trước cửa nhà mậu dịch. Hoàng hôn, áp phiên của phiên chợ thị trấn, người ngựa dập dìu chìm trong sương núi tím nhạt. Đến thị trấn có xòe kèn, gọi là "thé kén", với những chiếc kèn đôi thổi dặt dìu, mọi người nắm tay nhau múa, vừa múa vừa hát :

Không múa lúa không về
Không xòe lúa không tốt.

Sự thay đổi nhanh chóng về thời tiết và cảnh vật ở Sa Pa

Hôm sau, chúng tôi đi Sa Pa. Phong cảnh ở đây thật đẹp. Thoắt cái, lác đác lá vàng rơi trong khoảnh khắc mùa thu. Thoắt cái, trắng long lanh một cơn mưa tuyết trên những cành đào, lê, mận. Thoắt cái, gió xuân hây hẩy nồng nàn với những bông hoa lay ơn màu đen nhung hiếm quý.

Sa Pa quả là món quà tặng diệu kì thiên nhiên dành cho đất nước ta.

NGUYỄN PHAN HÁCH

Chú giải

– *Sa Pa* : nơi nghỉ mát nổi tiếng ở nước ta thuộc tỉnh Lào Cai.

– *Hoàng Liên Sơn* : nay đã tách thành hai tỉnh là Lào Cai và Yên Bái.

– *Hmông, Tu Dí, Phù Lá* : tên ba dân tộc ít người sống ở vùng núi cao các tỉnh Yên Bái và Lào Cai.

thuongmaitr

– *Rừng cây âm âm* : rừng cây rậm rạp, hơi tối và tĩnh mịch.

– *Đen huyền* : đen như màu hạt huyền.

– *Áp phiên* : sát ngày phiên chợ.

Hướng dẫn đọc

– Phát âm đúng : + phụ âm *hm* trong *Hmông* (*h* đọc như *hơ* nhưng lướt nhẹ).

+ vần *uyên* trong : *huyền ảo, đen huyền*.

– Bài này có nhiều từ ngữ miêu tả màu sắc, hình dáng cảnh vật. Khi đọc, cần nhấn giọng ở những từ ngữ đó. Ví dụ : rừng cây *âm âm*, con *đen huyền*, con *trắng tuyết*... chùm đuôi *cong lướt thướt liễu rủ*, v.v...

Tìm hiểu bài

1. Trên đường đi Sa Pa, cảnh vật, con người có những nét gì đặc sắc, khác ở miền đồng bằng ?

2. Em có nhận xét gì về cách đặt câu miêu tả màu sắc, hình dáng của bầy ngựa trong câu : "Con đen huyền... liễu rủ" ?

3. Phong cảnh Sa Pa biến đổi nhanh chóng. Từ nào trong đoạn cuối của bài đã thể hiện sự biến đổi đó ?

4. Trong bài văn, tác giả dùng 3 câu liên tiếp có từ ngữ "thoắt cái" mở đầu ("Thoắt cái, ... Thoắt cái, ... Thoắt cái, ..."). Cách đặt câu như vậy có dụng ý gì ?

TIẾT 18

BÈ XUÔI SÔNG LA

Bè ta xuôi sông La
Dẻ cau cùng táu mật
Muồng đen và trai đất
Lát chun rồi lát hoa.

truongxua.vn

Sông La ơi sông La
Trong veo như ánh mắt
Bờ tre xanh im mát
Mươn mướt đôi hàng mi
Bè đi chiều thầm thì
Gỗ lượn đàn thong thả
Như bầy trâu lim dim
Đầm mình trong êm ả
Sóng long lanh vẩy cá
Chim hót trên bờ đê.

Ta nằm nghe, nằm nghe
Giữa bốn bề ngây ngất
Mùi vôi xây rất say

Mùi lán cưa ngọt mát
Trong đạn bom đổ nát
Bừng tươi nụ ngói hồng
Đồng vàng hoa lúa trổ
Khói nở xòa như bông.

VŨ DUY THÔNG

Chú giải

– *Sông La* : con sông thuộc tỉnh Hà Tĩnh.

– *Dẻ cau, táu mật, muồng đen, trai đất, lát chun, lát hoa* : tên gọi một số loại gỗ quý của rừng Việt Nam.

– *Lượn dàn* : ý nói gỗ trôi xuôi nhẹ nhàng theo dòng sông.

– *Nụ ngói hồng* : những ngôi nhà mới lợp ngói màu hồng trông như những nụ hoa.

Hướng dẫn đọc

– Phát âm đúng : *mươn mướt, lượn dàn, long lanh.*

– Toàn bài đọc với giọng êm dịu, nhẹ nhàng.

Tìm hiểu bài

1. Bè xuôi sông La chở những loại gỗ quý nào ?

2. Dòng sông La *(dòng nước, bờ tre)* được tác giả so sánh với những gì ? Vì sao có thể so sánh như vậy ?

3. Hình ảnh nào cho biết bè gỗ trôi xuôi rất êm ?

4. Cảnh hai bên bờ sông có những nét gì tươi vui ?

* Học thuộc lòng đoạn "Sông La ơi sông La... Chim hót trên bờ đê".

thuongmaitr

RỪNG CỌ QUÊ TÔI

Chẳng có nơi nào như sông Thao quê tôi, rừng cọ trập trùng.

Thân cọ vút thẳng trời hai ba chục mét cao, gió bão không thể quật ngã. Búp cọ vuốt dài như thanh kiếm sắc vung lên. Cây non vừa trồi, lá đã xòa sát mặt đất. Lá cọ tròn xòe ra nhiều phiến nhọn dài, trông xa như một rừng tay vẫy, trưa hè lấp lóa nắng như rừng mặt trời mới mọc. Mùa xuân, chim chóc kéo về từng đàn. Chỉ nghe tiếng hót líu lo mà không thấy bóng chim đâu.

Căn nhà tôi ở núp dưới rừng cọ. Ngôi trường tôi học cũng khuất trong rừng cọ. Ngày ngày đến lớp, tôi đi

trong rừng cọ. Không đếm được có bao nhiêu tàu lá cọ xòe ô lợp kín trên đầu. Ngày nắng, bóng râm mát rượi. Ngày mưa, cũng chẳng ướt đầu.

Cuộc sống quê tôi gắn bó với cây cọ. Cha làm cho tôi chiếc chổi cọ để quét nhà, quét sân. Mẹ đựng hạt giống đầy móm lá cọ, treo lên gác bếp, để gieo cấy mùa sau. Chị tôi đan nón lá cọ, lại biết đan cả mành cọ và làn cọ xuất khẩu. Chiều chiều chăn trâu, chúng tôi rủ nhau đi nhặt những trái cọ rơi đầy quanh gốc về om, ăn vừa béo vừa bùi.

Quê tôi có câu hát :

Dù ai đi ngược về xuôi
Cơm nắm lá cọ là người sông Thao.

Người sông Thao đi đâu, rồi cũng nhớ về rừng cọ quê mình.

thuongmaitr

NGUYỄN THÁI VẬN

Chú giải

– *Sông Thao :* tên gọi đoạn sông Hồng thuộc khu vực tỉnh Phú Thọ.

– *Móm lá cọ :* lá cọ buộc túm lại để đựng các loại quả, hạt khô.

– *Om :* (quả cọ, quả trám...) ngâm trong nước ấm làm cho cùi chín bở ra.

Hướng dẫn đọc

1. Phân biệt các phụ âm cuối *n* và *ng* trong các tiếng sau : *đàn* (*đàn* chim, cây *đàn*), *đàng* (*đàng* hoàng) ; *gắn* (*gắn* bó), *gắng* (*gắng* sức) ; *đan* (*đan* lát), *đang* (đảm *đang*).

2. Chú ý nhấn giọng ở những từ ngữ miêu tả cây cọ như : *vút thẳng, vuốt dài, xòe ra, lấp lóa v.v...*

Tìm hiểu bài

1. Tìm những *từ ngữ, hình ảnh* miêu tả vẻ đẹp của cây cọ (thân cọ, búp cọ, lá cọ).

2. Cây cọ gắn bó với cuộc sống vùng quê tác giả như thế nào ?

3. Tìm *3 câu văn* có các từ tận cùng là *rừng cọ*. Đọc diễn cảm 3 câu đó và cho biết từ *rừng cọ* được nhắc lại nhiều lần liên tiếp như vậy nhằm diễn tả ý gì ?

4. Câu đầu bài : "Chẳng có nơi nào... trập trùng" và câu cuối bài "Người sông Thao... quê mình" nói lên tình cảm gì của tác giả ?

TIẾT 20

TRÂU ĐỒI

truongxua.vn

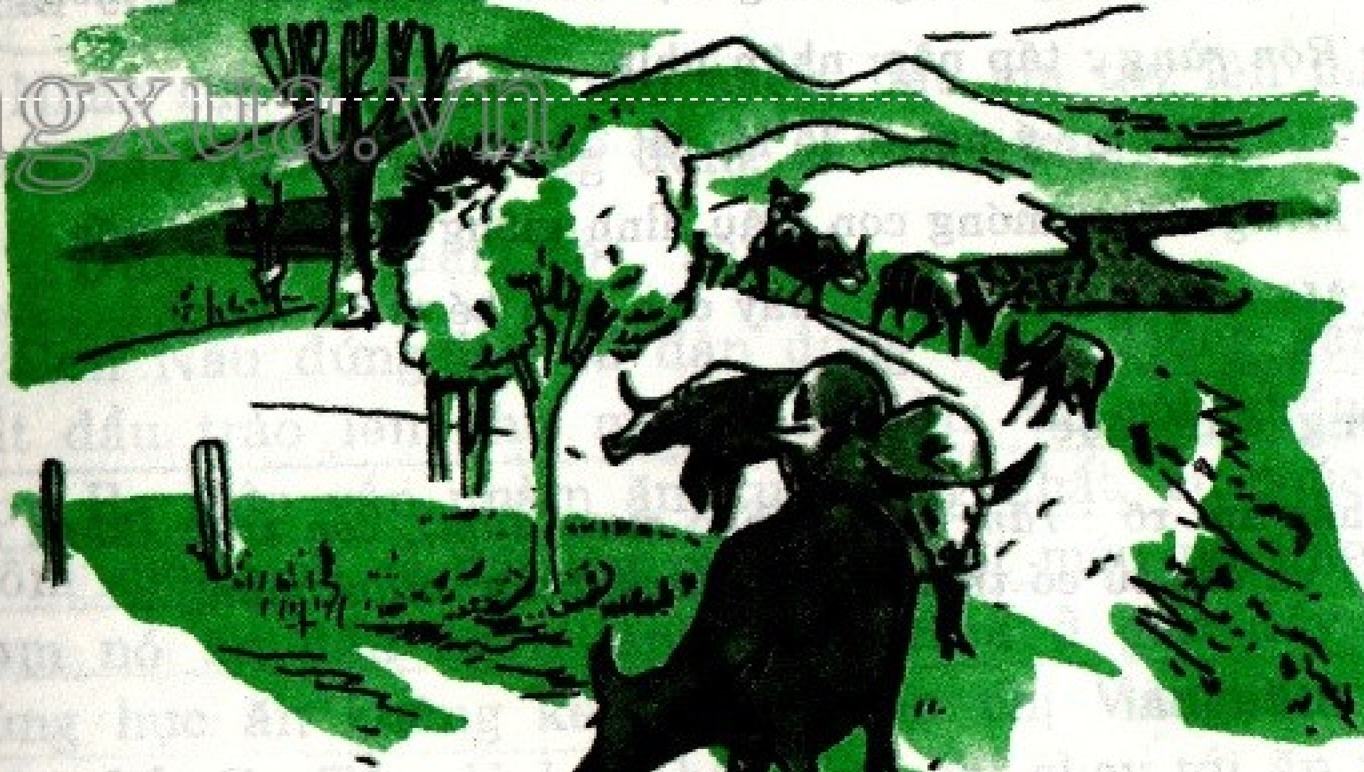

Ai thổi sáo gọi trâu đâu đó
Chiều in nghiêng trên mảng núi xa
Con trâu trắng dẫn đàn lên núi
Vểnh đôi tai, nghe sáo trở về.

Cảnh đàn trâu trên đường về trại

Trâu đực chạy rầm rầm như hổ
Trâu thiến rong từng bước hiền lành
Cổ lừng lững như chum như vại
Móng hến hằn in mép cỏ xanh.

Những chú nghé lông tơ mũm mĩm
Mũi phập phồng dính cánh hoa mua
Cổng trại mở, trâu vào chen chúc
Chiều rộn ràng trong tiếng nghé ơ.

NGÔ VĂN PHÚ
Trích "Tháng năm mùa gặt"

Chú giải

– *Rong :* đi lang thang không mục đích. Ý trong bài : đi thong thả.

– *Rộn ràng :* tấp nập, nhộn nhịp.

– *Lừng lững :* ý nói to lồ lộ, rất dễ nhận thấy.

– *Móng hến :* móng con trâu hình giống như cái vỏ hến.

– *Mũm mĩm :* béo tròn, đầy đặn (em bé *mũm mĩm*).

Hướng dẫn đọc

Phát âm rõ : *rầm rầm* (khác *mưa dầm*), *con trâu* (khác *hạt châu*) và các từ có thanh ngã : *lừng lững, mũm mĩm, ...*

Tìm hiểu bài

1. Câu "Chiều in nghiêng trên mảng núi xa" gợi lên ý gì ? Nếu là cảnh buổi trưa, tác giả có thể viết như thế được không ? Tại sao ?

2. Cảnh "*trâu đực chạy*" và "*trâu thiến rong*" trái ngược với nhau. Những từ ngữ nào diễn tả sự trái ngược đó ?

3. Chi tiết nào miêu tả sự thơ dại của đàn nghé con ?

thơ dại của đàn nghé

thuongmaitr

4. Hai câu thơ cuối bài cho thấy cảnh đàn trâu về trại như thế nào ?

* Học thuộc lòng đoạn thơ.

TIẾT 21

CỎ NON

Đêm ấy trời mưa phùn. Đêm hôm sau lại mưa tiếp... Cỏ mọc tua tủa. Một màu xanh non ngọt ngào, thơm mát trải ra mênh mông trên khắp các sườn đồi...

Nhẫn lùa đàn bò ra đi. Cả đàn bò rống lên sung sướng. "Ò ò" đàn bò reo lên. Chúng nhảy cỡn lên, xô nhau chạy.

Nhẫn cặp chiếc hèo vào nách, bắc loa tay lên miệng, rướn cao người hô vang động cả núi rừng :

– Đứng lại ! Gặm cỏ... gặm !

Con Nâu đứng lại, cả đàn đứng theo. Tiếng gặm cỏ bắt đầu trào lên như một nong tằm ăn rỗi khổng lồ. Con Ba Bớp vẫn phàm ăn, tục uống nhất, cứ thúc mãi mõm xuống, ủi cả đất lên mà gặm. Bọt mép nó trào ra ; nom nó ăn đến ngon lành. Con Hoa ở gần đấy cũng hùng hục ăn không kém... Mẹ con chị Vàng ăn riêng một chỗ. Cu Tũn dở hơi chốc chốc lại chạy tới ăn tranh mảng cỏ của mẹ. Chị Vàng lại dịu dàng nhường cho nó và đi kiếm một bụi khác.

Đàn bò tràn lên phủ vàng rực cả sườn đồi. Nom những cái mõm ngoạm cỏ sao mà ngon thế ! Nhẫn như cảm thấy rõ rệt mùi rễ non thơm phảng phất, mùi lá non

ngan ngát cay cay xen lẫn vị ngọt ngào nồng nồng của nhựa mới.

HỒ PHƯƠNG
Trích "Cỏ non"

Chú giải

– *Hèo* : gậy làm bằng loại cây thuộc họ cau, thân thẳng, có nhiều đốt.

– *Con Nâu, con Ba Bớp, con Vàng, cu Tũn* : tên do anh Nhẫn đặt cho những con bò, con bê... dựa theo màu lông và tính nết của chúng.

– *Phàm ăn* : ăn nhiều và ăn được nhiều loại thức ăn.

– *Tằm ăn rỗi* : tằm ăn rất khỏe trước khi làm kén.

– *Tua tủa* : đâm ra mọi phía (cỏ mọc tua tủa).

– *Rống* : kêu to (các loài thú).

– *Phảng phất* : thoang thoảng.

thuongmaitr

Hướng dẫn đọc

– Đọc rõ ba cảnh trong bài :

+ Đồi cỏ non sau mưa xuân : từ đầu đến "... sườn đồi".

+ Người chăn bò lùa bò đi ăn : "Nhẫn lùa đàn bò... gặm".

+ Bò ăn cỏ và niềm vui của người chăn bò : đoạn còn lại.

– Giọng đọc cần thể hiện rõ tính cách của từng con vật bằng cách nhấn mạnh các từ chính. Ví dụ : Con Ba Bớp vẫn *phàm ăn tục uống* nhất, cứ *thúc* mãi *mõm* xuống, *ủi* cả đất lên mà gặm.

Tìm hiểu bài

1. Sau những ngày đông giá lạnh, trời bắt đầu có mưa xuân, cỏ trên đồi lại mọc tốt tươi. Tác giả đã tả đồi cỏ non ấy như thế nào ?

2. Tác giả đã dùng những từ ngữ nào để miêu tả sinh động đàn bò gặm cỏ (mỗi con ăn một kiểu) ?

3. Những chi tiết nào chứng tỏ anh Nhẫn rất yêu công việc của mình ?

TIẾT 22

CẢNH RỪNG VIỆT BẮC

Cảnh rừng Việt Bắc thật là hay
Vượn hót chim kêu suốt cả ngày.
Khách đến thì mời ngô nếp nướng
Săn về thường chén thịt rừng quay.
Non xanh nước biếc tha hồ dạo
Rượu ngọt chè tươi mặc sức say.
Kháng chiến thành công ta trở lại
Trăng xưa, hạc cũ với xuân này.

HỒ CHÍ MINH

Chú giải

truongxua.vn

– Bài thơ này Bác Hồ làm để tặng các vị trong Hội đồng Chính phủ đến họp ở một khu rừng tại Việt Bắc hồi đầu kháng chiến chống thực dân Pháp.

– *Trăng xưa, hạc cũ, xuân này* : những hình ảnh tượng trưng cho cảnh vật, thiên nhiên ở Việt Bắc trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp. Đó là những kỉ niệm thân thuộc đối với Bác Hồ.

Hướng dẫn đọc

Bài này làm theo thể thơ cổ (8 câu, mỗi câu 7 tiếng). Nhịp thơ phổ biến là 4 – 3. Tuy vậy, những câu sau đây cần đọc đúng nhịp 2–5 :

"Khách đến / thì mời ngô nếp nướng,
Săn về / thường chén thịt rừng quay".

Tìm hiểu bài

1. Cảnh rừng Việt Bắc có những nét gì hay ? Những từ *chén, tha hồ, mặc sức* ý nói gì ? rất vui vẻ lạc quan yêu đời có phần dí dỏm

2. Qua bài thơ, em thấy trong những năm kháng chiến gian khổ ở Việt Bắc, Bác Hồ sống giản dị mà vui vẻ như thế nào (về vật chất, về tinh thần) ?

3. Trong bài thơ, tiếng cuối ở những câu nào cùng vần với nhau ?

* Học thuộc lòng bài thơ.

cảnh thiên nhiên sinh động và cuộc sống lạc quan yêu đời của Bác Hồ ở chiến khu Việt Bắc

TIẾT 23

ĐI MÁY BAY HÀ NỘI - ĐIỆN BIÊN

thuongmaitr

Chiếc máy bay dân dụng chở chúng tôi lên Điện Biên sáng nay là loại máy bay nhỏ hai cánh quạt. Đúng 9 giờ. Cái cảm giác hẫng đột ngột khi máy bay rời mặt đất làm cho cô gái Thái ngồi cùng hàng ghế với tôi níu chặt cánh

vẻ đẹp của Hà Nội

tay mẹ mà kêu lên : "Ém ơi !" (mẹ ơi !) rồi giấu mặt ngay lập tức sau lưng mẹ mà rúc rích tự cười mình.

Từ trên trời nhìn xuống phố xá Hà Nội nhỏ xinh như mô hình triển lãm. Cũng như mô hình triển lãm, tất cả ruộng đồng, làng xóm, núi non. Những ô ruộng, những gò đống, bãi bờ với những mảng màu xanh, nâu, vàng trắng và nhiều hình dạng khác nhau gợi những bức tranh giàu màu sắc. Núi Thầy, rồi núi Ba Vì, sông Đà, dãy núi Hòa Bình... triền miên một dải miền tây ẩn hiện dưới làn mây lúc dày lúc mỏng.

Đây rồi thung lũng lòng chảo Điện Biên. Từ trên trời nhìn xuống thấy rõ một vùng đồng bằng ở miền núi. Đồng bằng ở giữa, núi bao quanh. Giữa đồng bằng xanh ngắt lúa xuân, con sông Nậm Rốm trắng sáng có khúc ngoằn ngoèo, có khúc trườn dài. Chắc có con rồng ấy nằm giữa phun nước thì lúa mới xanh như thế.

truongxua.vn

Hôm nay cũng như mọi ngày khác, người Điện Biên ra đón bà con ở Hà Nội mới lên. Những chiếc khăn piêu, những hàng cúc bướm...

TRẦN LÊ VĂN

Trích "Sông núi Điện Biên"

Chú giải

– *Điện Biên* : tên gọi một thung lũng rộng thuộc tỉnh Lai Châu ở Tây Bắc nước ta. Chiến thắng Điện Biên Phủ của quân dân ta đánh quỵ quân xâm lược Pháp năm 1954 làm nức lòng cả thế giới.

– *Triền miên* : kéo dài mãi không dứt.

– *Khăn piêu* : khăn đội đầu của phụ nữ Thái có thêu chỉ màu.

– *Mô hình triển lãm* : vật cùng hình dạng nhưng thu nhỏ lại để trưng bày.

Hướng dẫn đọc

Phát âm đúng các từ : *triền miên* (chú ý nguyên âm đôi *iê* và phụ âm cuối *n*), *ngoằn ngoèo* (chú ý vần *oăn* và *oeo*), *piêu* (chú ý phụ âm *p*).

Tìm hiểu bài

1. Vì sao từ trên máy bay nhìn xuống thấy "Hà Nội nhỏ xinh như mô hình triển lãm" ?

2. Cảnh thung lũng Điện Biên có những nét gì đẹp ? Nêu và giải nghĩa những từ ngữ miêu tả vẻ đẹp ấy.

3. Cách ăn mặc của phụ nữ Thái ở Tây Bắc có nét gì đặc sắc ?

TIẾT 24

ÂM THANH THÀNH PHỐ

thuongmaitr

Hồi còn đi học, Hải rất say mê âm nhạc. Từ cái căn gác nhỏ của mình, Hải có thể nghe thấy tất cả các âm thanh náo nhiệt, ồn ã của thành phố thủ đô. Tiếng chuông xe đạp lanh canh. Tiếng kéo lách cách bận rộn của những người bán thịt bò khô. Tiếng thùng nước va vào nhau loảng xoảng ở một cái vòi nước công cộng. Tiếng ve kêu rền rĩ trong những đám lá cây bên đại lộ. Tiếng còi ô tô xin đường gay gắt. Tiếng xả hơi của một cái đầu máy hơi nước. Tiếng còi tàu hỏa thét lên và tiếng bánh xe đập trên đường ray ầm ầm như sắp lao vào thành phố. Rồi tất cả như im lặng hẳn để nghe tiếng đàn vi-ô-lông trên một cái ban công, tiếng pi-a-nô ở một căn gác ba hay giọng nam trầm của một nghệ sĩ đơn ca đang luyện thanh...

Niềm say mê âm nhạc của Hải

Hải đã xa Hà Nội, ra Cẩm Phả nhận công tác. Mỗi khi có dịp về qua Hà Nội rồi tạm biệt nó, bao giờ Hải cũng ngồi lặng hàng giờ để nghe bạn anh là một nhạc sĩ trình bày bản "Ánh trăng" của Bít-tô-vơn bằng đàn pi-a-nô. Anh cảm thấy dễ chịu và đầu óc bớt căng thẳng.

Cuộc sống nhộn nhịp của đô thị với các loại âm thanh

TÔ NGỌC HIẾN

Lược trích "Kỉ niệm về một nhà máy"

Chú giải

– *Âm thanh* : tiếng phát ra từ một vật rung động.

– *Đại lộ* : đường lớn ở thành phố.

– *Ban công* : phần sân gác nhô ra ngoài nhà.

– *Bít-tô-vơn* : nhạc sĩ nổi tiếng người Đức thế kỉ XVIII – XIX.

– *Pi-a-nô* (dương cầm) : loại đàn lớn, có hàng phím dài, khi tay nhấn xuống thì gõ vào dây và phát ra âm thanh.

truongxua.vn

Hướng dẫn đọc

– Phát âm rõ vần *oang* trong *loảng xoảng*.

– Đọc rõ các từ ngữ miêu tả âm thanh khác nhau : *ồn ã, rền rĩ, gầm rít*...

Tìm hiểu bài

1. Tìm trong bài những từ ngữ miêu tả các loại âm thanh khác nhau. Các từ *loảng xoảng* (thùng nước), *rền rĩ* (ve kêu), *thét lên* (còi tàu) dùng có chính xác không ? Vì sao ?

2. Qua các loại âm thanh tả trong bài, em thấy cuộc sống ở những đô thị lớn ra sao ?

3. Vì sao về thủ đô, Hải có thể ngồi hàng giờ nghe nhạc Bít-tô-vơn ?

BUỔI SÁNG Ở HÒN GAI

(Trích)

Hòn Gai vào những buổi sáng sớm thật là nhộn nhịp. Khi tiếng còi tầm vừa cất lên, những chiếc xe bò tót cao to chở thợ mỏ lên tầng, vào lò, tiếng còi bíp bíp inh ỏi, những người thợ điện, thợ cơ khí, thợ sàng rửa vội vã tới xưởng thay ca, các chị mậu dịch viên mở cửa các quầy hàng, các em nhỏ, khăn quàng đỏ bay trên vai kéo nhau tới lớp.

Dọc theo bờ vịnh Hạ Long, trên bến Đoan, bến Tàu hay cảng Mới, những đoàn thuyền đánh cá rẽ màn sương bạc nối đuôi nhau cập bến, những cánh buồm ướt át như cánh chim trong mưa. Thuyền lưới mui bằng. Thuyền giã đôi mui cong. Thuyền khu Bốn, buồm chữ nhật. Thuyền Vạn Ninh buồm cánh én. Thuyền nào cũng tôm cá đầy khoang. Người ta khiêng từng sọt cá nặng tươi roi rói lên chợ.

Chợ Hòn Gai buổi sáng la liệt tôm cá. Những con cá song khỏe, vớt lên hàng giờ vẫn giãy đành đạch, vảy xám hoa đen lốm đốm. Những con cá chim mình dẹt như hình con chim lúc sải cánh bay, thịt ngon vào loại nhất nhì. Những con cá nhụ béo núc, trắng lốp, bóng mượt như được quét một lớp mỡ ngoài vảy. Những con tôm he tròn, thịt căng lên từng ngấn như cổ tay của trẻ lên ba, da xanh ánh, hàng chân choi choi như muốn bơi.

THI SẢNH

1/ Cảnh nhộn nhịp ở thị xã Hòn Gai vào buổi sáng

2/ Cảnh nhộn nhịp khi các con thuyền chở tôm cá về cập bến

3/ Cảnh chợ Hòn Gai buổi sáng đầy tôm cá tươi ngon

thuongnhaitr

Chú giải

– *Hòn Gai :* tên cũ, nay là thành phố Hạ Long, tỉnh lị của tỉnh Quảng Ninh.

– *Khu Bốn (cũ) :* đơn vị hành chính gồm các tỉnh từ Thanh Hóa đến Thừa Thiên – Huế.

– *Vạn Ninh :* tên một xã thuộc huyện Hải Ninh tỉnh Quảng Ninh.

– *Giã :* lưới hình túi do tàu hay thuyền kéo để đánh bắt cá hay hải sản khác ở tầng đáy hoặc gần đáy biển. Giã đôi do hai tàu hay hai thuyền kéo.

– *Choi choi :* loại chim nhỏ sống gần bờ nước, mỏ dài, cẳng cao, hay nhảy. Ý trong bài : chân dài, co duỗi liên tục.

Hướng dẫn đọc

Phát âm đúng các từ sau :

khiêng (chú ý vần *iêng*) ; *sọt* (chú ý phụ âm *s*) ; *roi rói* (chú ý phụ âm *r*).

tuoigia.vn

Tìm hiểu bài

1. Những hoạt động nào chứng tỏ buổi sáng ở Hòn Gai rất nhộn nhịp ?

2. Thuyền đánh cá của các nơi về cập bến có những nét gì giống nhau ? Những nét gì khác nhau ?

3. Tính chất tươi ngon của các loại tôm cá ở chợ Hòn Gai được miêu tả bằng những từ ngữ nào ?

* Học thuộc lòng đoạn "Chợ Hòn Gai... như muốn bơi".

TIẾT 26

TRÊN CÔNG TRƯỜNG KHAI THÁC THAN

Chúng tôi ra bờ moong. Ở đây, tôi nhìn được toàn cảnh của công trường trong một vòng cung cực lớn hình phễu.

gthiệu công trường khai thác than

Những đám mây trắng mỏng và nhẹ bay phơ phất ngang sườn núi trước mặt làm cho những cỗ máy khoan khi ẩn khi hiện, trông giống những con thuyền đã hạ buồm...

Dưới đáy moong, tôi đếm có đến chín cái máy xúc, nhác trông có thể ví chúng như những con vịt bầu khó tính hay động cựa, luôn luôn quay cổ từ bên này sang bên kia.

Từ những chiếc máy xúc dưới đáy lên đến những cỗ máy khoan trên cùng là con đường vòng xoáy trôn ốc. Không ngớt xe lên, xe xuống. Những chiếc xe ben-la màu xanh lá mạ trông như con cào cào, chạy rất nhanh, chở đất đá bóc trên tầng đổ ra bãi thải. Những chiếc xe gấu màu đen trũi trông như những con kiến đất, cần cù và chắc chắn chở than từ dưới đáy moong đổ ra máng ga, rồi từ máng ga trút xuống những toa xe lửa chở ra cảng. Hoàn toàn không thấy bóng người. Nhưng tôi biết con người có mặt ở khắp mọi nơi trong cái vòng cung hình phễu này.

TRẦN NHUẬN MINH

Lược trích "Trước mùa mưa bão"

Chú giải

– *Moong* : hố đào than ở ngoài trời, sâu dưới mực nước biển. Moong có hình phễu khổng lồ, có đường xoáy trôn ốc từ bờ xuống đáy.

– *Bãi thải* : nơi đổ đất đá thừa.

– *Xe ben-la, xe gấu* : các loại xe vận tải cỡ lớn.

Hướng dẫn đọc

– Cần đọc với giọng sôi nổi thể hiện không khí lao động dồn dập, khẩn trương ở công trường.

– Phát âm đúng : *moong*, *đen trũi*.

Tìm hiểu bài

1. Tác giả đứng ở đâu để quan sát cảnh công trường ? Chỗ đứng ấy có lợi gì cho việc quan sát ?

2. Tại sao những cỗ máy khoan lại "khi ẩn khi hiện" ? Tác giả ví những chiếc máy xúc, xe ben-la, xe gấu giống những con vật gì ? Chúng làm việc ra sao ?

3. Tại sao con người có mặt khắp nơi trên công trường mà tác giả viết : "Hoàn toàn không thấy bóng người" ?

TIẾT 27

CỬA TÙNG

(Trích)

Trên sông Bến Hải – con sông nằm ngang vĩ tuyến mười bảy ghi dấu ấn lịch sử một thời chống Mĩ cứu nước rông rã suốt hơn hai mươi năm – thuyền chúng tôi đang xuôi dòng, trôi. Đôi bờ thôn xóm mướt màu xanh lũy tre làng và những rặng phi lao rì rào gió thổi.

Từ cầu Hiền Lương, thuyền xuôi khoảng sáu cây số nữa là đã gặp biển cả mênh mông. Nơi dòng Bến Hải gặp sóng biển khơi ấy chính là Cửa Tùng. Bãi cát trải dài từng được ngợi ca là "Bà chúa của bãi tắm". Diệu kì thay, trong một ngày, Cửa Tùng có ba sắc màu nước biển. Bình minh, mặt trời như chiếc thau đồng đỏ ối chiếu xuống mặt biển, nước biển nhuộm màu hồng nhạt. Trưa, nước biển xanh lơ và khi chiều tà thì biển đổi sang màu xanh lục. Đồng bào nơi đây nhận xét : "Nước biển đổi màu từng giờ dưới ánh mặt trời". Người xưa đã ví bờ biển Cửa Tùng giống như một chiếc lược đồi mồi cài vào mái tóc bạch kim của sóng biển.

THỤY CHƯƠNG

truongxua.vn

Chú giải

– *Vĩ tuyến mười bảy :* Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 về Việt Nam quy định đường ranh giới tạm thời giữa hai miền Nam Bắc là vĩ tuyến mười bảy.

– *Hiền Lương :* cầu bắc qua sông Bến Hải.

– *Bạch kim :* kim loại quý, màu trắng. Ý trong bài : tóc màu trắng sáng.

Hướng dẫn đọc

– Phát âm đúng các vần *iêu* (có nguyên âm đôi *iê*), *uôm* (có nguyên âm đôi *uô*) và *ươc* (có nguyên âm đôi *ươ*) trong các từ : *diệu kì, nhuộm, lược.*

– Bộ phận câu giữa hai vạch ngang (câu đầu bài) nên đọc chậm và hạ thấp giọng.

Tìm hiểu bài

1. Phong cảnh hai bên bờ sông Bến Hải có gì đẹp ?

2. Tại sao Cửa Tùng được ngợi ca là "Bà chúa của bãi tắm" ? Tìm những từ ngữ tả vẻ đẹp của bãi cát, của màu nước biển biến đổi trong một ngày.

3. Hình ảnh bờ biển Cửa Tùng trong câu cuối bài gợi cho em thấy hình dáng, màu sắc của bãi cát và sóng biển ra sao ?

* Học thuộc lòng đoạn "Từ cầu Hiền Lương... dưới ánh mặt trời".

TIẾT 28

THỊ TRẤN CÁT BÀ

Thị trấn Cát Bà xinh xắn có những dãy phố hẹp, những mái ngói cao thấp chen chúc nép dài dưới chân

thuongmaitr

núi đá. Một con đường uốn cong lượn khúc ngăn cách phố và biển. Bên trong là vách núi đá dựng đứng, cao sừng sững. Bên ngoài là biển rộng mênh mông tạo thành một góc vuông vức. Người ở xa mới đến trông cảnh tượng này có cảm giác rờn rợn, e rằng một con sóng dữ đập vào vách đá sẽ cuốn băng cả dãy nhà nhỏ bé kia xuống đáy biển.

Nhưng không, từ bao đời nay, thị trấn ven biển vẫn còn nguyên đấy. Sóng biển chỉ vỗ nhẹ rì rầm như sóng của một dòng sông. Bởi vì từ hai bên thị trấn, hai dãy núi như hai cánh cung vươn ra ôm lấy một vùng biển rộng. Đó là hai cánh tay lực lưỡng của thần núi ngăn đe thần biển bảo vệ cho phố chài được yên vui.

Nhà cửa ở đây phần lớn xây bằng đá với sò, hai thứ vật liệu sẵn có của núi và biển. Trong nhà ngoài ngõ đâu đâu cũng sực nức mùi cá biển. Cá thu, cá chim, cá mực, tôm hùm... phơi đầy trên sàn, trên nóc nhà, bờ tường, bãi cát...

truongxua.vn

Chậu cảnh thì làm bằng những con ốc biển khổng lồ, to bằng cái mũ. Sản vật ở biển tô điểm cho phố chài một vẻ đẹp độc đáo, riêng biệt.

NHIỀU TÁC GIẢ
Lược trích "Cát Bà – hòn đảo ngọc"

Chú giải

– ***Cát Bà*** : một hòn đảo ở vịnh Bắc Bộ, thuộc địa phận Hải Phòng.

– ***Sò*** : vỏ các loại trai ốc ở ven biển lâu ngày đóng lại thành lớp cứng như đá, nhân dân vùng biển dùng lưỡi mai sắc xắn thành khối hình viên gạch lớn, dùng để xây tường.

– ***Độc đáo*** : có tính chất riêng biệt, đặc sắc.

Hướng dẫn đọc

Phát âm rõ các tiếng có thanh ngã (~) trong : *sừng sững, sóng dữ, vỗ nhẹ, lục lưỡng, ngoài ngõ, bãi cát...*

Tìm hiểu bài

1. Thị trấn Cát Bà nằm ở đâu ? Trước mặt, sau lưng, hai bên thị trấn có những gì ?

2. Vì sao cảnh tượng ấy gây cho người ở xa mới tới một cảm giác rờn rợn ?

3. Phố chài có những nét gì độc đáo về vật liệu xây dựng, về sản vật ?

TIẾT 29

CHIM RỪNG TÂY NGUYÊN

thuongmaitr

Những cơn gió nhẹ làm mặt nước hồ I-rơ-pao chao mình rung động. Bầu trời trong xanh soi bóng xuống đáy hồ, mặt nước hồ càng xanh thêm và như rộng ra mênh mông. Nơi đây cất lên những tiếng chim ríu rít. Chúng từ các nơi trên miền Trường Sơn bay về. Chim đại bàng chân vàng mỏ đỏ đang chao lượn, bóng che rợp mặt đất. Mỗi lần đại bàng vỗ cánh lại phát ra những tiếng vi vu vi vút từ trên nền trời xanh thẳm, giống như có hàng trăm chiếc đàn đang cùng hòa âm. Bầy thiên nga trắng muốt chen nhau bơi lội... Những con chim kơ-púc, mình đỏ chót và nhỏ như quả ớt, cố rướn cặp mỏ thanh mảnh của mình hót lên lanh lảnh nghe như tiếng sáo. Các chú chim piêu có bộ lông màu xanh lục, đôi chân như đi tất vàng giống hệt những nhà thể thao đang nhào lộn trên cành cây. Chim vếch-ka mải mê chải chuốt bộ lông vàng óng của mình. Chim câu xanh, chim sa-tan

nhẹ nhàng cất tiếng hót gọi đàn. Họ nhà chim đủ các loại, đủ các màu sắc ríu rít bay đến đậu ở những bụi cây quanh hồ, tiếng hót rộn rã vang cả mặt nước.

THIÊN LƯƠNG

Chú giải

– *Chao :* nghiêng đi nghiêng lại.

– *Rợp :* bóng che dày đặc đến mức như phủ kín cả.

– *Hòa âm :* nhiều âm thanh hòa hợp với nhau trong dàn nhạc.

Hướng dẫn đọc

Giọng đọc cần nhấn mạnh hơn ở những từ ngữ miêu tả màu sắc, hình thù riêng của mỗi loài chim. Ví dụ : Chim đại bàng *chân vàng mỏ đỏ* đang chao lượn... Những con chim kơ-púc, mình *đỏ chót* và *nhỏ như quả ớt,* cố rướn *cặp mỏ thanh mảnh* của mình...

ruongxua.vn

Tìm hiểu bài

1. Cảnh đẹp của hồ I-rơ-pao được tác giả miêu tả như thế nào ?

2. Mỗi loài chim sống ở đây đều có hình dáng, màu sắc, tiếng kêu, động tác khác nhau. Em hãy nêu một số ví dụ.

3. Qua bài này, em thấy chim rừng Tây Nguyên như thế nào ?

* Ôn lại các bài học thuộc lòng ở Tiết 25, 27.

TIẾT 30

RỪNG PHƯƠNG NAM

Rừng cây im lặng quá. Một tiếng lá rơi lúc này cũng có thể khiến người ta giật mình. Lạ quá, chim chóc chẳng nghe con nào kêu. Hay vừa có tiếng chim ở một nơi nào xa lắm, vì không chú ý mà tôi không nghe chăng ?

Vẻ yên tĩnh của rừng lúc sáng sớm

Gió bắt đầu nổi rào rào theo với khối mặt trời tròn đang tuôn ánh sáng vàng rực xuống mặt đất. Một làn hơi đất nhè nhẹ tỏa lên, phủ mờ những cây cúc áo, rồi tan dần theo hơi ấm mặt trời. Phút yên tĩnh của rừng ban mai dần dần biến đi.

Chim hót líu lo. Nắng bốc hương hoa tràm thơm ngây ngất. Gió đưa mùi hương ngọt lan xa, phảng phất khắp rừng. Mấy con kì nhông nằm phơi lưng trên gốc cây mục, sắc da lưng luôn luôn biến đổi từ xanh hóa vàng, từ vàng hóa đỏ, từ đỏ hóa tím xanh... Con Luốc động đậy cánh mũi, rón rén bò tới. Nghe động tiếng chân con chó săn nguy hiểm, những con vật thuộc loài bò sát có bốn chân to hơn ngón chân cái kia liền quét chiếc đuôi dài chạy tứ tán, con núp chỗ gốc cây thì biến thành màu xám vỏ cây, con đeo trên tán lá ngái thì biến ra màu xanh lá ngái...

thuongmaitr

Tả vẻ đẹp của rừng

ĐOÀN GIỎI

Lược trích "Đất rừng phương Nam"

Chú giải

– *Tràm* : một loài cây họ sim có nhiều ở rừng phương Nam, vỏ dùng để xảm thuyền, lá cất lấy dầu thơm để xoa bóp.

– *Ngái* : một loài cây cùng họ với sung, lá rộng, có lông cứng.

– *Luốc* : tên riêng của con chó săn.

– *Tứ tán* : tỏa ra bốn phía (còn nói tán loạn).

– *Kì nhông* : thằn lằn đào hang sống trong bãi cát, bờ biển.

Hướng dẫn đọc

– Phát âm rõ các từ : *ngây ngất, phảng phất, yên tĩnh.*

– Chú ý nhấn giọng ở các từ gợi tả màu sắc, âm thanh, chuyển động của cảnh vật : *vàng rực, líu lo, lan xa, phảng phất...*

Tìm hiểu bài

1. Nêu những chi tiết miêu tả cảnh yên tĩnh của rừng phương Nam (từ đầu bài đến "tôi không nghe chăng ?").

2. Mùi hương của hoa tràm như thế nào ? Đặt câu với từ *ngây ngất*.

3. Tác giả tả kĩ những con kì nhông. Tại sao ?

4. Rừng phương Nam đối với em có những nét gì hấp dẫn ?

TIẾT 31

HÀNH QUÂN GIỮA RỪNG XUÂN

truongxua.vn

Rừng xa vọng tiếng chim gù
Ngân nga tiếng suối, vi vu gió ngàn.
Mưa xuân đẫm lá ngụy trang
Đường ra tiền tuyến nở vàng hoa mai.

Ba lô nặng, súng cầm tay
Đường xa biết mấy dặm dài nhớ thương.
Giờ này mẹ ở quê hương
Cũng chừng đang dõi theo đường ta đi.
Đêm mưa ngày nắng sá gì
Quân thù còn đó, ta đi chưa về.
Chim rừng thánh thót bên khe
Nhìn lên xanh biếc bốn bề rừng xuân.

LÊ ANH XUÂN

Chú giải

– *Ngụy trang* : che đậy để đánh lừa. Lá ngụy trang : lá phủ lên người, xe, pháo... để che mắt quân thù.

– *Dõi* : theo sát. Ý trong bài : luôn luôn nghĩ tới bước đường con đi.

thuongmaitr

Hướng dẫn đọc

Đọc đúng nhịp các câu thơ :

"Rừng xa / vọng tiếng chim gù
Ngân nga tiếng suối / vi vu gió ngàn".
"Ba lô nặng / súng cầm tay
Đường xa / biết mấy dặm dài nhớ thương".

Tìm hiểu bài

1. Tìm những từ ngữ miêu tả cảnh rừng mùa xuân (màu sắc, âm thanh) trong 4 dòng thơ đầu.

2. Câu thơ nào cho biết các anh bộ đội đang hành quân ra mặt trận ?

3. Trên đường đi đánh giặc, các anh bộ đội nhớ thương ai và có quyết tâm gì ? Những câu thơ nào diễn tả điều đó ?

* Học thuộc lòng bài thơ.

VƯỜN QUẢ CÙ LAO SÔNG

(Trích)

Từ bến sông của huyện lị Cái Bè, đi xuồng máy dọc theo sông Tiền chỉ một độ đường là sẽ gặp những cù lao lớn, cây cối xanh tốt um tùm ngót hai chục cây số chiều dài. Đất trên cù lao đã ổn định qua nhiều năm tháng chứ không như những bãi giữa sông Hồng khi bồi khi lở do sức công phá thất thường của lũ lụt.

Những xóm làng trên cù lao sông Tiền có từ bao đời nay không hề biến động. Có những vườn cây mới trồng nhưng bạt ngàn là những vườn cây quả cổ thụ. Những rãnh nước được xẻ từ sông vào tưới tắm cho gốc cây bốn mùa ẩm ướt. Cóc, mận, mãng cầu, chôm chôm, vú sữa, xoài tượng, xoài cát... mọc chen nhau. Đứng trên mui vững chắc của chiếc xuồng máy, người nhanh tay có thể với lên hái được những trái cây tríu xuống từ hai phía cù lao. Những người chủ vườn tốt bụng và hào phóng thấy thế chỉ cười, ánh mắt thích thú nhìn khách...

Những vườn quả lớn mênh mông này ngày ngày trút sản vật xuống những chiếc xuồng để tỏa đi các thành phố khắp miền Nam, ra cả Hà Nội, Hải Phòng xa xôi nữa...

VŨ ĐÌNH MINH

Chú giải

– *Cù lao* : vùng đất nổi có nước bao quanh ở sông, biển.

– *Um tùm* : (cây cối) rậm rạp, sum sê.

– *Công phá :* đánh phá kịch liệt. Ý trong bài : sức phá hoại mạnh mẽ của lũ lụt.

– *Bạt ngàn :* rộng mênh mông.

– *Hào phóng :* rộng rãi trong việc ăn tiêu, tiếp đãi người khác (trái nghĩa với bủn xỉn, ki bo).

Hướng dẫn đọc

– Phát âm rõ các tiếng có thanh ngã : *bãi giữa sông, vú sữa, trĩu xuống.*

– Đọc tách riêng các từ trong câu :

Cóc / mận / mãng cầu / chôm chôm / vú sữa / xoài tượng / xoài cát, ... mọc chen nhau.

Tìm hiểu bài

1. Các cù lao trên sông Tiền khác với những bãi bồi trên sông Hồng như thế nào ?

2. Trên các cù lao sông Tiền có những loại cây ăn quả nào ? Vườn cây quả tươi tốt ra sao ?

3. Bài văn này gợi cho em những suy nghĩ gì về sản vật, con người vùng đồng bằng sông Cửu Long ở miền Nam ?

TIẾT 33

ĐẤT CÀ MAU

Cà Mau là đất mưa dông. Vào tháng ba, tháng tư, sớm nắng chiều mưa. Đang nắng đó, mưa đổ ngay xuống đó. Mưa hối hả không kịp chạy vào nhà. Mưa rất phũ, một hồi rồi tạnh hẳn. Trong mưa thường nổi cơn dông.

Cà Mau đất xốp. Mùa nắng, đất nẻ chân chim, nền nhà cũng rạn nứt. Trên cái đất phập phều và lắm gió, dông như thế, cây đứng lẻ khó mà chống nổi với những

thuongmaitr

cơn thịnh nộ của trời. Cây bình bát, cây bần cũng phải quây quần thành chòm, thành rặng ; rễ phải dài, phải cắm sâu vào lòng đất. Nhiều nhất là đước. Đước mọc san sát đến tận mũi đất cuối cùng, thẳng đuột như hằng hà sa số cây dù xanh cắm trên bãi. Nhà cửa dựng dọc theo những bờ kênh, dưới những hàng đước xanh rì. Nhà nọ sang nhà kia phải leo trên cầu bằng thân cây đước...

Sống trên cái đất mà ngày xưa, dưới sông "cá sấu cản trước mũi thuyền", trên cạn "hổ rình xem hát" này, con người phải thông minh và giàu nghị lực. Họ thích kể, thích nghe những huyền thoại về người vật hổ, bắt cá sấu, bắt rắn hổ mây. Tinh thần thượng võ của cha ông được nung đúc và lưu truyền để khai phá, giữ gìn mũi đất tận cùng này của Tổ quốc...

truongxua.vn

MAI VĂN TẠO

Trích "Cà Mau quê hương cây đước, cây tràm"

Chú giải

– *Phũ* (phũ phàng) : ý nói mưa dữ dội đến mức tàn nhẫn.

– *Nẻ chân chim* : rạn nứt ra tứ phía trông giống dấu chân chim.

– *Phập phều* : trôi nổi, phồng lên rồi lại xẹp xuống.

– *Cơn thịnh nộ* : nổi giận rất dữ. Ý trong bài : mưa gió, sấm sét rất lớn, như trời giận dữ mà gây ra.

– *Huyền thoại* : chuyện kì lạ không có thực, do tưởng tượng ra.

– *Thượng võ* : tỏ ra có khí phách và lòng hào hiệp.

Hướng dẫn đọc

– Phát âm rõ các từ ngữ : *sớm nắng chiều mưa, hằng hà sa số, phập phều, thượng võ, nung đúc.*

– Nhấn giọng ở những từ ngữ miêu tả tính chất khắc nghiệt của khí hậu, đất đai, và cuộc sống của con người Cà Mau : *hối hả, cơn thịnh nộ của trời,*v.v...

Tìm hiểu bài

1. Bài có thể chia thành 3 đoạn, mỗi đoạn tập trung diễn đạt một ý. Đó là những ý gì ?

2. Mưa ở Cà Mau có gì khác thường ?

3. Cà Mau có cây gì đặc biệt ? Cây đó phát triển ra sao ?

4. Tinh thần gì được người dân Cà Mau truyền giữ từ đời này qua đời khác ?

* Học thuộc lòng đoạn cuối của bài.

TIẾT 34

CÁ HEO Ở BIỂN TRƯỜNG SA

thuongmaitr

Đêm trăng. Biển yên tĩnh. Tàu PHƯƠNG ĐÔNG của chúng tôi buông neo trong vùng biển Trường Sa.

Một số chiến sĩ thả câu. Một số khác quây quần trên boong sau, ca hát, thổi sáo. Buổi văn nghệ đang đầy ắp tiếng cười, bỗng biển có tiếng động mạnh, nước đập ùm ùm như có người tập bơi. Một người kêu lên : "Cá heo !" Thì ra cá heo thấy chiến sĩ hò hát vui quá, gọi nhau quây đến quanh tàu như để chia vui.

Cá heo giống tính trẻ em, thích nô đùa, thích được cổ vũ. Anh em ùa ra vỗ tay hoan hô : "A ! Cá heo nhảy múa đẹp quá !". Thế là cá thích, nhảy vút lên thật cao. Có chú quá đà, vọt lên boong tàu cách mặt nước

đến một mét. Có lẽ va vào sắt bị đau, chú nằm im, mắt nhắm nghiền, phía đuôi bị rách một mảng.

Một anh chiến sĩ đến nâng con cá lên hai bàn tay nói nựng :

– Có đau không chú heo ? Lần sau, khi nhảy múa phải chú ý nhé, đừng nhảy lên boong tàu.

Anh ta vuốt ve con cá rồi thả xuống nước. Cả đàn cá quay ngay lại, ngoảnh đầu về phía boong tàu, nhảy vung lên như để cám ơn rồi tỏa ra biển rộng. Hôm sau, tàu nhổ neo. Đàn cá heo lại kéo đến. Chúng bơi trước mũi tàu như kẻ dẫn đường, quyến luyến không muốn chia tay. Đúng là đàn cá heo đêm qua. Anh em chiến sĩ nhận ra chú cá có mảng đuôi bị rách...

HÀ ĐÌNH CẨN

tình cảm thắm thiết của
anh bộ đội đối với cá heo

Chú giải

– *Trường Sa* : tên quần đảo ở vùng biển phía đông nam của Việt Nam.

truongxua.vn

– *Cổ vũ* : khuyến khích, động viên.

– *Boong* : sàn ở hai bên, mũi và cuối tàu thủy.

Hướng dẫn đọc

– Phát âm đúng tiếng *boong* (giống như : cái *xoong*, chuông kêu *boong boong*).

– Đọc đúng ngữ điệu các câu :

"A ! Cá heo nhảy múa đẹp quá !" (*giọng reo vui*)

"Có đau không chú heo ?..." (*giọng âu yếm, vỗ về*)

Tìm hiểu bài

1. Trong bài, những chi tiết nào cho thấy cá heo thích nô đùa, thích được cổ vũ ?

2. Những từ *nâng* (con cá trên hai bàn tay), *nựng* (nói nựng), *vuốt ve* thể hiện tình cảm gì của anh chiến sĩ đối với con cá heo bị nạn ?

3. Những chi tiết nào cho thấy cá heo cũng hiểu được ý định và tình cảm của con người ?

thuongmaitr

4. Khi tả cảnh, người ta có thể viết những câu ngắn như : "Đêm trăng. Biển yên tĩnh". Em hãy viết 3 câu kiểu đó, nối tiếp nhau để tả cảnh sân trường của em trước giờ vào học.

TỪ NGỮ

TIẾT 1

THẦY TRÒ

I – Từ ngữ

– thầy giáo, cô giáo, tình thầy trò, tình bạn, kỉ niệm.

– dạy dỗ, kể chuyện, ngâm thơ, học tập, vui chơi, mong đợi.

– tận tụy, thân thương.

– kính thầy yêu bạn.

II – Luyện tập

A – *Trả lời câu hỏi*

1. "Tình thầy trò" chỉ mối quan hệ về tình cảm giữa ai với ai ? Tình cảm đó thể hiện như thế nào ?

2. Em hãy kể một *kỉ niệm* mà em còn ghi nhớ về một thầy giáo hoặc cô giáo cũ của em. Em hiểu *kỉ niệm* là gì ?

3. Tìm thêm các từ ngữ nói về "tình thầy trò" và "tình bạn" (trong bài "Ngày khai trường" hoặc em biết).

4. Tìm một từ gần nghĩa với "thân thương".

B – *Điền từ*

Tìm từ ngữ thích hợp ở mục I điền vào chỗ trống trong bài sau :

CÔ GIÁO CŨ

Năm ngoái, Hải được học với cô Hoa là . . . dạy giỏi của khối lớp 3. Năm nay lên lớp 4, Hải được học với . . . Hiển mới chuyển về trường.

Tuy không học với cô Hoa nữa, nhưng Hải và các bạn lớp 4A sẽ không bao giờ quên được người mẹ hiền yêu quý ấy đã . . . dạy dỗ các em trong suốt ba năm học liền, khi các em . . . cũng như lúc các em . . . Biết bao . . . đáng ghi nhớ về cô giáo cũ . . . !

Q.T

C – *Luyện từ*

"Giáo" có nghĩa là dạy bảo. Em hãy tìm một số *từ ghép* là danh từ chỉ *người*, trong đó có tiếng "giáo".

TIẾT 2

TỔ QUỐC

I – Từ ngữ

– thành phố, làng mạc, nhà máy, biển lúa, núi rừng, biển khơi, Tổ quốc.

– độc lập, tươi đẹp, đổi mới, bát ngát, tha thiết, phấn khởi, mơ tưởng.

– cờ đỏ sao vàng, gió núi trăng ngàn.

II – Luyện tập

A – *Trả lời câu hỏi*

1. Để chỉ đất nước, ngoài từ "Tổ quốc", còn có những từ nào ?

2. Em hiểu thế nào là một nước *độc lập* ? Tìm từ trái nghĩa với "độc lập".

3. Từ "biển khơi" chỉ vùng biển rộng mênh mông xa bờ. "Biển lúa" có ý gì giống và có ý gì khác "biển khơi" ?

4. "Trăng ngàn", "gió núi" nói về trăng và gió ở đâu ?

5. Tên gọi đầy đủ của Tổ quốc ta hiện nay là gì ?

B – *Điền từ*

Tìm từ ngữ thích hợp ở mục I điền vào chỗ trống trong bài sau :

thuongmaitr

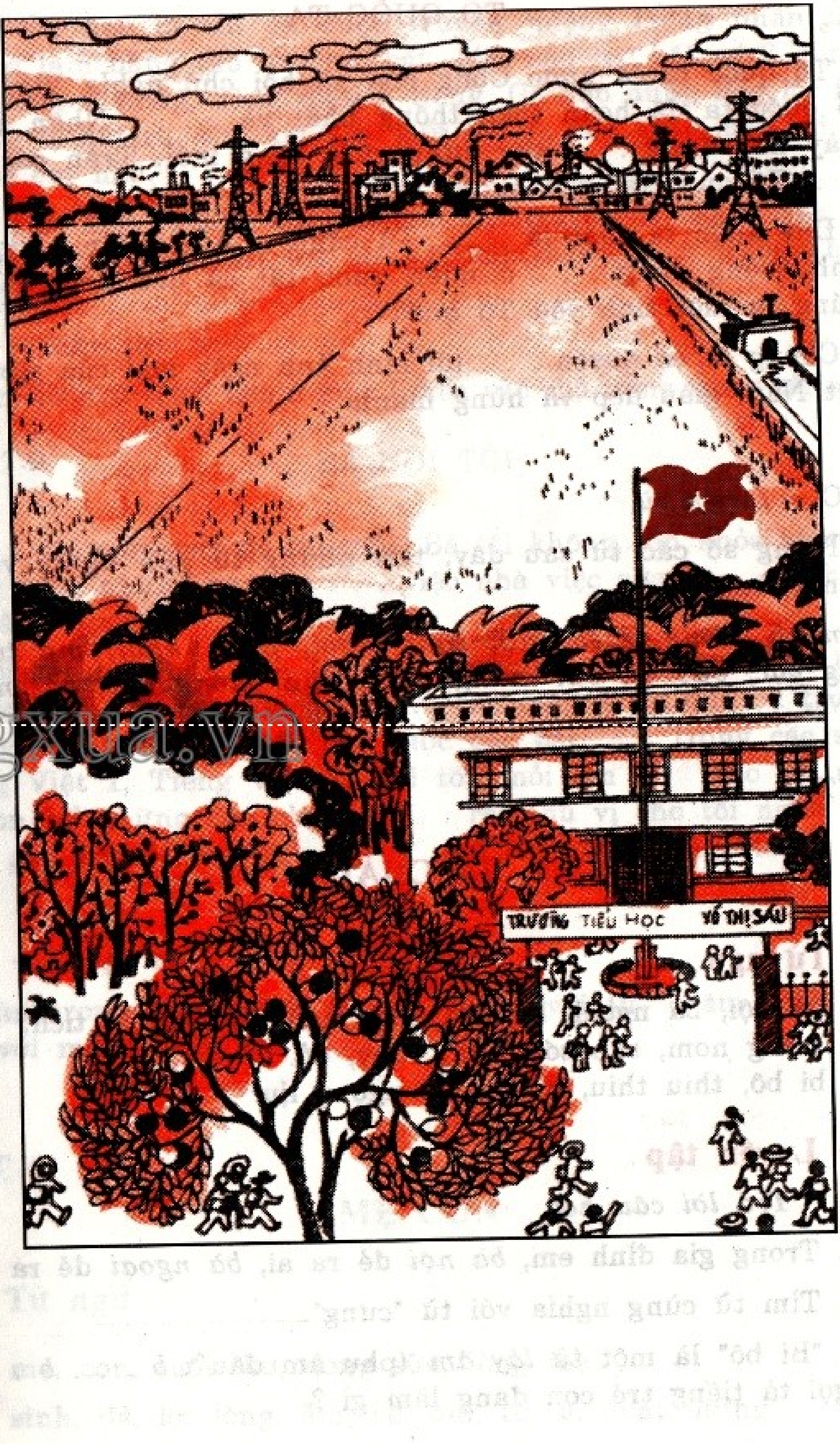

truongxua.vn

TỔ QUỐC TA

Tổ quốc ta là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Tổ quốc ta đã hoàn toàn thống nhất và . . . . Nhân dân ta ngày nay đang . . . xây dựng cuộc sống mới. Trên các . . ., . . ., Tổ quốc ta, quê hương ta . . . từng ngày.

Đất nước ta thật là . . .. Từ cảnh . . . ở miền ngược, tới cảnh ruộng đồng . . . ở miền xuôi, tất cả đều đem đến cho chúng ta một tình yêu Tổ quốc . . .

Chúng ta có quyền . . . tới hình ảnh ngày mai của một . . . Việt Nam giàu đẹp và hùng mạnh.

Q.T

C – *Luyện từ*

Trong số các từ sau đây, tìm những từ gần nghĩa và ghi thành từng nhóm :

mênh mông, biển lúa, sáng ngời, phấn khởi, mơ tưởng, vàng vặc, bao la, vui mừng, đồng lúa, mong ước, bát ngát.

thuongmaitr

TIẾT 3

BÀ CHÁU

I – Từ ngữ

– bà nội, bà ngoại, bữa ăn, giấc ngủ, ca dao, cổ tích.
– trông nom, săn sóc, cưng, dạy, dỗ.
– bi bô, thiu thiu, ngọng líu ngọng lịu.

II – Luyện tập

A – *Trả lời câu hỏi*

1. Trong gia đình em, *bà nội* đẻ ra ai, *bà ngoại* đẻ ra ai ?

2. Tìm từ cùng nghĩa với từ "cưng".

3. "Bi bô" là một từ *láy âm* (phụ âm đầu : *b* . . . *b* . . .). Nó gợi tả tiếng trẻ con đang làm gì ?

4. Ca dao là bài ca được truyền miệng trong nhân dân, thường làm bằng thể thơ lục bát. Một câu lục bát có 2 dòng : dòng trên 6 tiếng, dòng dưới 8 tiếng. Ca dao dùng làm lời hát, thường là hát ru. Em hãy đọc một bài ca dao hoặc một bài hát ru mà em nhớ.

5. Tìm một từ ngữ cùng nghĩa với "truyện cổ tích". Nêu tên một vài truyện cổ tích mà em đã được nghe kể ở trường hoặc ở nhà.

B – *Điền từ*

Tìm từ ngữ thích hợp ở mục I điền vào chỗ trống trong bài sau :

BÀ NỘI TÔI

. . . tôi năm nay đã 60 tuổi. Bà tôi không còn khỏe như hồi trước nữa, nhưng bà vẫn . . . việc nhà việc cửa và . . . chúng tôi hằng ngay.

Tôi là cháu đầu của bà nên từ nhỏ đã được bà . . . lắm. Hồi tôi mới lên hai, còn đang . . . tập nói, bà tôi đã . . . truyền miệng cho tôi đọc thuộc làu được các bài . . . trong các sách Tiếng Việt 1, Tiếng Việt 2. Tối tối, mỗi lần . . . cho tôi ngủ, bà còn kể những câu chuyện . . . rất thú vị cho tôi nghe. Tôi nằm gọn trong lòng bà và . . . ngủ lúc nào không biết.

Q.T

C – *Luyện từ*

Tìm trong bài trên 2 từ gần nghĩa với từ "chăm sóc". Đặt câu với mỗi từ đó.

TIẾT 4

MẸ CON

I – Từ ngữ

– mẹ, con, tuổi thơ, dòng sữa, lòng mẹ.

– sinh, đẻ, lọt lòng, ẵm, bế, ôm, ru, ủ, quạt, nựng.

truongxua.vn

– chập chững, lon ton.

– mang nặng đẻ đau.

II – Luyện tập

A – *Trả lời câu hỏi*

1. "Tuổi thơ" là tuổi trẻ em từ khoảng tuổi nào đến tuổi nào ?

2. "Lon ton" là một từ láy gồm 2 tiếng có vần và thanh giống nhau được láy lại. Từ "lon ton" gợi tả được hình ảnh em bé đang làm gì ?

3. "Chập chững" cũng là một từ *láy* gồm 2 tiếng có phụ âm đầu giống nhau được láy lại (*láy âm : ch . . . ch . . .*) để gợi tả hình ảnh em bé đang làm gì ?

**4. Thành ngữ nào nói lên nỗi vất vả, nhọc nhằn không tả xiết của người mẹ lúc mang thai và sinh con ?

B – *Điền từ*

Tìm từ ngữ thích hợp ở mục I điền vào chỗ trống trong bài sau :

thuongmaitr

MẸ

Mẹ mang nặng đẻ đau . . . ra con từ một hòn máu đỏ. Ngay từ buổi con mới . . ., ngày ngày mẹ . . . con trên tay. Bữa bữa mẹ cho con bú . . . mát lành của mẹ và . . . cho con ngủ ngon giấc. Trời rét, mẹ . . . con vào lòng và . . . ấm cho con. Trời nóng, mẹ . . . cho con mát. Khi con đã biết ngồi, mẹ dạy con . . . tập đứng, rồi . . . tập đi. Lúc con vấp ngã, mẹ . . . con lên và dịu dàng . . . con : "Con mẹ khéo quá !".

Tiếng đầu tiên mẹ dạy con nói là tiếng : . . . ! Và . . . sung sướng biết ngần nào khi lần đầu tiên . . . đã biết gọi : Mẹ !

Q.T

C – *Luyện từ*

1. Em hãy cho biết : ngoài từ "mẹ" ra, còn có những từ nào cùng nghĩa được dùng để gọi "mẹ" ?

*2. Dựa vào những bức tranh dưới đây (từ H.1 đến H.6), em hãy tìm những từ gần nghĩa với từ "ẵm". Căn cứ vào mỗi bức tranh, em thử đặt câu với mỗi từ đó.

H.1

H.2

H.3

H.4

H.5

H.6

truongxua.vn

TIẾT 5

ÔN TẬP

1. "Tổ quốc" là một từ ghép gốc Hán (từ Hán Việt). Em hãy :

– Tìm một số từ ghép khác trong đó có tiếng "tổ" cùng nghĩa (*tổ* : ông cha từ thời xa xưa).

– Tìm một số từ ghép khác trong đó có tiếng "quốc" (*quốc* : nước, đất nước) dùng để chỉ :

+ Lá cờ của nước.

+ Bài hát chính thức của một nước.

+ Bản nhạc của bài hát chính thức của một nước.

+ Huy hiệu tượng trưng cho một nước.

+ Cơ quan quyền lực cao nhất trong nước gồm các đại biểu do dân bầu ra.

2. "Cổ tích" cũng là một từ ghép gốc Hán. Em hãy tìm một số từ ghép khác trong đó có tiếng "cổ" cùng nghĩa (*cổ* : cũ, xưa).

3. Hãy tìm một từ thích hợp có thể điền được vào chỗ trống trong tất cả các câu sau :

– Kính . . . yêu bạn.

– Trọng . . . mới được làm . . .

– Một chữ cũng là . . ., nửa chữ cũng là . . .

– Không . . . đố mày làm nên.

** Em hiểu ý nghĩa của mỗi câu trên ra sao ?

*4. Hãy chọn từ thích hợp (*tận tình, tận tâm, tận lực, tận tụy*) điền vào những chỗ trống sau :

_ . . . với công việc.

_ . . . với nghề nghiệp.

_ . . . cứu chữa người bệnh.

_ . . . giúp đỡ bạn.

_ . . . khắc phục khó khăn.

**5. Điền từ thích hợp vào chỗ trống các dòng sau để có những từ ghép cùng nghĩa và gần nghĩa :

_ Tuổi . . . lòng.

_ Tuổi . . . ngựa.

_ Tuổi . . . sữa.

_ Tuổi . . . ấu.

thuongmaitr

TIẾT 6

QUÊ HƯƠNG

1. Chọn từ ngữ ở cột bên trái ghép với từ ngữ thích hợp ở cột bên phải để tạo thành những câu văn miêu tả *phong cảnh quê hương :*

trời cao	lồng lộng	mặt hồ	bay bổng
cánh đồng	nhởn nhơ	cánh cò	lăn tăn
mây trắng	trải rộng	ngả đường	tím ngắt
dòng sông	xuôi ngược	chân trời	xa tắp
đoàn thuyền	uốn khúc	rặng núi	bao la

2. "Lăn tăn" là một từ *láy* (láy *vần : ...ăn ...ăn*). Nó gợi tả hình ảnh những lần sóng chuyển động như thế nào ?

– *lặng sóng, gợn sóng, lăn tăn :* những từ nào gần nghĩa, những từ nào trái nghĩa nhau ?

truongxua.vn

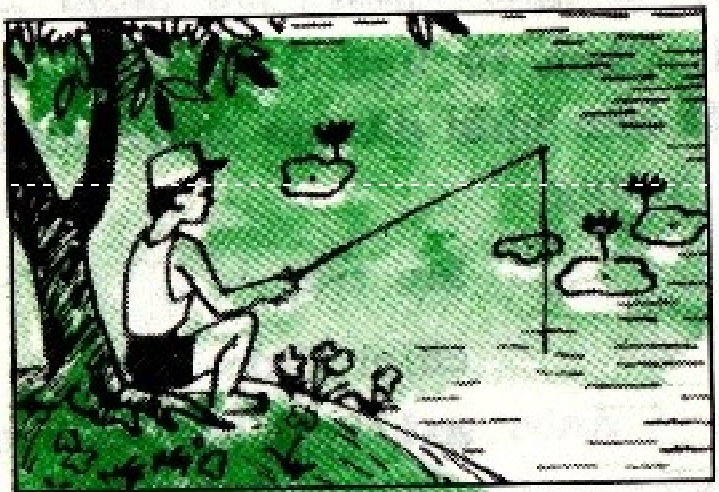

H.1 - Mặt hồ ... gợn sóng.

H.2 – Sóng lượn ... trên mặt sông.

H.3 – Sóng biển ... xô vào bờ.

** – Dựa vào những bức tranh trong bài, em hãy tìm một vài từ láy gợi tả hình ảnh những làn sóng chuyển động từ yếu đến mạnh. Chọn từ thích hợp điền vào câu ghi dưới mỗi bức tranh *(H.1, H.2, H.3* trang 69).

3. "Lồng lộng" cũng là một *từ láy* (vừa láy *âm : l... l...*, vừa láy *vần : ...ông ...ông*). Nó gợi tả hình ảnh bầu trời như thế nào ?

TIẾT 7

QUÊ HƯƠNG

(Tiếp theo)

1. Chọn từ ngữ ở cột bên trái ghép với từ ngữ thích hợp ở cột bên phải để tạo thành những câu văn miêu tả *cảnh vật quê hương :*

thuongmaitr

lũy tre	xanh tươi
chim chóc	mát rượi
đàn trâu	cổ kính
cây cối	um tùm
ong bướm	hiu hiu
đường làng	lơ lửng
mái đình	rì rào
cây đa	gặm cỏ
ngọn gió	ríu rít
cánh diều	rập rờn

(*Cổ kính :* xưa, cũ và có vẻ trang nghiêm).

2. Trong số các từ trên, những từ nào là từ *láy* ? Những từ đó khác các từ còn lại không phải là từ láy như thế nào ?

- "Rì rào" là từ láy thường dùng để tả tiếng gió thổi như thế nào ?

- Hãy tìm một vài từ láy khác gợi tả tiếng gió thổi mạnh. Đặt câu với mỗi từ đó.

3. Tìm một vài từ láy gợi tả *tiếng gà kêu, tiếng chim hót, tiếng gió thổi* (có thể dựa vào các bài Tập đọc đã học).

TIẾT 8

THẮNG CẢNH

I - Từ ngữ

- núi non, hang động, thác, biển, hồ, vịnh, vũng, kì quan, viên ngọc quý, tạo hóa, khách du lịch.

- non sông gấm vóc, muôn hình muôn vẻ, non xanh nước biếc.

truongxua.vn

II - Luyện tập

A - *Trả lời câu hỏi*

1. Phong cảnh như thế nào được gọi là *thắng cảnh* ?

Em hãy nêu một vài ví dụ về thắng cảnh ở nước ta hoặc ở địa phương em (*xem tranh* H.1, H.2, H.3, H.4-trang 72).

2. Chỗ dòng suối hay dòng sông, nước chảy như thế nào gọi là *thác* ? Kể tên một vài thác được coi là thắng cảnh ở nước ta.

3. Kể tên một vài *hang* và *động* nổi tiếng ở nước ta hoặc ở địa phương quê hương em. Căn cứ vào đó, em hãy cho biết *hang* và *động*, cái nào sâu hơn, rộng hơn ?

4. Vịnh là gì ? *Vịnh* to hơn hay nhỏ hơn *vũng* ? Kể tên một vài vịnh và vũng đẹp ở nước ta.

5. Những cảnh đẹp kì lạ, hiếm có gọi là *kì quan* (Ví dụ : vịnh Hạ Long ở Việt Nam và đền Ăng-co Vát ở Cam-pu-chia

được xếp là 2 kì quan). Vậy *kì quan* và *thắng cảnh* khác nhau thế nào ?

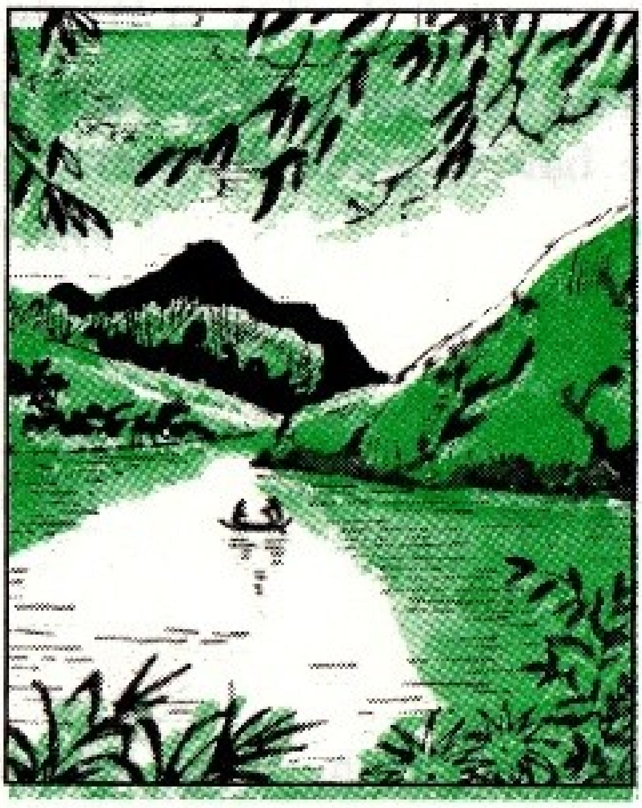

H.1 - Hồ Ba Bể

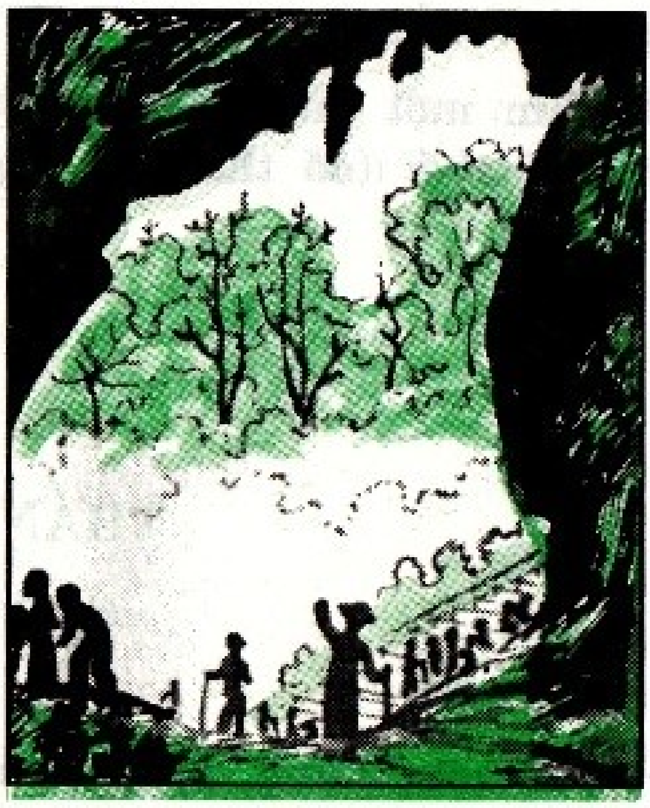

H.2 - Động Hương Tích

thuongmaitr

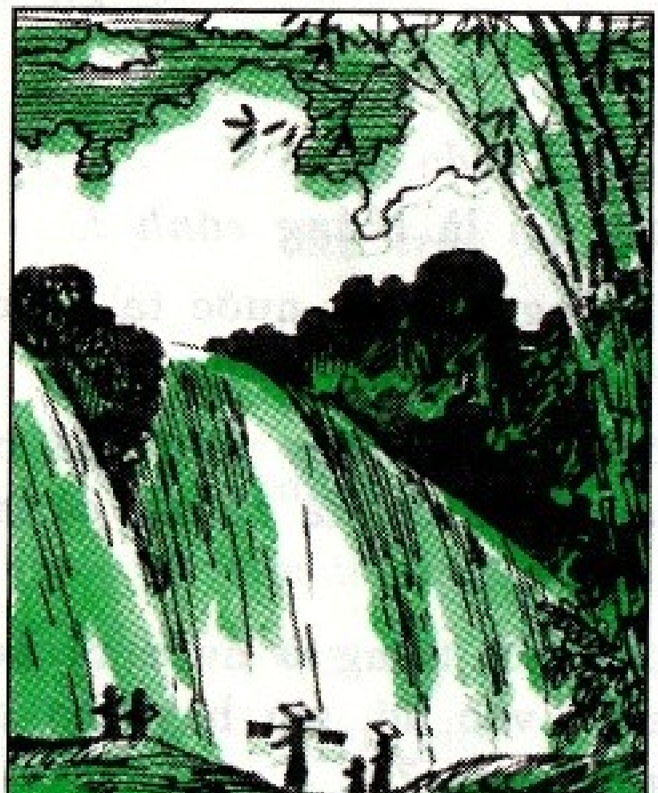

H.3 - Thác Bản Giốc

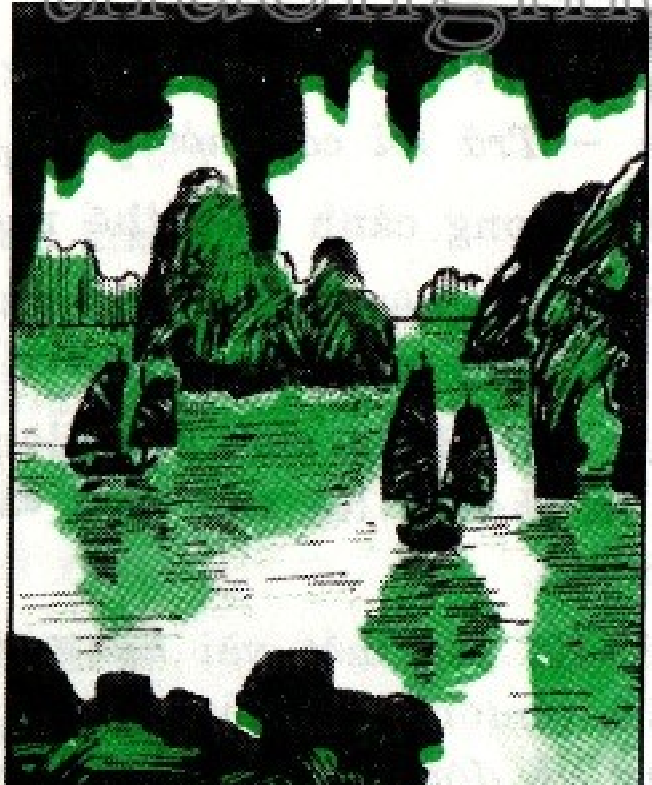

H.4 - Vịnh Hạ Long

B – *Điền từ*

Tìm từ ngữ thích hợp ở mục I điền vào chỗ trống trong bài sau :

MỘT VÀI THẮNG CẢNH CỦA ĐẤT NƯỚC

Đất nước ta đâu đâu cũng có những cảnh đẹp nổi tiếng.

Phong cảnh Sa Pa ở miền Bắc cũng như Đà Lạt ở miền Nam, đều có thể xem như những "quà tặng diệu kì" mà . . . dành cho đất nước ta. Nếu . . . Hạ Long ở miền Bắc được coi là một trong các . . . của thế giới, thì biển Nha Trang hoặc Vũng Tàu ở miền Nam là những cảnh đẹp có sức hấp dẫn mạnh mẽ đối với . . . nước ngoài. Ở Bắc Cạn có hồ Ba Bể với cảnh . . . tuyệt vời. Ở quê hương Tây Nguyên giàu đẹp lại có hồ Tơ-nưng, một . . . của đất nước. Ở miền Bắc có cảnh chùa Hương với động Hương Tích nổi tiếng ; ở miền Trung cũng có Ngũ Hành Sơn với cảnh . . . lạ kì.

T.L

ruongxua.vn

C – *Luyện từ*

1. Tìm một số từ ghép gồm 2 tiếng, trong đó có tiếng "kì". Tiếng "kì" có thể đứng trước hoặc đứng sau tiếng ghép với nó (*kì* có nghĩa là *lạ*).

**2. Tìm trong bài tập điền từ ở trên một từ cùng nghĩa với "tạo hóa".

TIẾT 9

SÔNG NƯỚC

I – Từ ngữ

– sông, suối, kênh rạch, mương máng, thác ghềnh, thuyền, bè, tàu, ca nô, sà lan.

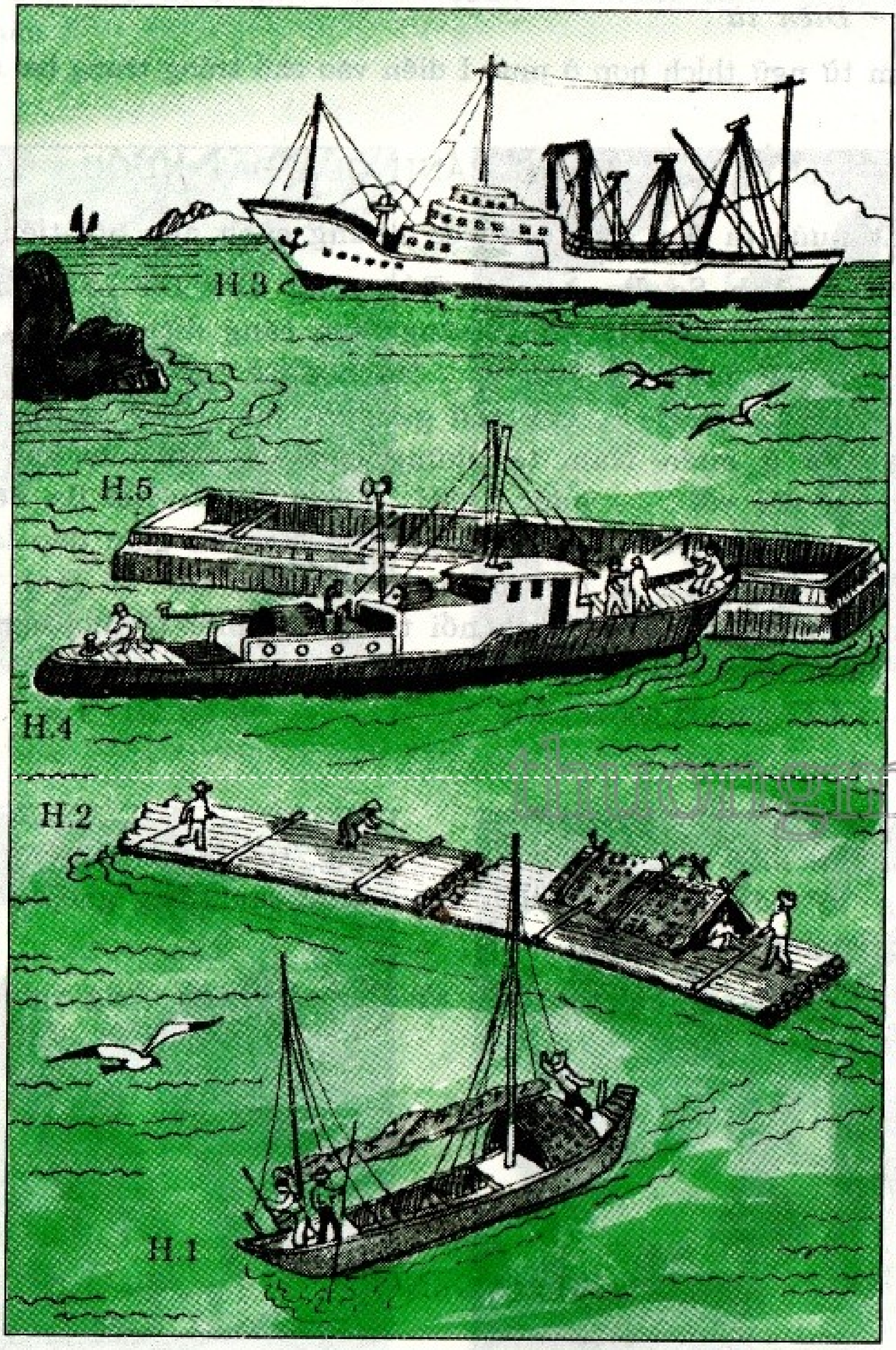
H.3
H.5
H.4
H.2
H.1

– giương buồm, rẽ sóng, xuôi ngược, cuồn cuộn, cheo leo, thoai thoải, như mắc cửi.

II – Luyện tập

A – *Trả lời câu hỏi*

1. *Kênh* và *rạch* khác nhau như thế nào ? Kênh lớn hay rạch lớn hơn ?

2. *Ghềnh* khác *thác* như thế nào ? Tại sao lại nói : "*Lên* thác *xuống* ghềnh" ?

3. *Thuyền* và *bè* có gì giống nhau, có gì khác nhau ? (H.1, H.2 trang 74)

4. "Ca nô" là từ gốc tiếng nước ngoài. Tìm từ tiếng Việt cùng nghĩa với "ca nô". Em hãy chỉ trong tranh vẽ : đâu là *tàu,* đâu là *ca nô, sà lan* ? (H.3, H.4. H.5 trang 74)

5. Thuyền bè, xe cộ đi lại như thế nào thì ví "như mắc cửi" ?

B – *Điền từ*

Tìm từ ngữ thích hợp ở mục I điền vào chỗ trống trong bài sau :

tuongxua.vn

SÔNG NƯỚC QUÊ HƯƠNG

Nước ta lắm . . ., nhiều . . . ; kênh rạch, mương máng trải khắp như bàn cờ.

Trên các dòng sông lớn, quanh năm thuyền bè qua lại . . . Ngược dòng thì có các . . . chở gạo, chở muối, nước mắm, hoặc chở chum vại, đồ sành, đồ sứ, v.v... tấp nập . . ., theo hướng gió đi lên. Xuôi dòng thì có các . . . gỗ hoặc luồng, tre, nứa, song, mây, v.v... hối hả theo dòng . . . đổ xuống. Từng quãng, đôi lúc lại xuất hiện một con . . . chở hành khách đang ầm ì . . . hoặc vài ba chiếc . . . chất hàng đang . . . trên sông.

Ở những khúc sông miền ngược lắm . . . thì hai bên bờ san sát rừng cây, vách đá . . . Xuống đến mạn dưới, bờ sông lại hiện ra . . . với ngàn dâu xanh biếc một màu, hoặc những bãi ngô, khoai, sắn, tươi xanh mơn mởn.

T.L

lên thác xuống ghềnh có ý nói gặp nhiều khó kh
trở ngại liên tục

C – *Luyện từ*

1. Tìm một số từ mang ý nghĩa cùng loại với :

– sông, suối . . .

– thuyền, ghe . . .

– giương (buồm), rẽ (sóng) . . .

**2. Tìm từ thích hợp điền vào chỗ trống trong các thành ngữ sau :

– Lên . . . xuống . . .

– Thuận . . . xuôi . . .

– Ra . . . vào . . .

TIẾT 10

TRUNG DU

1. Có các *danh từ* :

thuongmaitr

rừng . . .	nhà máy . . .
đồi . . .	trạm . . .
ruộng . . .	khu . . .
nương . . .	nhà . . .
bãi . . .	nông trường . . .

Chọn từ thích hợp dưới đây ghép vào sau mỗi danh từ trên cho rõ nghĩa :

an dưỡng, giấy, ngô, chè, nghỉ mát, khí tượng, chăn nuôi, lúa, cọ, dâu.

2. Nối một động từ ở cột bên trái với một danh từ ở cột bên phải cho có nghĩa thích hợp :

bẻ	nón
hái	bò
đan	chè
dỡ	lúa
gặt	ngô (bắp)
chăn	sắn (củ mì)

3. Vùng đất đai như thế nào được gọi là *trung du* ?

4. Điền từ ngữ thích hợp vào chỗ trống trong bài sau :

QUÊ EM MIỀN TRUNG DU

Quê em ở miền trung du, phong cảnh rất đẹp. Nào . . . trập trùng . . . bát ngát, nào . . . xanh rờn và các . . ., nương sắn trải khắp sườn đồi, sườn núi.

Quê em còn có một . . . bò rất lớn và cả một khu công nghiệp đồ sộ với các nhà máy chè, nhà máy hóa chất sừng sững bên dòng sông Hồng cuồn cuộn chảy qua. Trên đỉnh ngọn núi đẹp nhất ở quê em lại có . . . để theo dõi thời tiết, có . . . và . . . dành cho cán bộ, công nhân viên chức thường xuyên đến dưỡng bệnh và nghỉ ngơi.

Cuộc sống lao động làm ăn ở đây quanh năm nhộn nhịp. . . . bao la đem lại cho quê em nghề . . . cổ truyền và các nghề đan mành cọ, làn cọ để xuất khẩu rất phát đạt.

T.L

uongxua.vn

TIẾT 11

VIỆT BẮC

I – Từ ngữ

– rừng già, rẫy, măng, sắn lùi, chăn sui, bộ đội biên phòng.

– trùng trùng điệp điệp, hùng vĩ, heo heo, mờ ảo, yên tĩnh, vang động, sôi động, giản dị.

– trèo đèo vượt suối.

II – Luyện tập

A – *Trả lời câu hỏi*

1. Rừng có cây cối như thế nào được gọi là "*rừng già*" ? Những từ ngữ nào chỉ cảnh và vật thường có ở rừng núi Việt Bắc ?

2. "Ruộng" và "rẫy" khác nhau như thế nào ?

3. *Chăn sui* làm bằng vỏ cây *sui* (cây to cùng họ với cây dâu) đập dập và trải rộng ra để đắp. So sánh *chăn sui* với *chăn bông* và *chăn len*, em có nhận xét gì ?

4. Núi non *trùng trùng điệp điệp* là núi non như thế nào ? *(Xem tranh vẽ)*

Núi non trùng trùng điệp điệp.

5. Từ "sôi động" gợi cho em hình ảnh như thế nào về trạng thái chuyển động ?

B – *Điền từ*

Tìm từ ngữ thích hợp ở mục I điền vào chỗ trống trong bài sau :

PHONG CẢNH VÙNG RỪNG NÚI MIỀN BẮC

Núi non ... mây phủ bốn mùa. Những cánh ... dày đặc trải rộng mênh mông. Những dòng suối, ngọn thác ngày đêm đổ ào

ào . . . không dứt. Rồi ngọn gió núi . . . ánh trăng ngàn . . . càng làm cho cảnh vật ở đây mang cái vẻ âm u, huyền bí mà cũng rất . . .

Nhưng sinh hoạt của đồng bào các dân tộc ở đây lại thật là. . . Trong những ngày tháng còn gian nan thì chỉ củ . . . hoặc bắp ngô nướng và chiếc . . . cũng đủ để đánh giặc không biết mệt mỏi. Kháng chiến thắng lợi rồi, cảnh vật và cuộc sống nơi đây vẫn mang cái vẻ ... vốn có của nó : bà mẹ hằng ngày lên . . . bẻ ngô, cô gái trẻ sáng sáng hái . . . trong rừng, anh thanh niên . . . đi đưa thư, báo, cô giáo vùng xuôi lên dạy chữ của Bác Hồ, rồi tiếng mõ rừng chiều, tiếng chày đêm nện cối, tiếng vó ngựa đều đều của anh... đi tuần tra biên giới, v.v... ; nhịp sống cứ thế diễn ra thầm lặng mà cũng thật là . . . !

T.L

C – *Luyện từ*

** Từ gốc của từ láy "trùng trùng điệp điệp" là "trùng điệp". So sánh nghĩa của từ gốc và nghĩa của từ láy đó, em thấy có gì khác nhau ? Đặt một câu với từ gốc, sau đó thay bằng từ láy, để thấy rõ sự khác nhau đó.

TIẾT 12

ÔN TẬP

1. Đặt câu với mỗi từ sau đây : *um tùm, xum xuê* (hoặc *sum sê*).

2. Tìm thêm các từ chỉ các sự vật cùng loại :

– hồ, . . .

– núi, . . .

– hang, . . .

3. "Cây" và "núi" có thể ghép sau những từ nào dưới đây : *rặng, dãy, hàng.*

(Từ nào trong 3 từ trên có thể ghép với cả "cây" và "núi" ? Từ nào chỉ có thể ghép với "cây" hoặc với "núi" ?)

4. Tìm những từ chỉ màu sắc có thể ghép với : *ngắt, biếc, ối*. Đặt câu với mỗi từ ghép đó.

5. Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong bài sau :

CẢNH HỒ BA BỂ

Núi dựng cheo leo bên mặt . . . bao la, phẳng lặng như một tấm . . . trong suốt khổng lồ. Đây đó . . . chim kêu hòa với tiếng lá rừng ngân se sẽ trong . . . Con . . . lướt nhẹ trên làn nước trong vẹo in bóng . . . trời bồng bềnh trôi và bóng . . . xanh xanh rung rinh theo tiếng mái . . . khua nhè nhẹ.

Quanh quất đâu đây, những vườn cam . . . ổi và những bãi ngô . . . biếc điểm xuyết thêm cho cảnh . . . – hòn . . . quý của Bắc Cạn – những nét thiên nhiên tuyệt diệu.

T.L.

thuongmaitr

TIẾT 13

VÙNG MỎ

I – Từ ngữ

– thợ mỏ, núi than, xe bò tốt, xe ben, lòng đất, đèn đất, xà beng.

– lên tầng, vào lò, cuốc, trút, tháo, bốc, rớt, đen nhánh.

– đổ mồ hôi sôi nước mắt.

II – Luyện tập

A – *Trả lời câu hỏi*

1. Những người thợ mỏ *lên tầng* và *vào lò* để làm gì ? Vì sao lại nói *lên tầng* và *vào lò* mà không nói "vào tầng" và "lên lò" ?

2. Xem tranh vẽ (H1, H2, H3), em hãy nói :

- Tên gọi của mỗi loại xe.
- Mỗi loại xe đó thường dùng làm công việc gì ở mỏ ?
- Tên gọi của mỗi công cụ mà người thợ mỏ đang dùng ?
- Mỗi công cụ đó được dùng làm công việc gì ?

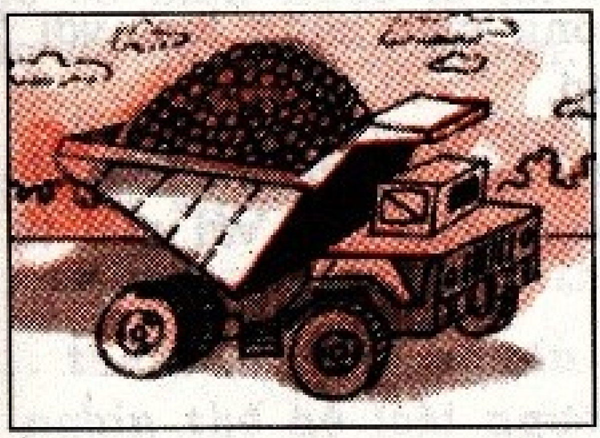

H.1

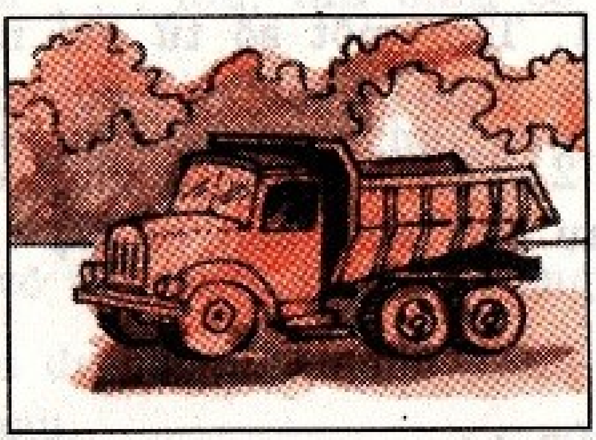

H.2

uongxua.vn

H.3 – Trong hầm lò

B – *Điền từ*

Tìm từ ngữ thích hợp ở mục I điền vào chỗ trống trong bài sau :

VÀNG ĐEN CỦA TỔ QUỐC

Mấy chiếc . . . nối đuôi nhau đưa đoàn thợ mỏ . . . Buổi . . . bắt đầu. Đứng trong nắng chói buổi sớm mai, những người

. . . dồn sức vào đôi cánh tay lực lưỡng, dồn dập đâm những nhát . . . chắc nịch. Mặt trời lên cao. Mồ hôi . . . ra như suối. Họ . . . luôn tay, tranh thủ từng giờ từng phút. Trong hầm lò ngột ngạt, họ . . . để sản xuất ra nhiều "vàng đen" cho Tổ quốc thân yêu.

Đ.Q

C – *Luyện từ*

1. Tìm một số từ chỉ những công việc cùng loại với "cuốc" (*cuốc than*). Đặt câu với mỗi từ đó.

*2. Tìm một số từ ghép có tiếng "đen" để chỉ các sắc độ khác nhau của màu đen (ví dụ : *đen bóng*). Đặt câu với mỗi từ đó.

TIẾT 14

BIỂN CẢ

I – Từ ngữ

– bờ biển, bãi biển, cửa biển.

– mặt biển, lòng biển, đáy biển, nước biển, sóng biển.

– gió biển, mưa biển, lốc biển, bão biển.

– muối biển, cá biển, tôm biển, cua biển, ốc biển, rong biển.

II – Luyện tập

A – *Trả lời câu hỏi*

1. *Biển cả* còn được gọi bằng từ nào ?

– Ngoài từ *biển*, còn có từ nào cùng nghĩa ?

2. Tìm từ ngữ chỉ *hiện tượng thời tiết*, chỉ *sản vật* ở biển trong mục I.

**3. Cơn gió như thế nào gọi là *cơn lốc* ? Cơn *lốc biển* khác cơn *bão biển* ra sao ?

thuongmaitr

B – *Điền từ*

Tìm từ ngữ thích hợp ở mục I điền vào chỗ trống trong bài sau :

LỢI ÍCH CỦA BIỂN CẢ

. . . nước ta dài và hình cong như chữ S, có nhiều . . . đẹp dùng làm bãi tắm rất tốt.

Dọc bờ biển nước ta lại có nhiều . . . lớn, tàu biển có thể ra vào dễ dàng, thuận tiện.

. . . bao la là con đường giao lưu tiện lợi bậc nhất của loài người trên khắp năm châu.

. . . mênh mông là kho thức ăn vô tận nuôi sống loài người.

. . . thăm thẳm là nguồn của báu dự trữ khổng lồ dành cho hàng nghìn thế hệ loài người mai sau.

. . . mặn mà là vị thuốc quý vô giá đối với cơ thể của con người.

Đ.Q

uongxua.vn

C – *Luyện từ*

Tìm một số từ ghép có tiếng "hải" (nghĩa là "biển"). Đặt câu với mỗi từ đó.

TIẾT 15

MIỀN NAM

I – Từ ngữ

– ruộng đồng, vườn cây, kênh rạch, cao nguyên đất đỏ.

– kì nhông, đại bàng, cá sấu, đồi mồi.

– cao su, dừa, xoài, chôm chôm, măng cụt, vú sữa, sầu riêng, lê-ki-ma (trứng gà), tràm, tầm vông.

– xanh thắm, vòi vọi, thẳng cánh cò bay.

II – Luyện tập

A – *Trả lời câu hỏi*

1. – Em hãy kể tên vùng ruộng đồng phì nhiêu, thẳng cánh cò bay ở miền Nam nước ta.

– Em hãy kể tên vùng cao nguyên đất đỏ lớn nhất ở miền Nam (hoặc một vùng mà em biết).

2. Cây *tầm vông* là loại tre nhỏ, gióng dài, ruột đặc, thường được dùng để làm gì ?

3. Thế nào là cao *vòi vọi* ? Đặt câu với từ đó.

B – *Điền từ*

Điền từ ngữ thích hợp vào chỗ trống trong bài sau :

MIỀN NAM NƯỚC TA

Miền Nam nước ta quanh năm bầu trời cao . . ., da trời một màu . . ., cây cối quanh năm tốt tươi.

Miền Nam nước ta có ruộng đồng . . ., có . . . sum sê, . . . chằng chịt, biển khơi bao la, có những dải rừng... mát rượi, rừng . . . xanh ngắt bạt ngàn, có những vùng . . . mênh mông, giàu đẹp.

thuongmaitr

Miền Nam còn là quê hương của vô vàn quả ngọt trái thơm : có . . . ngọt lịm, . . . ngọt mát, có . . . thơm thơm, . . . mỡ màng, có trái . . . đem lại niềm "vui chung", và có lê-ki-ma, mãng cầu, có dưa hấu, dứa, mít, chuối, đu đủ v.v... Mùa nào quả nấy, quả nào cũng có hương vị riêng, nếm thử một lần nhớ mãi.

Đ.Q

C – *Luyện từ*

1. Tìm một số từ láy.

Ví dụ : thơm thơm,...

Đặt câu với mỗi từ láy tìm được.

2. Người Việt Nam ở miền Nam và ở miền Bắc thường dùng một số từ khác nhau về âm thanh nhưng cùng nghĩa để chỉ sự vật.

Em hãy điền từ cùng nghĩa thích hợp vào các chỗ trống để phân biệt từ dùng ở 2 miền :

Miền Bắc gọi là . . . dừa	Miền Nam gọi là . . . dừa
Miền Bắc gọi là . . . sen	Miền Nam gọi là . . . sen
Miền Bắc gọi là . . . trứng vịt,	Miền Nam gọi là . . . vịt,
. . . trứng gà	. . . gà

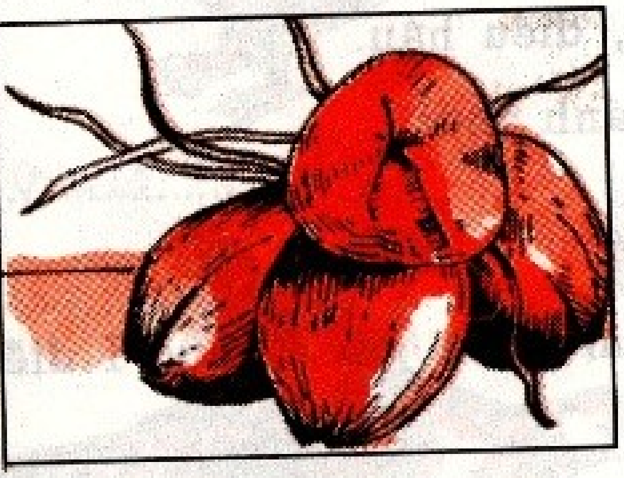

H.1 - Dừa

H.2 - Xoài

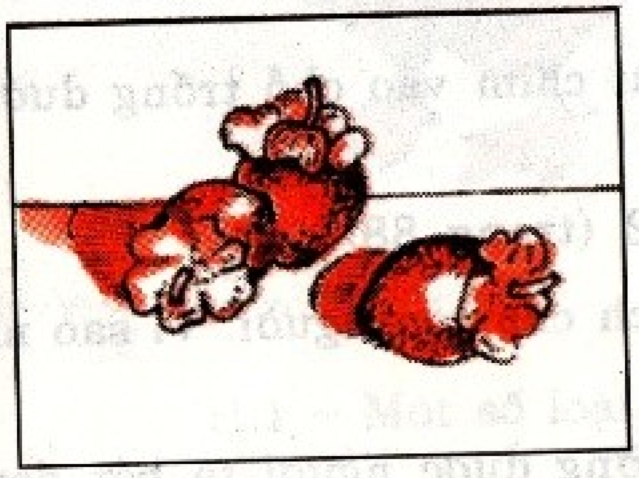

H.3 – Măng cụt

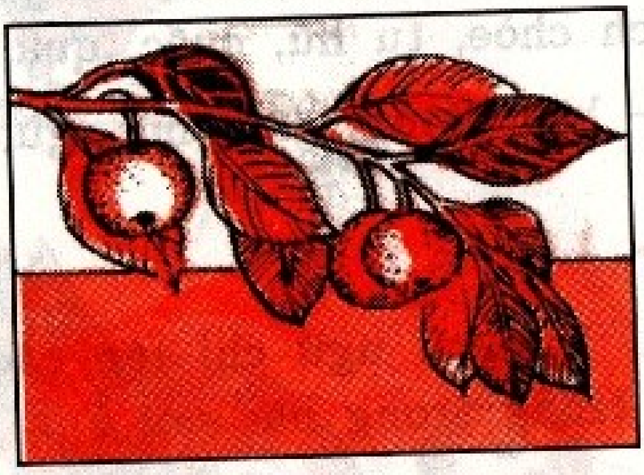

H.4 - Vú sữa

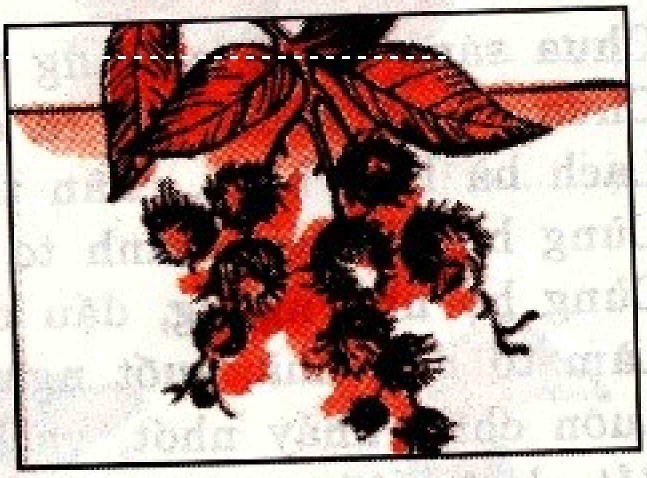

H.5 - Chôm chôm

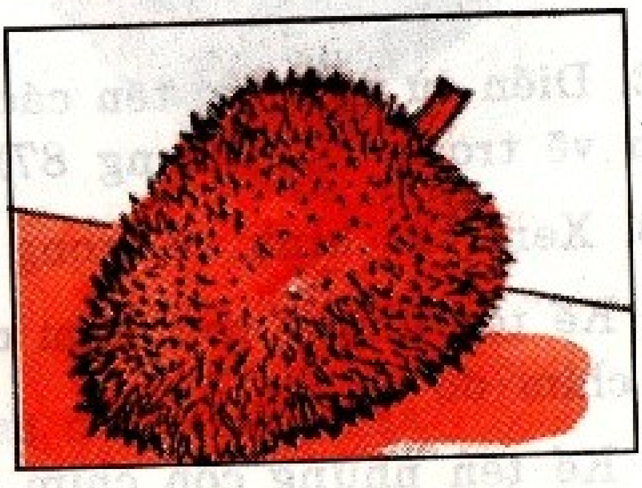

H.6 – Sầu riêng

truongxua.vn

CHIM CHÓC

I – Từ ngữ

– gà sống (trống), gà mái, vịt, ngan, ngỗng, bồ câu.

– (chim) sẻ, (chim) khuyên, (chim) sơn ca, (chim) én, sáo, chích chòe, tu hú, cuốc, quạ, cú, diều hâu.

– bay, liệng, đậu, hót, gù, thánh thót.

II – Luyện tập

1. Tìm từ ngữ chỉ tên các loài chim ghi ở mục I điền vào chỗ trống trong bài sau :

GIỚI THIỆU HỌ NHÀ CHIM

Chưa sáng đã la cả làng thức dậy là anh . . .
Chưa đẻ đã khoe "cục ta cục tác" là chị . . .
Lạch bà lạch bạch, chân thấp bơi giỏi là anh chàng . . .
Cùng họ nhà vịt, mình to cổ dài, đích là bác . . .
Cùng họ nhà ngỗng, đầu đeo mào đỏ, lại là bác . . .
Làm tổ đầu nhà, suốt ngày ríu rít là đàn . . .
Luôn chân nhảy nhót, vạch lá tìm sâu là chú . . .
Bắt chước tiếng người, báo nhà "có khách" là anh chàng . . .

Đ.Q

2. Điền từ ngữ chỉ tên các loài chim vào chỗ trống dưới mỗi hình vẽ trong H.1 (trang 87).

3. Xem các hình vẽ trong H.2 (trang 88) :

– Kể tên những con chim có ích cho con người. Vì sao những con chim đó có ích ?

– Kể tên những con chim thường được người ta bắt đem về nuôi trong nhà. Những con chim đó được nuôi để làm gì ?

thuongmaitr

ruongxua.vn

H.1 – Một số loài chim nuôi trong nhà

H.2 – Một số loài chim hoang dại

4. Em hãy dùng các động từ ghi ở mục I (dòng 3) ở trên điền vào đoạn văn sau :

Tôi đang mải mê ngắm nhìn đàn chim én liệng. trong ánh nắng xuân thì một chú họa mi từ đâu bổng vụt . . . qua trước mặt tôi và . . . lên một cành xoan rung rinh hoa tím bên đường. Chú vươn cao chiếc cổ bé nhỏ lên . . . líu lo một chặp rồi lại . . . đi. Tiếng . . . ấy cứ . . . mãi bên tai tôi mặc dầu bóng chú họa mi xinh xinh đã biến mất.

Đ.Q

**5. Điền từ thích hợp chỉ tên các *loài chim* vào chỗ trống những thành ngữ sau :

– Hót như...

– Nhanh như...

– Bỡ ngỡ như... lạc vào rừng.

Em hiểu ý nghĩa thành ngữ ở dòng thứ 2 như thế nào ?

tuongxua.vn

TIẾT 17

GIA SÚC

I – Từ ngữ

– trâu, bò, bê, nghé, ngựa, lừa, dê, thỏ, lợn, mèo, chó ; chuồng, cũi, tàu.

– rống, hí, sủa, gào ; lồng, phi.

II – Luyện tập

A – *Trả lời câu hỏi*

1. Những con vật như thế nào thì gọi là *gia súc* ?

2. Những con vật nuôi trong nhà như *gà, ngỗng, bồ câu*... có thể gọi là *gia súc* không ? Nếu không gọi được là gia súc thì gọi là gì ?

3. Chuồng nuôi ngựa thường được gọi là gì ?

4. H.1 là hình vẽ một con... đang...

H.2 là hình vẽ một con... đang...

H.1

H.2

5. Quan sát hình vẽ những con vật ở H.3 (trang 91) và điền từ thích hợp vào những câu sau :

– Con *lừa* có hình dáng ... hơn con *ngựa*.

– Con *bê* là con của... ; con *nghé* là con của...

– ..., ..., ..., ..., ..., ..., đều là những con vật ăn cỏ và đẻ con.

B – *Điền từ*

1. Chọn từ chỉ tên các con vật ở mục I điền vào chỗ trống :

MỘT SỐ CON VẬT NUÔI

. . . kéo cày (bừa)

. . . vắt sữa

. . . ăn thịt

. . . kéo xe

. . . tải đồ

. . . giữ nhà

. . . bắt chuột

2. Ghép các động từ ở mục I vào sau các danh từ dưới đây sao cho thích hợp :

– bò . . .

thuongmaitr

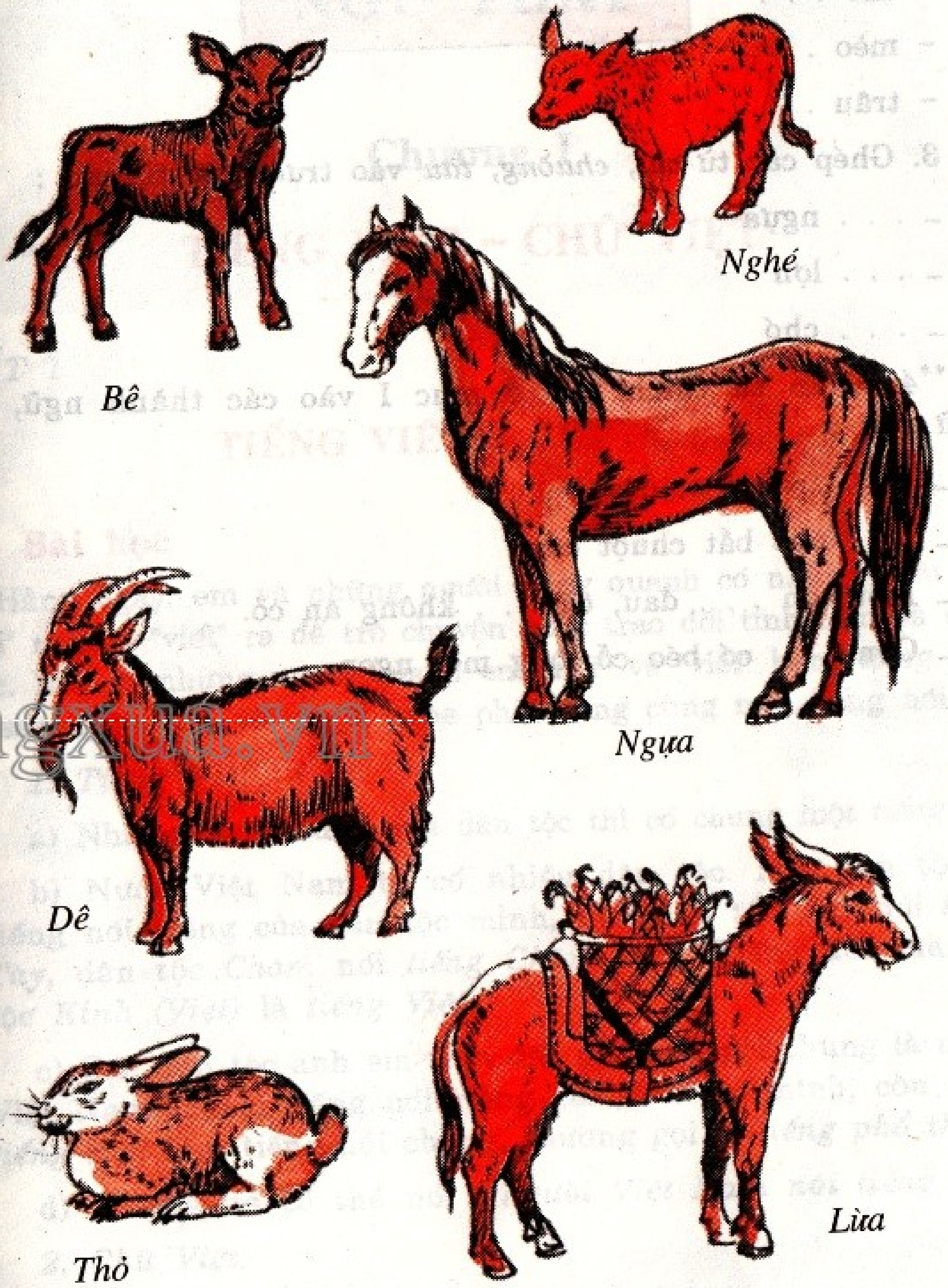

truongxua.vn

H.3

– ngựa . . .

– chó . . .

– mèo . . .

– trâu . . .

3. Ghép các từ *cũi, chuồng, tàu* vào trước các từ sau :

– . . . ngựa

– . . . lợn

– . . . chó

**4. Điền từ thích hợp ở mục I vào các thành ngữ, tục ngữ sau :

– . . . treo . . . đậy.

– . . . nhỏ bắt chuột con.

– Một con . . . đau, cả . . . không ăn cỏ.

– Con . . . có béo cỗ lòng mới ngon.

thuongmaitr

NGỮ PHÁP

Chương I

TIẾNG VIỆT – CHỮ VIỆT

TIẾT 1

TIẾNG VIỆT - CHỮ VIỆT

I – Bài học

Hằng ngày, em và những người xung quanh có những điều cần "nói" ra hay "viết" ra để trò chuyện hoặc trao đổi tình cảm và công việc. Em và những người quanh em "nói" và "viết" bằng *tiếng gì* ? Vì sao người nói và người nghe phải dùng cùng một tiếng nói ?

1. Tiếng Việt

a) Những người cùng một dân tộc thì có chung một *tiếng nói*.

b) Nước Việt Nam ta có nhiều dân tộc. Mỗi dân tộc có tiếng nói riêng của dân tộc mình, như dân tộc *Tày* nói *tiếng Tày*, dân tộc *Chăm* nói *tiếng Chăm* v.v... Tiếng nói của dân tộc *Kinh (Việt)* là *tiếng Việt*.

c) Các dân tộc anh em trên đất nước ta, gọi chung là người Việt Nam, ngoài tiếng nói riêng của dân tộc mình, còn dùng *tiếng Việt* làm tiếng nói chung, thường gọi là *tiếng phổ thông*.

d) Vì vậy, ta có thể nói : *người Việt Nam nói tiếng Việt*.

2. Chữ Việt

a) Tiếng nói thì nói ra và *ghi âm lại được*.

b) Chữ viết dùng để ghi lại tiếng Việt là *chữ Việt*.

c) Chữ Việt cũng là *chữ viết phổ thông* của người Việt Nam. Chữ Việt còn được gọi là *chữ quốc ngữ*.

Dao
Hmông
Nùng
Tày
Thái
Hà Nội
Huế
QĐ
Hoàng Sa
TP. Hồ Chí Minh
QĐ
Trường Sa
Khơ-mú
Mường
Kinh(Việt)
Ê-đê
Ba-na
Khơ-me
Chăm

GHI NHỚ

Tiếng Việt là tiếng nói của người Việt.

Tiếng Việt cũng là **tiếng phổ thông** của các dân tộc anh em trên đất nước Việt Nam.

Chữ viết dùng để ghi tiếng Việt gọi là **chữ Việt** (cũng gọi là chữ quốc ngữ).

II – Luyện tập

A – *Ở lớp*

Quan sát hình vẽ, chọn từ ngữ thích hợp điền vào chỗ trống trong các câu sau :

1. Người Việt Nam nói tiếng . . .

2. Tiếng phổ thông trong cộng đồng các dân tộc của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là *tiếng* . . .

3. Tiếng nói của dân tộc Mường là *tiếng* . . .

Tiếng nói của dân tộc Tày là *tiếng* . . .

Tiếng nói của dân tộc Chăm là *tiếng* . . .

4. Tiếng nói phổ thông chung cho người Mường, người Tày, người Chăm, người Kinh (Việt) v.v... là tiếng...

Chữ viết dùng để ghi tiếng Việt là *chữ*...

B – *Ở nhà*

1. Người Việt Nam ở Hà Nội nói tiếng Việt theo giọng ở đâu ?

– Người Việt Nam ở thành phố Hồ Chí Minh nói tiếng Việt theo giọng ở đâu ?

– Người Việt Nam ở Huế nói tiếng Việt theo giọng ở đâu ?

2. Dựa vào hình vẽ (trang 94), em hãy kể tên các dân tộc và tiếng nói của mỗi dân tộc đó. (Mẫu : dân tộc *Kinh (Việt)* – tiếng Việt)

truongxua.vn

B – *Ở nhà*

1. Làm theo yêu cầu bài tập 1 (ở lớp) :

"Những ngày nghỉ học, chúng tôi thường rủ nhau ra cánh đồng tìm bắt dế chọi trong túi đứa nào cũng có sẵn bốn năm chiếc vỏ bao diêm Toàn có đôi tai thính như tai mèo và bước chân êm, nhẹ như thỏ nhảy cậu ta nổi tiếng là tay bắt dế chọi lành nghề".

(Bạn Toàn của tôi)

**2. Viết một đoạn văn khoảng 4, 5 dòng để giới thiệu một đồ dùng học tập của em (chú ý ngắt câu, dùng dấu chấm (.) và viết hoa cho đúng).

Chiếc hộp bút của em hình chữ nhật. Nó được làm bằng nhựa. Màu nền chuối ở trên ở dưới màu trắng nổi bật ở trên có hình nàng bạch tuyết

TIẾT 3

TỪ, TIẾNG VÀ CHỮ

thuongmaitr

I – Bài học

Câu sau đây được chia thành 7 từ :

Đêm	nay	anh	đứng	gác	ở	trại

Em hãy đọc lên từng từ và viết các từ đó ra, so sánh với các từ trong câu :

Buổi sáng	sương muối	phủ	trắng	cành	cây	bãi cỏ

1. *Từ* và *tiếng*

a) Từ có thể do một *tiếng*, hai *tiếng*, ba *tiếng*, v.v... tạo thành.

Ví dụ :

– Từ "phủ" do một tiếng tạo thành.
– Từ "sương muối" do hai tiếng tạo thành.
– Từ "hợp tác xã" do ba tiếng tạo thành, v.v...

b) *Tiếng* tạo thành *từ* có thể có nghĩa rõ ràng hoặc có nghĩa không rõ ràng.

Từ thì phải có nghĩa.

Ví dụ :

– Từ *lạnh lẽo* (có nghĩa) : tiếng *lạnh* (có nghĩa), tiếng *lẽo* (nghĩa không rõ).

– Từ *bồ kết* (có nghĩa) : tiếng *bồ* và tiếng *kết* (đều có nghĩa không rõ).

2. *Tiếng* và *chữ*

Mỗi *tiếng* trong *từ* được viết thành một *chữ*. Ngược lại, mỗi *chữ* đọc thành một *tiếng*.

Ví dụ :

– *Từ* "phủ" chỉ có một *tiếng*, viết ra thành một *chữ* "phủ".

– *Từ* "sương muối" có hai *tiếng*, viết thành hai *chữ* "sương" và "muối".

GHI NHỚ

Từ có thể phân ra thành **tiếng**. *Tiếng* có thể có nghĩa rõ ràng hoặc có nghĩa không rõ ràng.

Có *từ* 2 *tiếng*, có từ 3 *tiếng*, v.v... Cũng có *từ* chỉ do 1 *tiếng* có nghĩa tạo thành.

Mỗi *tiếng* được viết thành một **chữ**.

II – Luyện tập

A – *Ở lớp*

1. Gạch một gạch dưới những từ *một tiếng*, gạch hai gạch dưới những từ *hai tiếng* trong đoạn văn sau :

"Trên quảng trường Ba Đình lịch sử, lăng Bác uy nghi và gần gũi. Cây và hoa khắp miền đất nước về đây tụ hội, đâm chồi, phô sắc và tỏa ngát hương thơm".

(Tập đọc lớp 4–1977)

2. Đặt một câu ngắn và ghi lại. *Từ* nào là từ một tiếng, *từ* hai tiếng trong câu em vừa đặt ?

B – *Ở nhà*

Tìm 5 từ một tiếng, 5 từ hai tiếng trong đoạn văn sau đây và chép lại thành một bảng (theo mẫu) :

a. Đoạn văn trích :

"Trăng cuối tháng vàng và nhọn như một chiếc ngà non đã ló ra khỏi đỉnh núi. Trời đầy sao. Gió động trên những ngọn cây cao nhưng trong rừng thì hoàn toàn yên tĩnh. Hoa lá, quả chín, những vạt nấm ẩm ướt và con suối chảy thầm dưới chân đua nhau tỏa mùi thơm. Những đốm sáng lân tinh trên gỗ và trên lá mục lấp lánh."

(Vũ Hùng)

b. Mẫu :

Từ một tiếng	Từ hai tiếng

TIẾT 4

CÁC BỘ PHẬN CỦA TIẾNG

I – Bài học

Trong câu "*Đà Lạt là một thành phố đẹp ở nước ta*", "Đà Lạt" là một *từ 2 tiếng*. Khi học viết tiếng "Đà", các em thường *đánh vần* và *ghép thành tiếng* như thế nào ? Tiếng "Đà" do mấy bộ phận ghép lại ? Các *tiếng* trong tiếng Việt nói chung có thể chia làm mấy bộ phận ?

1. *Tiếng* gồm có ba bộ phận kết hợp lại : *âm đầu*, *vần* và *thanh*.

Ví dụ :

Tiếng "Đà" có *âm đầu* "đ", *vần* "a" và *thanh* "huyền".

Hai bộ phận *vần* và *thanh*, tiếng nào cũng phải có. *Âm đầu* thì có tiếng có, có tiếng không.

Ví dụ :

Tiếng "ở" chỉ có *vần* "ơ" và *thanh* "hỏi", không có *âm đầu*.

2. Mỗi *bộ phận của tiếng* có thể do :

– Một *thanh* tạo thành (bộ phận thanh).

Ví dụ :

đà (bộ phận thanh do *thanh huyền* tạo thành)

đá (bộ phận thanh do *thanh sắc* tạo thành)

– Một *âm* tạo thành (bộ phận âm đầu).

Ví dụ :

đà (bộ phận *âm đầu* là âm đ)

bà (bộ phận *âm đầu* là âm b)

– Một *vần* tạo thành (*vần* có thể là một *âm*, hai *âm* hoặc ba *âm*).

Ví dụ :

ha (bộ phận *vần* chỉ có *1 âm* a)

hoa (bộ phận *vần* là kết hợp *2 âm* o + a → oa)

hán (bộ phận *vần* là kết hợp *2 âm* a + n → an)

hoán (bộ phận *vần* là kết hợp *3 âm* o + a + n → oan)

GHI NHỚ

Tiếng thường gồm có ba bộ phận : **âm đầu**, **vần** và **thanh**. **Tiếng** nào cũng phải có **vần** và có **thanh**.

Có tiếng không có **âm đầu**.

II – Luyện tập

A – *Ở lớp*

1. Em hãy chỉ ra các bộ phận của các tiếng trong câu sau :

Đà Lạt là một trong những nơi nghỉ mát nổi tiếng vào bậc nhất ở nước ta.

xuongxua.vn

2. Ghép các bộ phận tách rời sau đây thành tiếng :

– Bộ phận âm đầu	gi	b	ph	c	d	ng
– Bộ phận vần	ao	ai	ap	ô	ay	ư
– Bộ phận thanh	sắc	huyền	sắc	ngang	nặng	ngã

3. Sắp xếp các tiếng ghép được trên đây (bài tập 2) thành câu có nghĩa.

B – *Ở nhà*

1. Đặt một câu gồm những từ mà *tất cả các tiếng đều có âm đầu.*

2. Đọc hai dòng thơ sau đây rồi nhận xét, so sánh các tiếng in nghiêng :

Long lanh đáy nước in *trời*,
Thành xây khói biếc, non *phơi* bóng vàng.

(Nguyễn Du)

thuongmaitr

TIẾT 5

TIẾNG VÀ ÂM – NGUYÊN ÂM VÀ PHỤ ÂM

I – Bài học

Tiếng gồm 3 bộ phận ghép lại theo sơ đồ sau đây :

Thanh	
Âm đầu	Vần

→

`			
t	o	a	n

So sánh *âm đầu* trong các tiếng : toàn, đoàn, hoàn... với *âm cuối* (ở bộ phận vần) trong các tiếng : toàn, toát, tam... Hãy phát âm các âm đầu (hay âm cuối).

So sánh *âm đầu* và *âm cuối* trong các tiếng : tan, tân, tiên... với *âm chính* (ở bộ phận vần) của các tiếng đó. Hãy phát âm các âm đầu (hay âm cuối) và các âm chính.

1. Bộ phận của *tiếng*

Mỗi bộ phận của tiếng do một âm hay kết hợp một số âm tạo thành.

Bộ phận âm đầu do một âm tạo thành. Âm đầu là *phụ âm*.

Bộ phận vần có thể do một âm hoặc kết hợp hai âm, ba âm tạo thành, nhưng bao giờ cũng phải có một âm chính. Âm chính là *nguyên âm*. Âm cuối của vần cũng có thể là *phụ âm*.

Ví dụ :

Trong tiếng *nam*, *phụ âm làm âm đầu là n*, *phụ âm làm âm cuối là m*, *nguyên âm* làm âm chính là *a*.

2. Nguyên âm – Phụ âm

a) *Nguyên âm* được phát âm bằng luồng hơi từ phổi thoát ra tự do, không gặp một cản trở nào trong miệng.

Ví dụ

i, ê, e, iê (ia)...

b) *Phụ âm* được phát âm bằng luồng hơi từ phổi thoát ra, không tự do, khi đi qua miệng thường bị chặn lại ở một điểm nào đó trong miệng.

uongxua.vn

Ví dụ :

b, m (luồng hơi bị chặn lại ở môi trước khi thoát ra).

g, k (luồng hơi bị chặn lại ở cuối lưỡi – vòm miệng trước khi thoát ra).

GHI NHỚ

Bộ phận của tiếng do các **âm**, **thanh** tạo thành.

Bộ phận âm đầu của tiếng bao giờ cũng là **phụ âm**.

Âm chính trong bộ phận vần của tiếng bao giờ cũng là **nguyên âm**.

II – Luyện tập

A – *Ở lớp*

1. Kể các *phụ âm* trong tiếng Việt. Đọc đúng các phụ âm đó.

2. Kể các *nguyên âm* trong tiếng Việt. Đọc đúng các nguyên âm đó.

3. Chỉ ra và đọc đúng *nguyên âm* ở bộ phận vần của các tiếng trong câu thơ :

Việt Nam đất nước ta ơi
Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn ?

(Nguyễn Đình Thi)

B – *Ở nhà*

1. Thêm các phụ âm thích hợp vào các tiếng in nghiêng để hiểu đúng nghĩa hai câu thơ cổ :

Một đàn thằng ngọng đứng xem chuông
Chúng bảo nhau rằng : *ấy ái uông*.

**2. Có tiếng nào không có nguyên âm trong bộ phận vần không ? Có tiếng nào chỉ có phụ âm mà không có nguyên âm không ?

thuongmait

TIẾT 6

ÂM VÀ CHỮ CÁI – BẢNG CHỮ CÁI

I – Bài học

– Hãy *đánh vần* và đồng thời *viết ra* tiếng "bà" :

+ Đánh vần : "bờ" – "a" – "huyền" → bà

+ Viết :

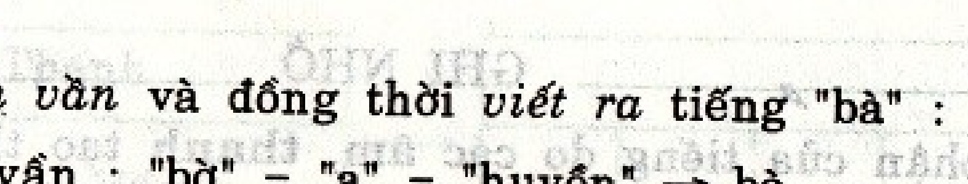

– Tiếng "bà" gồm có 2 âm : *phụ âm* b, *nguyên âm* a và *thanh* huyền (\).

– Chữ "bà" gồm có 2 chữ cái : *chữ cái* b, *chữ cái* a và *dấu ghi thanh* (\).

1. *Âm và chữ cái*

a) Phân biệt âm và chữ cái

+ *Âm* thì *nói* – *nghe* được.

Ví dụ :

Phát âm "b", "a" trong tiếng "bà".

+ *Chữ cái* thì *viết* – *đọc* được.

Ví dụ :

Viết "b", "a" trong chữ "bà".

b) Tiếng Việt dùng *chữ cái* để ghi *âm*

+ Dùng một chữ cái để ghi *một âm*.

Ví dụ :

Ghi phụ âm : b, t, m, k...

Ghi nguyên âm : a, ô, ư...

+ Ghép nhiều chữ cái để ghi *một âm*.

Ví dụ :

Ghi phụ âm : th, kh, tr, ngh...

Ghi nguyên âm : iê, yê, ia, ya ; ươ, ưa ; uô, ua.

+ Dùng dấu thanh để ghi *thanh*.

Ví dụ :

kì, kí, kĩ, kỉ, kị.

Ghi thanh huyền (`), sắc (´), ngã (~). hỏi (?), nặng (.).

Riêng thanh ngang, không ghi bằng dấu thanh.

2. *Bảng chữ cái*

a) Trật tự bảng chữ cái : a, ă, â, b, c, d, đ, e, ê, g, h, i, k, l, m, n, o, ô, ơ, p, q, r, s, t, u, ư, v, x, y.

b) Cách viết chữ cái :

+ Kiểu chữ cái in máy (gọi tắt là *chữ in*)

– Chữ thường : a, b, c ...

– Chữ hoa : A, B, C...

tuongxua.vn

+ Kiểu chữ viết tay (gọi tắt là *chữ viết*)

– Chữ thường : a, b, c...

– Chữ hoa : A, B, C...

GHI NHỚ

Mỗi **âm** được ghi bằng một **chữ cái** hoặc bằng **nhiều chữ cái** ghép lại. Các chữ cái được sắp xếp thành **bảng chữ cái**.

II – Luyện tập

A – *Ở lớp*

1. Câu : "Chim gáy nhặt thóc rụng" có mấy tiếng ? Phân biệt âm và chữ cái ở mỗi tiếng. Hãy đọc các âm.

2. Tìm các phụ âm ghi bằng *hai chữ cái* trong tiếng Việt.

B – *Ở nhà*

Xếp theo thứ tự *bảng chữ cái* tên của các bạn trong tổ em.

thuongmaitu

TIẾT 7

TỪ ĐƠN VÀ TỪ GHÉP

I – Bài học

Ở phân môn *Từ ngữ*, em đã học về *từ đơn* và *từ ghép*.

Ví dụ :

– *mẹ, ẵm, ru, quạt*, v.v... (từ đơn)

– *xanh tươi, mát rượi, cổ kính*, v.v... (từ ghép)

Từ đơn và *từ ghép* khác nhau ở những điểm nào ? (So sánh các từ trong hai ví dụ trên về *số lượng tiếng* trong từ và về *nghĩa của tiếng* trong từ).

1. Từ do một tiếng có nghĩa tạo thành được gọi là *từ đơn*.

Ví dụ :

Đứng / trên / bờ / ao.

Tre / nghiêng / soi / bóng.

2. *Từ ghép* do hai, ba hoặc bốn tiếng ghép lại mà tạo thành nghĩa (mỗi tiếng có thể có nghĩa rõ ràng hay có nghĩa không rõ ràng).

Ví dụ :

nhọn hoắt, cao vút...

nhà bếp, xe đạp...

chú ý, chuẩn bị, chu đáo...

vô tuyến điện, hợp tác xã, vô tuyến truyền hình...

GHI NHỚ

– **Từ đơn** là từ do một tiếng có nghĩa tạo thành.

– **Từ ghép** là từ do hai, ba hoặc bốn tiếng ghép lại mà có nghĩa.

tuongxua.vn

II – Luyện tập

A – *Ở lớp*

1. Chép lại đoạn thơ sau đây rồi gạch một gạch dưới các *từ đơn*, gạch hai gạch dưới các *từ ghép* :

Em mơ làm mây trắng
Bay khắp nẻo trời cao,
Nhìn non sông gấm vóc
Quê mình đẹp biết bao.

(Mai Thị Bích Ngọc)

2. Ghép các tiếng sau đây thành từ ghép hai tiếng hoặc từ ghép ba tiếng (một tiếng có thể dùng nhiều lần) :

hợp, quốc, gia, liên, đình, xe, nổ, máy, điện, dệt, lửa.

thuongmaitr

3. Dựa vào bức tranh, em hãy tìm một số từ đơn và từ ghép thích hợp (ví dụ : *cờ, bộ đội*...).

B – *Ở nhà*

1. Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 4, 5 dòng) tả một cây hoa mà em thích. Trong đoạn văn vừa viết, những từ nào là *từ đơn*, những từ nào là *từ ghép* ?

2. Tìm 3 *từ đơn* và 3 *từ ghép* 2 tiếng. Đặt câu với mỗi từ tìm được.

TIẾT 8

TỪ LÁY

I – Bài học

– *Từ láy* em đã được học ở phân môn *Từ ngữ*.

Ví dụ : *lon ton, chập chững, nhí nha nhí nhảnh*, v.v...

– So sánh với *từ ghép, từ láy* có điểm gì *giống* và có điểm gì *khác* (về *số lượng tiếng* tạo thành từ, về *nghĩa* của các tiếng trong từ, và về *âm thanh* của các tiếng) ?

1. *Từ láy* thường gồm hai, ba hoặc bốn tiếng láy tạo thành.

Các tiếng láy phối hợp hài hòa về âm thanh để gợi hình ảnh, cảm xúc và tạo thành ý nghĩa của *từ láy*.

Ví dụ : tha thẩn, loang loáng, lờ đờ, quấn quýt, sạch sành sanh.

2. Các tiếng láy trong từ láy thường có *bộ phận lặp lại về âm thanh*.

Ví dụ :

Từ láy	Bộ phận của các tiếng láy lặp lại về âm thanh		
	Âm đầu	Vần	Thanh
tha thẩn	th... th...		
loang loáng	l... l...	...oang ...oang	
lờ đờ		...ơ ...ơ	(huyền) (huyền)
xinh xinh	x... x...	...inh ...inh	(ngang) (ngang)

GHI NHỚ

Từ láy là từ do hai tiếng hay nhiều tiếng láy tạo thành. Các tiếng trong từ láy có thể có **một phần** hay **toàn bộ** âm thanh được lặp lại.

tongxua.vn

II – Luyện tập

A – *Ở lớp*

1. Tìm các *từ láy* trong đoạn văn sau và ghi các từ láy đó vào vở bài tập :

"Tôi đi giữa bãi dâu và có cảm giác như đang lội dưới lòng sông cạn. Cát ở rãnh luống mềm lún. Những cành dâu lá xôn xao đón lấy ánh nắng chói chang, làm cho lớp cát dưới chân tôi mát rượi. Những cành dâu lòe xòe theo gió như trăm nghìn cánh tay xòe ra, hứng lấy ánh nắng vàng rực rỡ đã che mát cho khoai lang. Những dây khoai lang mập mạp kia, lại có sức đâm chồi lên mơn mởn, quấn quýt bên gốc dâu, giữ ấm cho dâu..."

(Dương Thị Xuân Quý)

2. Mỗi từ láy được dùng trong đoạn văn trên đã gợi lên được hình ảnh gì cụ thể về âm thanh, về ánh sáng hoặc hình thể, v.v... ?

B – *Ở nhà*

1. Tìm các từ láy có âm đầu của tiếng được lặp lại trong bài "Trên hồ Ba Bể".

2. Tìm các từ láy có vần của tiếng được lặp lại trong bài "Những cánh bướm bên bờ sông".

thuongmaitr

TIẾT 9

ÔN TẬP CHƯƠNG I

I – Nội dung cần ghi nhớ

Thứ tự	Khái niệm	Nội dung
(1)	(2)	(3)
1	*Tiếng Việt*	– Tiếng nói của dân tộc Kinh (Việt). – Tiếng phổ thông của các dân tộc trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam.

(1)	(2)	(3)
2	*Chữ Việt*	– Chữ viết ghi âm tiếng Việt.
3	*Câu*	– Do từ hoặc từ ngữ tạo thành để biểu thị một ý trọn vẹn.
4	*Từ*	– Từ bao giờ cũng có nghĩa và dùng để đặt câu. Từ do *tiếng* tạo thành. Tiếng có thể có nghĩa rõ ràng hoặc không có nghĩa rõ ràng. – Từ do một tiếng có nghĩa tạo thành gọi là *từ đơn*. – Từ gồm hai hay nhiều tiếng ghép lại gọi là *từ ghép*. – Từ gồm hai hay nhiều tiếng láy về âm thanh gọi là *từ láy*.
5	*Tiếng – Chữ*	– Mỗi tiếng viết ra thành một *chữ*. – Tiếng gồm có ba bộ phận : + *Âm đầu* + *Vần* + *Thanh*.
6	*Âm – Chữ cái*	– *Âm* dùng để tạo thành các bộ phận của tiếng. – Âm đầu của tiếng do *phụ âm* tạo thành. – Âm chính (trong vần) của tiếng do *nguyên âm* tạo thành. – *Chữ cái* dùng để ghi âm và ghép thành *chữ* để ghi tiếng.

uongxua.vn

II – Luyện tập

A – *Ở lớp*

Tìm ví dụ để dẫn chứng cho từng nội dung ôn tập (bài tập này học sinh vừa làm ở lớp, vừa có thể làm ở nhà).

B – *Ở nhà*

1. Đọc kĩ đoạn văn sau đây : gạch 1 gạch dưới các *từ ghép*, 2 gạch dưới các *từ láy*

"Thị trấn Cát Bà xinh xắn có những dãy phố hẹp, những mái ngói cao thấp chen nhau nép dài dưới chân núi đá. Một con đường uốn cong lượn khúc ngăn cách phố và biển. Bên trong là vách núi dựng đứng cao sừng sững. Bên ngoài là biển rộng mênh mông tạo thành một góc vuông vức. Người ở xa mới đến trông cảnh tượng này có cảm giác rờn rợn, e rằng một cơn sóng dữ đập vào vách đá sẽ cuốn băng cả dãy nhà nhỏ bé kia xuống đáy biển khơi."

(Cát Bà – hòn đảo ngọc)

2. Tìm 3 từ ghép trong đó có tiếng "cảnh" (ví dụ : *cảnh tượng*) và 3 từ láy trong đó có tiếng "xinh" (ví dụ : *xinh xắn*).

3. Đặt 1 câu với một từ ghép và 1 câu với một từ láy tìm được ở bài tập 1.

thuongmaitr

Chương II

CÂU CHIA THEO MỤC ĐÍCH NÓI

TIẾT 10

CÂU KỂ – DẤU CHẤM

I – Bài học

Đọc đoạn văn sau :

"Bấy giờ là đầu mùa đông. Ngoài ruộng, lúa chín vàng hây. Những bông thóc nếp mập và tươi ong óng, trĩu gù lưng xuống".

Mỗi câu trong đoạn văn trên nêu *sự việc* gì và được dùng nhằm mục đích gì ?

1. Câu nhằm nêu một nhận xét, kể một sự việc hoặc tả một cảnh vật cho người khác biết gọi là *câu kể*.

Ví dụ :

a) Nhận xét về thời gian : Bấy giờ là đầu mùa đông.

b) Tả cảnh vật : Ngoài ruộng, lúa chín vàng hây.

2. Câu kể được nói với giọng bình thường. Khi viết, cuối mỗi câu kể, phải ghi một *dấu chấm* (.). Chữ cái đầu câu phải *viết hoa*.

Ví dụ :

Bấy giờ là đầu mùa đông (.) Ngoài ruộng, lúa chín vàng hây (.)

GHI NHỚ

Câu kể nhằm kể một sự việc hay tả một cảnh vật cho người khác biết. Khi nói, câu kể được thể hiện với giọng bình thường. Khi viết, chữ cái đầu câu kể phải viết hoa. Cuối câu kể phải ghi một dấu chấm (.).

tuongxua.vn

II – Luyện tập

A – *Ở lớp*

1. Tìm trong bài "Rừng cọ quê tôi" những câu kể (*tả* cảnh vật hoặc *kể* sự việc).

Vị dụ :

Mùa xuân, chim chóc kéo về từng đàn.

2. Đặt câu kể :

– Nhằm tả một *cảnh* (hoặc một *vật*).

– Nhằm kể một *sự việc* về người.

B – *Ở nhà*

1. Đọc đoạn văn sau đây và tìm hiểu xem cả đoạn có mấy *câu kể*, mỗi câu kể sự việc gì ?

"Hàng trăm mẫu ngô xanh rờn như những dải lụa màu lá mạ. Trên sườn đồi, những nương sắn, nương bông nằm thoai

b) ... trang hoàng lộng lẫy

c) Các cụ bô lão...

d) ... đã về đông đủ

e) Quân Nguyên...

g) Thượng hoàng Thánh Tông...

h) ... nên hòa hay nên đánh

B – *Ở nhà*

Đặt thành câu hỏi theo mẫu bài tập 2 (ở lớp) cho những câu kể trong đoạn văn sau :

"Con Nâu đứng lại. Cả đàn đứng theo. Tiếng gặm cỏ bắt đầu trào lên... Mẹ con chị Vàng ăn riêng một chỗ. Cu Tũn dở hơi chốc chốc lại chạy tới ăn tranh mảng cỏ của mẹ. Chị Vàng lại dịu dàng nhường cho nó... Đàn bò tràn lên phủ vàng rực cả sườn đồi."

(Hồ Phương)

thuongmaitr

Ví dụ : – Con Nâu *làm gì* ?

– *Cái gì* bắt đầu trào lên ?

TIẾT 12

CÂU CẦU KHIẾN – DẤU CHẤM CẢM

I – Bài học

Trong bài "Về thăm bà" có những câu sau đây :

– *Đi vào trong nhà kẻo nắng, cháu !*

– *Cháu rửa mặt đi, rồi nghỉ kẻo mệt !*

+ Những câu trên dùng để làm gì ?

+ Những câu trên có gì khác với câu kể và câu hỏi ?

1. Câu nêu sự việc mong muốn hoặc đòi hỏi người khác phải làm là *câu cầu khiến*.

Ví dụ :

Đi vào trong nhà kẻo nắng, cháu !

Đốt lửa lên !

2. Câu cầu khiến có các từ ngữ dùng để chỉ ý khuyên bảo, đòi hỏi hoặc bắt buộc (*hãy, đừng, nên, phải, lên, đi*, v.v...). Khi nói thường dùng giọng điệu thích hợp với ý cầu khiến. Cuối câu cầu khiến, có thể đặt một dấu chấm cảm (!)

Ví dụ :

a) Khuyên bảo : Em hãy giữ sách vở, quần áo cho sạch sẽ !

b) Ngăn cấm : Các em đừng làm ồn trong lớp !

c) Bắt buộc : Đốt lửa lên !

truongxua.vn

– Đốt lửa lên !

GHI NHỚ

Câu cầu khiến nêu sự việc mong muốn hoặc đòi hỏi người khác phải làm.

Câu cầu khiến khi nói cần nhấn giọng ở những chỗ nhằm biểu thị các mức độ đòi hỏi khác nhau.

Khi viết câu cầu khiến, cuối câu có thể ghi **dấu chấm cảm (!)**.

II – Luyện tập

A – Ở lớp

1. Đặt câu cảm theo mẫu :

Ôi + câu kể !

(Dùng các từ khác nhau như : *ối, ái, ồ*, v.v... đặt trước một câu kể để biểu lộ các cảm xúc khác nhau)

2. Đặt câu cảm theo mẫu :

Câu kể + quá !

(Dùng các từ như : *quá, lắm*, v.v... đặt cuối một câu kể để biểu lộ cảm xúc).

**3. Những câu hỏi và câu kể sau đây có biểu lộ cảm xúc được không ? Muốn dùng các câu đó để biểu lộ cảm xúc khác nhau thì làm thế nào ?

thuongmaitr

a) Trời rét.

b) Bài học hôm nay khó.

c) Ai đấy ?

d) Bút của em để ở đâu rồi ?

B – *Ở nhà*

1. Đặt câu cảm theo mẫu các bài tập 1 và 2 ở lớp (mỗi mẫu 2 câu).

**2. Những câu kể sau đây có thể đổi thành câu cảm bằng cách đặt thêm từ *quá* hoặc *lắm* vào cuối câu được không ?

Câu nào đổi được thì chép lại thành câu cảm :

"Trời mùa thu trong xanh. Gió mát thổi nhẹ. Những cánh đồng lúa đã chín vàng. Từng đàn chim ngói sà xuống đậu trên bờ ruộng. Mấy em học sinh nhỏ tung tăng cắp sách đến trường".

TIẾT 14

CÂU HỘI THOẠI - DẤU GẠCH NGANG DẤU NGOẶC KÉP

I - Bài học

Trong bài "Cậu học sinh giỏi nhất lớp", có những câu sau :

– *Cháu tên là gì ?*

– *Thưa thầy, con là Lu-i Pa-xtơ ạ !*

– *Đã muốn đi học chưa hay còn thích chơi ?*

– *Thưa thầy, con thích đi học ạ !*

– *Thế thì được !*

+ Mỗi câu trên đây là câu do ai *trực tiếp nói ra ?*

+ Khi viết những câu do nhân vật trực tiếp nói ra, làm thế nào để phân biệt được với những câu không do nhân vật trực tiếp nói ra ?

tuongxua.vn

1. Trong một bài văn, một đoạn văn, có thể dùng câu hội thoại là những *câu nói của người hoặc của vật* (được nhân hóa) đang được nói đến. Câu của người hoặc của vật do *người viết kể lại* là *câu hội thoại gián tiếp*. Câu do *nhân vật tự nói ra* là *câu hội thoại trực tiếp*.

Ví dụ :

(Bà) – Cháu đã ăn cơm chưa ?

(Thanh) – Dạ chưa. Cháu ở tàu về đây ngay. Nhưng cháu không thấy đói.

(Bà) – Cháu rửa mặt đi, rồi nghỉ kẻo mệt !

2. Có hai cách viết để phân biệt câu hội thoại trực tiếp với các câu khác trong một đoạn văn, bài văn :

a) Đặt trước mỗi câu hội thoại trực tiếp hoặc nhiều câu hội thoại liền nhau *một dấu gạch ngang* (–) đầu dòng. Cuối mỗi câu hội thoại hay cuối nhiều câu hội thoại liền nhau đó bắt buộc phải xuống dòng.

– Đồ chậm như sên !...
– Anh đừng giễu tôi ...

Ví dụ :

Một con thỏ... mỉa mai rùa :

– Đồ chậm như sên ! Mày mà cũng đòi tập chạy à ?

b) Đặt cả câu hội thoại hoặc nhiều câu hội thoại liền nhau vào trong *dấu ngoặc kép* ("..."). Câu hội thoại ghi theo cách này không bắt buộc phải viết xuống dòng.

Ví dụ :

Đác-uyn bình thản đáp : "Bác học không có nghĩa là ngừng học".

– *Chú ý :* Nếu trước câu hội thoại là một câu giới thiệu người hay vật nói, thì cuối câu đó (trước câu hội thoại) phải dùng dấu *hai chấm* (:)

GHI NHỚ

Câu hội thoại là câu nói trực tiếp hay gián tiếp của người hoặc của vật (được nhân hóa) đang được nói đến trong một đoạn văn.

Câu hội thoại trực tiếp được ghi sau một **dấu gạch ngang** (–) ở đầu dòng, hoặc trong **dấu ngoặc kép** ("...").

thuongmaitr

II – Luyện tập

A – *Ở lớp*

1. Đọc diễn cảm bài văn có xen câu hội thoại : "Về thăm bà".

2. Chia thành câu đoạn văn sau đây, câu nào là câu hội thoại trực tiếp thì dùng dấu gạch ngang hoặc dấu ngoặc kép để ghi cho đúng :

"Tôi chậm chạp hơn Toàn, Toàn thường nhắc tôi cậu phải tập chạy tập nhảy đi chứ rồi Toàn khuyến khích và ép tôi chạy quanh sân vận động thị xã."

(Vũ Tú Nam)

B – *Ở nhà*

1. Câu hội thoại có thể là câu kể, câu hỏi, câu cầu khiến hoặc câu cảm không ?

**2. Câu hội thoại khác với câu kể, câu hỏi, câu cầu khiến và câu cảm như thế nào ?

truongxua.vn

3. Chia thành câu và ghi dấu *gạch ngang* hoặc dấu *ngoặc kép* để phân biệt những câu hội thoại trực tiếp trong đoạn văn :

"Từ nãy mải quấn bố bây giờ tôi mới để ý mẹ ngồi yên nhìn bố mắt mẹ ươn ướt khi thấy tôi nhìn mẹ mới nói các con để cho bố nghỉ một tí chứ !"

(Xuân Sách)

TIẾT 15

ÔN TẬP CHƯƠNG II

I – Nội dung cần ghi nhớ

Thứ tự	Khái niệm	Nội dung
1	Câu kể	– Kể lại sự việc hay tả cảnh vật. – Cuối câu có dấu chấm (.).
2	Câu hỏi	– Nêu sự việc cần thiết để người nghe trả lời. – Khi nói, có thể hơi cất cao giọng ở cuối câu hoặc nhấn mạnh ở ý cần được trả lời. Khi viết, cuối câu cần ghi dấu chấm hỏi (?).
3	Câu cầu khiến	– Nêu việc mong muốn hoặc đòi hỏi người nghe thực hiện. – Khi nói, cần có giọng điệu thích hợp để cầu khiến. Khi viết, có thể ghi dấu chấm cảm (!) ở cuối câu.
4	Câu cảm	– Biểu lộ cảm xúc của người nói. – Khi nói, cần có giọng điệu riêng hợp với cảm xúc. Khi viết, cuối câu cần ghi dấu chấm cảm (!).
5	Câu hội thoại	– Câu hội thoại là câu nói trực tiếp hay gián tiếp của người hoặc của vật (được nhân hóa) đang được nói đến trong một đoạn văn. – Câu hội thoại trực tiếp phải viết trong dấu ngoặc kép ("...") hoặc đặt sau một dấu gạch ngang (–) đầu dòng.

thuongmaitr

II – Luyện tập

A – *Ở lớp*

1. Đặt mỗi loại 2 câu theo mục đích : kể, hỏi, cầu khiến và cảm.

2. Trong bài "Rừng phương Nam" có những câu nêu cảm xúc. Đó là những câu nào và nêu cảm xúc cụ thể ra sao ?

B – *Ở nhà*

1. Chia đoạn văn sau thành câu và ghi dấu câu sao cho thích hợp với mục đích nói của từng câu.

Trong đoạn văn, câu nào là câu kể, câu hỏi, câu cầu khiến và câu cảm ?

"Cá heo giống tính trẻ em, thích nô đùa, thích được cổ vũ ( ) Anh em ùa ra vỗ tay hoan hô ( ) ( ) A ( ) Cá heo nhảy múa đẹp quá ( ) ( ) Thế là cá thích, nhảy vút lên thật cao ( ) Có chú quá đà, vọt lên boong tàu cách mặt nước đến một mét ( ) Có lẽ va vào sát bị đau, chú nằm im, mắt nhắm nghiền, phía đuôi bị rách một mảng ( )

Một anh chiến sĩ đến nâng con cá lên hai bàn tay, nói nựng ( )

( ) Có đau không chú heo ( ) Lần sau, khi nhảy múa phải chú ý nhé, đừng nhảy lên boong tàu ( )"

(Hà Đình Cẩn)

**2. Chép lại đoạn văn sau đây, trình bày các câu hội thoại trực tiếp cho đúng cách thức và ghi dấu chấm câu thích hợp vào cuối mỗi câu :

"Chim sâu nhiều thế nó bay tràn qua vườn cải cả đàn ùa xuống líu tíu trên những luống rau trồng muộn Bé hỏi Chích Bông ơi Chích Bông làm gì thế chim trả lời chúng em bắt sâu chim lại hỏi Bé chị Bé làm gì thế Bé ngẩn ra, rồi nói à... Bé học bài".

(Tô Hoài)

Chương III

BỘ PHẬN CHÍNH CỦA CÂU
CÁC TỪ LOẠI CƠ BẢN

TIẾT 16

HAI BỘ PHẬN CHÍNH CỦA CÂU
CHỦ NGỮ - VỊ NGỮ

I – Bài học

Đọc những câu sau đây :

– Cô giáo em đang giảng bài.

– Trường tiểu học của chúng em vừa được xây xong.

– Bầy thiên nga trắng muốt đang chen nhau bơi lội.

– Chim vếch-ka mải mê chải chuốt bộ lông vàng óng của mình.

thuongmaitr

em hiểu được ý nêu trong từng câu. Nhờ vào đâu mà em hiểu được những ý đó ?

1. Khi nói (hay viết) người ta có thể dùng *kiểu câu có hai bộ phận chính*. Đó là kiểu câu đơn bình thường.

a) Câu có hai bộ phận chính thường nêu được *ý đầy đủ về một sự việc*.

Ví dụ :

– Cộ giáo em	đang giảng bài.
– Tổ quốc ta	ngày càng giàu đẹp.
– Trường tiểu học của chúng em	vừa mới được xây xong.
– Bạn Nam	là một học sinh giỏi.
– Gió	đang thổi rất mạnh.

b) Nếu chỉ viết như những dòng sau đây thì chưa thành câu đơn bình thường vì không nêu được ý đầy đủ về sự việc :

Cô giáo em
Tổ quốc ta
Đang thổi rất mạnh
Là học sinh giỏi

2. Hai bộ phận chính của câu : *chủ ngữ – vị ngữ.*

a) Bộ phận chính thứ nhất đứng trước, nêu người hay vật làm chủ sự việc trong câu, gọi là *chủ ngữ.*

Chủ ngữ trả lời câu hỏi : *Ai ? Cái gì ? Con gì ? Việc gì ?*

Ví dụ :	Ai ?	(đang giảng bài)
	Cái gì ?	(vừa mới được xây xong)
	Con gì ?	(đang chen nhau bơi lội)

b) Bộ phận chính thứ hai, đứng sau, nêu nội dung sự việc (nói về người và vật làm chủ ngữ) trong câu, gọi là *vị ngữ.*

Vị ngữ trả lời câu hỏi : *Làm gì ? Như thế nào ? Là gì ?*

Ví dụ :

(Cô giáo em)	làm gì ?
(Trường tiểu học của chúng em)	như thế nào ?
(Bạn thân của em)	là ai ?

truongxua.vn

GHI NHỚ

Khi nói hay viết, người ta có thể dùng kiểu *câu có hai bộ phận chính.*

Bộ phận chính **thứ nhất** là *chủ ngữ.*
Bộ phận chính **thứ hai** là *vị ngữ.*

II – Luyện tập

(A) – *Ở lớp*

(1) Chia mỗi câu trong đoạn văn sau thành hai bộ phận chính :

"Con Nâu đứng lại. Cả đàn đứng theo. Tiếng gặm cỏ bắt đầu trào lên... Mẹ con chị Vàng ăn riêng một chỗ. Cu Tũn dở hơi

chốc chốc lại chạy tới ăn tranh mảng cỏ của mẹ. Chị Vàng lại dịu dàng nhường cho nó... Đàn bò tràn lên phủ vàng rực cả sườn đồi".

(Gạch một gạch dọc giữa hai bộ phận chính của câu).

**2. Ghép các bộ phận sau đây từng đôi một cho thành những câu và thành đoạn văn có ý nghĩa :

- những con đường ở thôn Cảnh Dương
- hai bên đường
- trẻ em
- trai gái
- nhà cửa san sát
- cát mịn và thẳng tắp
- tung tăng đến trường
- kéo nhau đi đến các hợp tác xã sản xuất

B – *Ở nhà*

thuongmaitr

Ghép một bộ phận ở nhóm a với một bộ phận ở nhóm b cho thành câu :

a. – khẩu hiệu, biểu ngữ, cổng chào

– ô tô, xích lô, xe đạp

– thiếu nhi, học sinh

– công nhân, thanh niên, phụ nữ, các cụ già

– cảnh đường phố

b. – tươi cười vẫy chào đoàn quân anh dũng

– mặc quần áo đủ màu sắc reo mừng tiếp đón các anh bộ đội

– vẫn nối đuôi nhau chạy

– càng thêm náo nhiệt

– xuất hiện từ phố này sang phố khác

TIẾT 17

ÔN TẬP HỌC KÌ I

1. Ngắt đoạn văn sau thành câu. Đặt dấu chấm cuối câu và viết hoa cho đúng :

"Gà bà Kiên là gà trống tơ, lông đen, chân chì, có bộ giò cao, cổ ngẩn nó nhảy tót lên cây rơm thật cao, phóng tầm mắt nhìn quanh như muốn mọi người hãy chú ý : nó sẽ gáy một hơi thật to, thật dài nó xòe cánh, nghển cổ, chuẩn bị chu đáo, nhưng rốt cục chỉ rặn được ba tiếng éc e e cụt ngủn nó ngượng quá, đỏ chín mặt, hấp tấp nhảy xuống đất gà trong làng nối gáy loạn xị..."

2. Cho đoạn văn sau :

"Con trâu nhà em trông mập mạp. Mình nó đen bóng như gỗ mun. Cái sừng của nó nhọn hoắt, vênh vênh. Thân hình nó béo mẫm và lực lưỡng, trông thật đáng yêu. Nó bước đi lặc lè, chậm chạp. Nó gặm soàn soạt từng nắm cỏ non một cách ngon lành..."

truongxua.vn

a) Những từ láy nào được dùng để tả đặc điểm về hình dáng và hoạt động của con trâu ?

b) Những từ ghép nào được dùng để tả đặc điểm về hình dáng và hoạt động của con trâu ?

c) Trong mỗi câu của đoạn văn, những từ ngữ nào là chủ ngữ ?

d) Trong mỗi câu của đoạn văn, những từ ngữ nào là vị ngữ ?

3. Em hãy tự đặt một số câu theo các kiểu câu sau :

a) *Câu hỏi* (*ví dụ :* Con trâu nhà em thế nào ?).

b) *Câu cầu khiến* (*ví dụ :* Anh hãy đến xem con trâu của nhà em !).

c) *Câu cảm* (*ví dụ :* Con trâu nhà em trông đáng yêu quá !).

4. Viết một đoạn văn ngắn tả lại "cuộc trò chuyện" giữa em với một con vật gần gũi mà em yêu quý như bè bạn (cố gắng dùng các kiểu câu đã học).

CHÍNH TẢ

TIẾT 1

CHÍNH TẢ *(nghe đọc)*

I – Bài viết : Ngày khai trường

("Sáng đầu thu ... lên lớp Bốn")

II – Viết đúng

khai trường, trong xanh, sách, reo hớn hở, lên lớp, lưng.

III – Luyện tập

1. Tìm những tiếng có phụ âm đầu viết *ch, tr* trong bài ?
2. Điền vào chỗ trống : *ch* hay *tr* ?

– Ngày khai ...ường còn gọi là ngày mở ...ường.

– Hằng ngày, chúng em hớn hở đến ...ường học tập.

– Trời ...ong xanh, nước ...ong vắt, bầu không khí ...ong lành.

– Gió thổi làm ...ong ...óng quay tít.

– Đêm khuya, mẹ vẫn ...ong đèn ngồi vá áo cho em mặc.

– ...ẻ em như búp trên cành,
Biết ăn ngủ, biết học hành là ngoan.

(Bác Hồ)

TIẾT 2

CHÍNH TẢ *(so sánh)*

Phân biệt tr/ch

I – Bài viết : Chú Chín

Chú Chín không xuống thuyền mà đi dọc bờ sông.

thuongmaitr

Miền Trung đất nghèo có những chiều đông đẹp lạ. Khí trời xanh trong như mùa thu, nắng tỏa vàng mật ong mới rót, gió chỉ đủ lạnh để giục trẻ em chạy nhảy chung quanh bầy trâu... Chú Chín bước chầm chậm nhìn quanh. Mảnh mặt trời bẻ đôi đặt trên núi nhả một luồng lửa cháy rừng rực qua sông, xoay theo chú như một ánh mắt cười lấp láy...

Phan Tứ
Trích "Gia đình Má Bảy"

Nhận xét :

1. Những tiếng nào có phụ âm đầu viết *tr* ?
2. Những tiếng nào có phụ âm đầu viết *ch* ?

II – Phân biệt

tr

– *trú* : *trú* ẩn, *trú* chân, *trú* quân, thường *trú*

– *triều* : thủy *triều*, *triều* đình, *triều* đại, *triều* cống

– *trung* : *trung* bình, *trung* thu, *trung* thành, *trung* đội

ch

– *chú* : *chú* bác, *chú* ý, *chú* thích, *chú* trọng

– *chiều* : buổi *chiều*, *chiều* gió, *chiều* chuộng, *chiều* hướng

– *chung* : *chung* quanh, *chung* kết, *chung* sống

truongxua.vn

III – Luyện tập

Điền vào chỗ trống : *tr* hay *ch* ?

– ...a tôi ngồi ...ên ...õng ...e nói ...uyện ...ồng ...uối với ...ú ...ín.

– ...ưa đến ...ưa mà ...ời đã nắng ....ang ...ang.

– ...ong ...ạn mẹ em để ...én bát, ...ai lọ, xoong ...ảo.

Ghi nhớ

1. Một số từ chỉ người trong quan hệ gia đình, họ hàng thường có phụ âm đầu viết **ch** (ví dụ : cha, chú, chị, chồng, cháu, chắt, chít...).

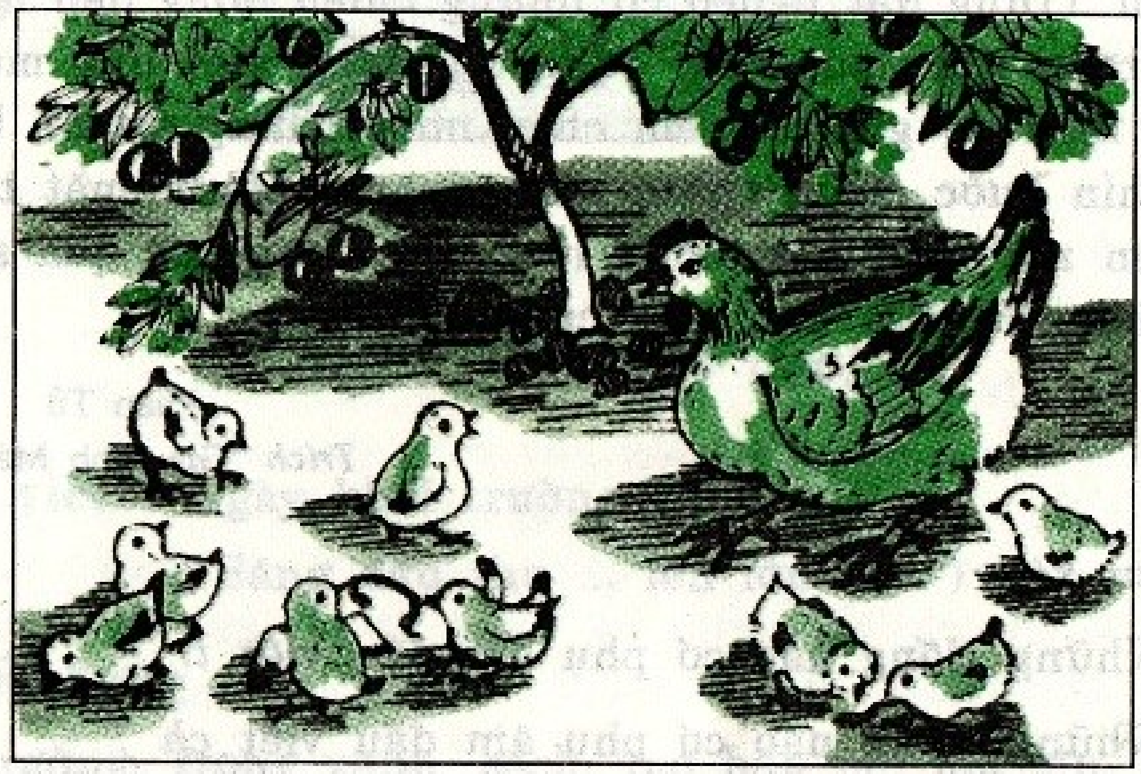

Trưa mùa hè trời nắng chang chang, mấy chú gà con đang tranh mồi dưới gốc cây chanh.

2. Một số từ chỉ đồ dùng trong gia đình thường có phụ âm đầu viết **ch** (ví dụ : chai, chõng, chén, chạn, chiếu, chăn, chổi, chảo, chậu...).

3. Một số từ chỉ vị trí thường có phụ âm đầu viết **tr** (ví dụ : trên, trước, trong...).

TIẾT 3

CHÍNH TẢ *(nghe đọc)*

I – Bài viết : Trò chơi lớp học

... Con Bé gom mấy đứa em lại nói :

– Bây giờ chơi đi học nghen !...

Con Bé đánh vần từng tiếng.

Đàn em ríu rít đánh vần theo.

Thằng Hiển ngọng nghịu, lúng túng nói không kịp hai đứa lớn. Con Anh ngoe nguẩy bao giờ cũng giành phần đọc xong

thuongmaitr

trước. Nó ngồi trên ghế, hai má núng nính, ửng da mận, ngoắt qua ngoắt lại. Con Thanh nhìn con Anh bằng đôi mắt nghiêng nghiêng không thèm chấp...

Nguyễn Thi
Trích "Mẹ vắng nhà"

– *Nghen* : nghe không.

II – Viết đúng

trò chơi, ríu rít, ngọng nghịu, ngoe nguẩy, lúng túng, núng nính, ngoắt qua ngoắt lại, nghiêng nghiêng.

III – Luyện tập

Điền vào chỗ trống : *g* hay *gh, ng* hay *ngh* ?

– Con ...à ...ủ dưới ...ốc cây ...ô.

– ...e thuyền lên thác xuống ...ềnh.

– ...ờ ...ệch, ...ớ ...ẩn, ...ông ...ênh ; ...iêng ...ả, ...ễnh ...ãng, ...êu ...ao.

uongxua.vn

TIẾT 4

CHÍNH TẢ *(trí nhớ)*

I – Bài viết : Việt Nam thân yêu

("Việt Nam đất nước... đứng lên")

II – Viết đúng

mênh mông, đất nghèo, Trường Sơn, rập rờn, biển lúa, sớm chiều, trai gái, vất vả, máu chảy.

III – Luyện tập

1. Tìm và viết 3 danh từ riêng về địa danh.

2. Điền vào chỗ trống : *l* hay *n* ?

Đất ...ước ta mênh mông biển ...úa. Cánh cò bay ...ả bay ..a. Ánh nắng vàng trải ...ên thảm cỏ xanh ...on màu ...á mạ, ...àm cho những hạt sương mai ...ấp ...ánh.

3. Tìm 2 từ có vần viết "iu" và 2 từ có vần viết "iêu" rồi đặt câu với mỗi từ đó.

TIẾT 5

CHÍNH TẢ *(nghe đọc)*

I – Bài viết : Về thăm bà

("Thanh bước lên thềm ... kẻo nắng, cháu !")

II – Viết đúng

– gian nhà cũ, yên lặng, giàn thiên lí, làn tóc trắng.

thuongmaitr

– thay đổi, chống gậy trúc, mừng rỡ, nhai trầu, chạy lại.

III – Luyện tập

1. Tìm những tiếng có phụ âm đầu viết *l*, *n*.

2. Đặt một câu trong đó có từ "*củ*" và một câu trong đó có từ "*cũ*".

3. Điền vào chỗ trống :

a) *l* hay *n* : im ...ặng, gánh ...ặng, ...ặng ...ề, ...ặng ...ẽ.

b) *ay* hay *ây* :

– Th... giáo d... học sinh đọc h..., viết đúng.

– Qu... tơ, qu... phim, qu... quần, qu... nhiễu.

– Quýt nhà ai chín đỏ c...

Hỡi em đi học h... h... má tròn.

TIẾT 6

CHÍNH TẢ *(nghe đọc)*

I - Bài viết : Con chuồn chuồn nước
("Ôi chao ! ... bay vọt lên")

II - Viết đúng

chuồn chuồn nước, màu vàng, bay vọt lên, rung rung, long lanh, mỏng, khẽ.

III - Luyện tập

1. Đặt câu với mỗi từ sau : *ngả, ngã, mắc, mắt.*

2. Điền vào chỗ trống :

a) *l* hay *n* : ...ưng chú ...ấp ...ánh ánh ...ắng.

b) *ong* hay *óng* : b́... đèn, cá b́..., b́... nhoáng, c... nhân, c... cộng, c... queo, nước tr... xanh, r... rêu, chó chạy r...

tuongxua.vn

TIẾT 7

CHÍNH TẢ *(so sánh)*
Phân biệt ?/~

I - Bài viết : Viết đúng các từ có thanh viết bằng dấu hỏi (?) và các từ có thanh viết bằng dấu ngã (~) trong những câu sau :

- Tối nào em cũng học bài và làm bài.
- Bài văn không có câu nào viết lủng củng.
- Hàng ngày, các bạn trẻ cần năng tập thể dục, tắm rửa sạch sẽ để cho thân thể được khỏe mạnh.

– Những con bói cá mỏ dài, lông sặc sỡ. Những con cuốc đen trùi trũi len lỏi giữa các bụi ven bờ.

Nhận xét :

1. Những tiếng nào có thanh viết với dấu hỏi (?) ?

2. Những tiếng nào có thanh viết với dấu ngã (~) ?

II – Phân biệt

?	~
– *củng :* lủng *củng*, *củng* cố	– *cũng :* *cũng* làm, *cũng* vậy, *cũng* đành
– *rửa :* *rửa* ráy, *rửa* ảnh	– *rữa :* chín *rữa*, nát *rữa*
– *sẻ :* chim *sẻ*, nhường cơm *sẻ* áo	– *sẽ :* sạch *sẽ*, nói se *sẽ*, hứa *sẽ* làm
– *sở :* khổ *sở*, trụ *sở*, *sở* dĩ, *sở* thích	– *sỡ :* áo quần sặc *sỡ*

thuongmait

III – Luyện tập

1. Tự chọn và viết lại 2 cặp từ so sánh ở mục II.

**2. Làm thế nào để biết chắc chắn rằng từ *nghỉ* (nghỉ hè) có thanh viết với dấu ? ; *nghĩ* (suy nghĩ) có thanh viết với dấu ~ ?

TIẾT 8

CHÍNH TẢ *(trí nhớ)*

I – Bài viết : Thương ông

("Ông bị đau chân... thương ông.")

II – Viết đúng

– thương ông, chống gậy, ngoài sân, âu yếm.

– nhăn nhó, sung sướng, cúi xuống, xoa đầu, khập khiễng, nhấc chân, lon ton, nhanh nhẩu, quẳng, quên.

III – Luyện tập

1. Tìm những tiếng có vần viết *au*, *âu*.

2. Tìm và ghi lại 3 từ có vần viết *ui* (cúi xuống) và 3 từ có vần viết *uôi* (tuổi trẻ).

3. Điền vào chỗ trống :

a) *ay* hay *ây* ?

– Th\`... giáo d.̣.. học.

– C.\`.. c.´.. vốn nghiệp nông gia.

b) *nhấc* hay *nhắc* ?

– Thầy giáo ... nhở học sinh làm bài đầy đủ.

– Mẹ em ... thúng gạo đặt vào quang.

– Không nên ... bài cho bạn.

– ... tấm phản lên để quét nhà.

tuongxua.vn

TIẾT 9

CHÍNH TẢ *(so sánh)*
Phân biệt d/gi

I – Bài viết : Thầy giáo em

Thầy giáo em tuy đã già nhưng da dẻ vẫn hồng hào vì thầy chăm tập thể dục và giữ gìn sức khỏe. Giọng nói của thầy sang sảng, dáng đi nhanh nhẹn. Thầy dạy rất dễ hiểu, giảng bài rất hấp dẫn. Thầy luôn luôn dịu dàng với chúng em. Em nào giỏi, thầy khen. Em nào không hiểu bài, thầy giảng giải cho thật hiểu.

Nhận xét

1. Những tiếng nào có phụ âm đầu viết *d* ?

2. Những tiếng nào có phụ âm đầu viết *gi* ?

II – Phân biệt

d	gi
– *da* : *da* thịt, *da* gà, *da* trời	– *gia* : *gia* đình, *gia* hạn, *gia* công, *gia* vị, tăng *gia*
– *dữ* : thú *dữ*, *dữ* dội	– *giữ* : *giữ* gìn, *giữ* nhà
– *dải* : *dải* rút, *dải* lụa	– *giải* : giảng *giải*, *giải* toán, *giải* phóng, *giải* trí
– *dục* : đức *dục*, thể *dục*	– *giục* : thúc *giục*, *giục* giã
– *dọng* : *dọng* nứa, *dọng* tre	– *giọng* : *giọng* nói, lên *giọng*, *giọng* điệu, giở *giọng*
– *dẻ* : da *dẻ*, hạt *dẻ*	– *giẻ* : *giẻ* lau, *giẻ* rách, hoa *giẻ*

III – Luyện tập

1. Chọn một trong hai từ ở ngoặc đơn điền vào chỗ trống :

– Anh ấy ... cho tôi một con ... (dao, giao)

– Trong ... lát, anh ấy đã buộc xong sợi ... thép (dây, giây)

thuongmaitr

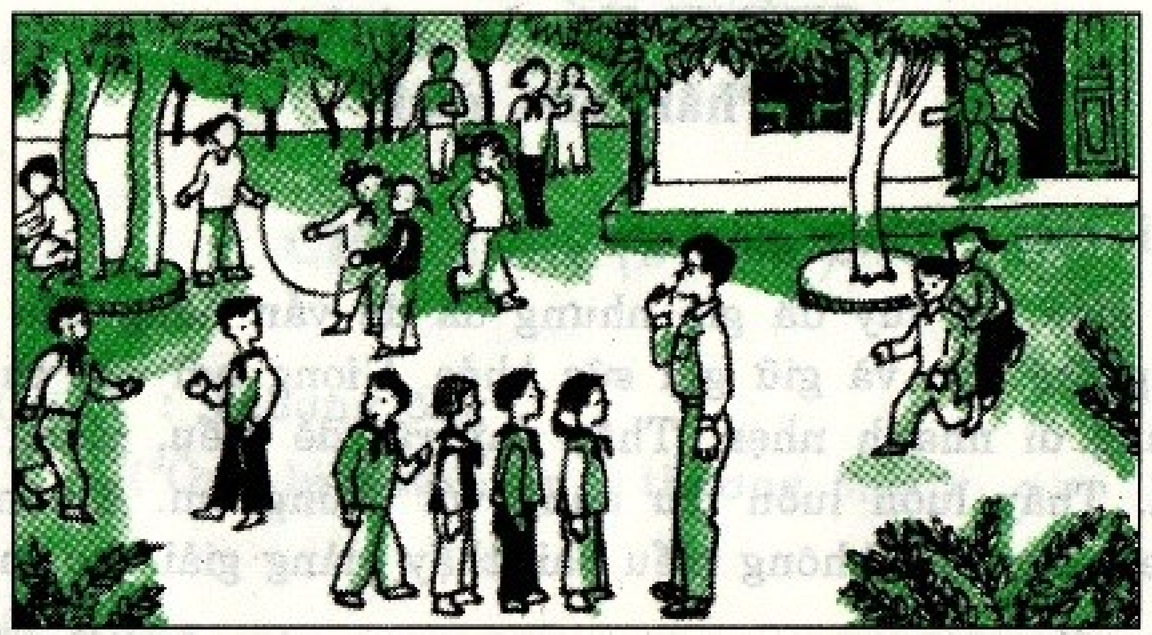

Thầy giáo . . . chúng em ra sân tập thể . . .

– Thầy giáo ... chúng em ra sân tập thể ... (giục, dục)

2. Tìm 3 từ có phụ âm đầu viết *d* và 3 từ có phụ âm đầu viết *gi*.

Ghi nhớ

Phụ âm đầu viết *d* thường đứng trước những vần viết *oa, uê, âu, uy*. Ví dụ : dọa nạt, doanh trại, duy trì, duyệt binh, duyên dáng.

TIẾT 10

CHÍNH TẢ *(trí nhớ)*

I – Bài viết : Trên hồ Ba Bể

(Viết cả bài)

tuongxua.vn

II – Viết đúng

hồ Ba Bể, cheo leo, se sẽ, bồng bềnh, trôi lặng lẽ, rung rinh, quanh quất.

III – Luyện tập

1. Tìm 2 đến 4 từ ngữ có phụ âm đầu viết *d, r* và 2 đến 4 từ ngữ có phụ âm đầu viết *n, l*.

2. Điền vào chỗ trống :

– *rừng* hay *dừng :* xe ... bánh, lá ..., con lợn ...

– *leo* hay *neo :* ... trèo, ... thuyền, nhà ... người

– *lòng* hay *nòng :* ... mẹ, ... sông, ... đại bác.

– *gió* hay *dó :* cơn ..., giấy ..., nói bóng nói ...

3. Tìm 3 từ có vần viết *ươt*, 3 từ có vần viết *ươc*.

TIẾT 11

CHÍNH TẢ *(nghe đọc)*

I – Bài viết : Đường đi Sa Pa
("Hôm sau ... đất nước ta.")

II – Viết đúng

Sa Pa, thoắt, khoảnh khắc, tuyết, lay ơn, nồng nàn, rơi, dành, gió xuân hây hẩy, lác đác, long lanh.

III – Luyện tập

1. Điền vào chỗ trống :

– *d* hay *r* : đánh ...ơi, mưa ...ơi, con ...ơi, nói năng ...ành mạch, để ...ành tiền.

– *l* hay *n* : lá rơi ...ác đác, một ...ong tằm, đầu bạc răng ...ong, lòng yêu nước ...ồng ...àn, trời cao ...ồng ...ộng.

– *uyêt* hay *iêt* : Thương tiếc các l... sĩ.

Đoạn văn tả cảnh t... rơi.

S... chặt tay nhau

Q... tâm học chăm làm giỏi.

Thời t... xấu nhưng bộ đội vẫn d... binh.

2. Phân biệt : *nồng* với *lồng*

da với *ra.*

TIẾT 12

CHÍNH TẢ *(so sánh)*
Phân biệt r/d/gi

I – Bài viết : Có một chú chim sâu

thuongmaitr

Một buổi sáng, chú chim sâu giật mình thức giấc, bỗng ngỡ ngàng thấy ngay trước tổ rung rinh một cành hoa trắng : cành hoa mận. Khắp vườn chưa có cây nào ra hoa. Bông hoa trắng giản dị, hiền lành mà ngời sáng cả bầu trời đông còn giá rét. Cành hoa mận trắng xinh, rì rào như có ý nói : "Mùa xuân sắp thức giấc rồi !".

Nguyễn Kiên
Trích "Chú đất nung"

Nhận xét :

1. Những tiếng nào có phụ âm đầu viết *r* ?
2. Những tiếng nào có phụ âm đầu viết *d* ?
3. Những tiếng nào có phụ âm đầu viết *gi* ?

II - Phân biệt

gi	d	r
– *giật* : *giật* mình, điện *giật*, *giật* lùi, *giật* chuông	– *dật* : dư *dật*, ẩn *dật*	– *rật* : rậm *rật*, rần *rật*
– *giá* : *giá* rét, băng *giá*, *giá* cả, hạ *giá*	– *dá* : dối *dá*	– *rá* : rổ *rá*, *rá* vo gạo
– *gì* : việc *gì*, làm *gì*	– *dì* : cô *dì*, *dì* ghẻ	– *rì* : *rì* rào, xanh *rì*
– *gia* : *gia* đình, tăng *gia*, *gia* hạn, *gia* súc	– *da* : *da* thịt, *da* dẻ, *da* diết	– *ra* : *ra* vào, *ra* sức, *ra* vẻ, *ra* rả

truongxua.vn

III - Luyện tập

1. Điền vào chỗ trống : *r*, *d*, hay *gi* ?

– Ngoài đường có tiếng ...ao hàng.

– Tôi mua một con ...ao nhíp để ...ọc ...ấy.

– ...ạo này trời ...ét quá, mọi người ...un cầm cập.

– Phải luyện tập cho sức khỏe được ...ẻo ...ai, tinh thần được ...ắn ...ỏi.

*2. Viết 2 từ láy có phụ âm đầu viết *r* (ví dụ : rì rào), hai từ láy có phụ âm đầu viết *d* (ví dụ : dồn dập), 2 từ láy có phụ âm đầu viết *gi* (ví dụ : giữ gìn...).

Ghi nhớ

Một số từ láy bắt chước tiếng động thường có phụ âm đầu viết *r*. Ví dụ : (mưa rơi) rả rích, (tằm ăn) rào rào, (nước chảy) róc rách, (tiếng đàn) réo rắt, (bước chân) rầm rập, (sóng vỗ) rì rào, ...

Cành hoa mận rung rinh, rì rào
như muốn nói : "Mùa xuân sắp thức giấc rồi !"

TIẾT 13

CHÍNH TẢ *(nghe đọc)*

I – Bài viết : Buổi sáng ở Hòn Gai
("Hòn Gai vào những... cánh chim trong mưa.")

II – Viết đúng

Hòn Gai, sáng sớm, còi bíp bíp inh ỏi, vội vã,

Hạ Long, bến Đoan, bến Tàu, cảng Mới.

III – Luyện tập

1. Tìm những tiếng được viết bằng chữ hoa trong bài. Tại sao phải viết bằng chữ hoa những tiếng ấy ?

2. Điền vào chỗ trống : *i* hay *y* ?

– ...êu Tổ quốc.

– Qu... mến bạn bè.

– Cô ... tá tiêm thuốc cho người bệnh.

– Cả lớp ..m lặng nghe giảng.

3. Tìm 2 từ viết bằng một chữ cái *y* hoặc viết bắt đầu bằng chữ cái y.

Ghi nhớ : Cách viết i và y

– Viết i : khi i đứng sau phụ âm đầu.

Ví dụ : đi thi, vật lí, mĩ thuật, lí do...

– Viết y :

+ Khi *y* đứng một mình. Ví dụ : *y* tá, *ý* kiến (trừ trường hợp *ì* ạch, ầm *ĩ*, ...)

+ Khi *y* đứng đầu chữ. Ví dụ : âu *yếm*, chim *yến*.

+ Khi *y* đứng sau âm đệm u trong vần. Ví dụ : *quyền quý, tuyết, nguyên*.

TIẾT 14

CHÍNH TẢ *(so sánh)*

Phân biệt v/d/gi

I – Bài viết : Chim gáy

Khi ngoài đồng đã đông người gặt thì có chim gáy về bay vần quanh, vòng trên các ngọn tre.

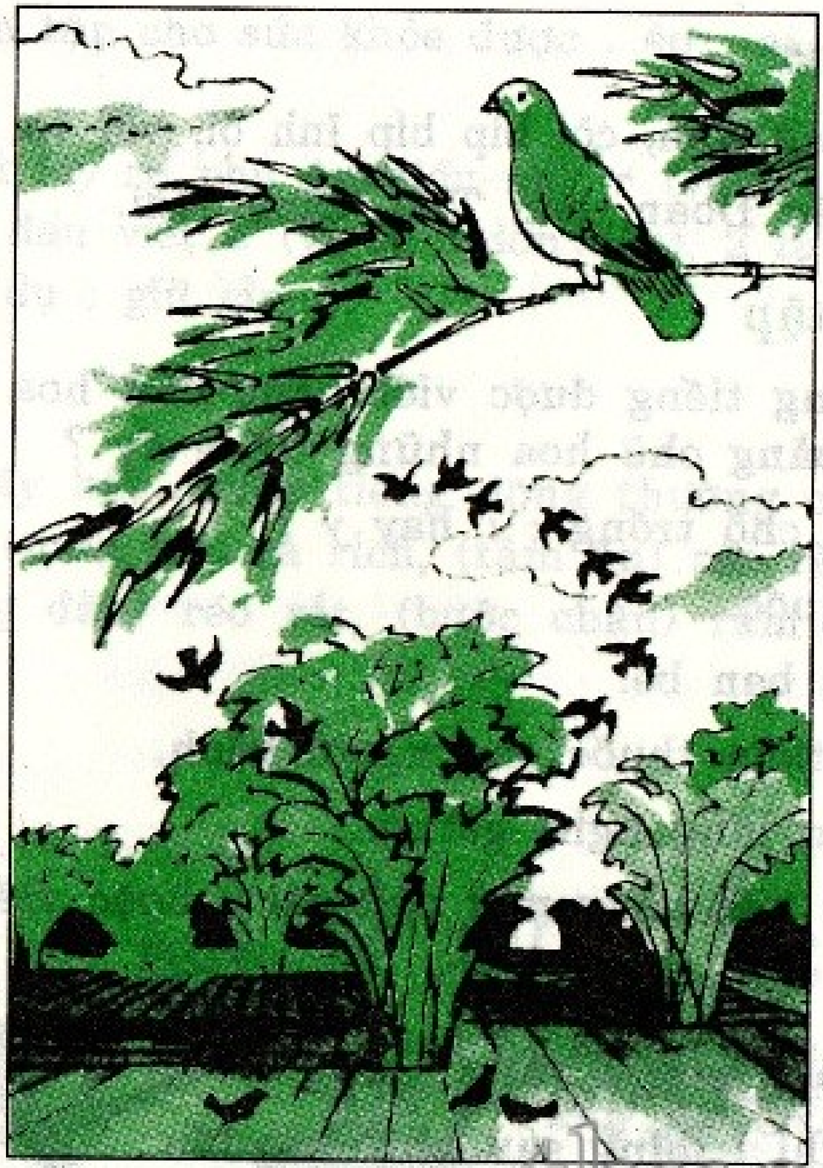

Chim gáy về, bay vần quanh, vòng trên các ngọn tre.

thuongmaitr

Chim mái vội vàng xuống trước. Cái đuôi lái lượn duyên dáng xòe như múa.

Con đực còn nán lại trong bờ tre, đủng đỉnh cất giọng gáy vang thêm một hồi dài. Xong rồi anh chàng mới thủng thỉnh bước ra, ưỡn cái ngực lung linh cườm biếc, lượn nhẹ tới với cả đàn đương ăn giữa ruộng vắng, khuất, gần chân tre.

Tô Hoài

Trích "Đàn chim gáy"

– Chim gáy : loại chim cu hay gáy, có nơi gọi là con cu gáy.

Nhận xét :

1. Những tiếng nào có phụ âm đầu viết *v* ?
2. Những tiếng nào có phụ âm đầu viết *d* ?
3. Những tiếng nào có phụ âm đầu viết *gi* ?

II – Phân biệt

v	d	gi
– *vần* : *vần* thơ, *vần* nồi cơm, xoay *vần*	– *dần* : *dần dần*, *dần* dà, đau như *dần*	– *giần* : *giần* gạo, cái *giần*, *giần* sàng
– *vội* : *vội* vàng, *vội* vã	– *dội* : vang *dội*, dữ *dội*	– *giội* : *giội* nước
– *vàng* : màu *vàng*, *vàng* bạc, vững *vàng*	– *dàng* : dễ *dàng*, dềnh *dàng*, dịu *dàng*	– *giàng* : ông *giàng* (ông trời), giữ *giàng*

III – Luyện tập

1. Chọn một trong hai từ (trong ngoặc đơn) điền vào chỗ trống :

– ... này người ta hay ... ngựa để kéo xe (*dùng, vùng*)

– Chú tôi ... tôi đi xem ... sữa bò (*vắt, dắt*)

– Tôi ... quyển ... ra xem lại bài (*giở, vở*)

– Xin ... thiệu ... các bạn một quyển truyện hay tuyệt ... (*vời, giới, với*)

uongxua.vn

2. Điền vào chỗ trống : *v, d* hay *gi* ?

Rừng xa ...ọng tiếng chim gù
Ngân nga tiếng suối ...i ...u ...ó ngàn
Mưa xuân đẫm lá ngụy trang
Đường ra tiền tuyến nở ...àng hoa mai.

Lê Anh Xuân
Trích "Hành quân giữa rừng xuân"

TIẾT 15

CHÍNH TẢ *(so sánh)*
Phân biệt nh/d/gi

I – Bài viết

Viết đúng các tiếng có phụ âm đầu viết *nh, d, gi* trong các câu sau :

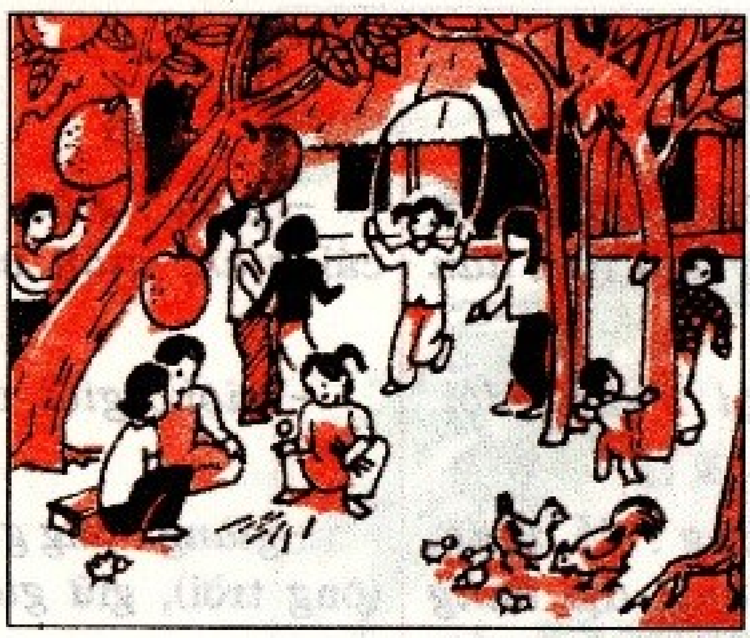

Xóm em tuy nhỏ nhưng thường nhộn nhịp.

– Xóm em tuy nhỏ nhưng thường nhộn nhịp.

– Dì tôi mua một con dao nhíp rất đẹp.

– Bộ đội đang diễn tập ngoài bãi.

– Thầy giáo giảng cho học sinh hiểu thế nào là quân đội nhân dân.

– Về mùa mưa, đường sá thường lầy lội, nhớp nháp.

Nhận xét :

1. Những tiếng nào có phụ âm đầu viết *nh* ?
2. Những tiếng nào có phụ âm đầu viết *d* ?
3. Những tiếng nào có phụ âm đầu viết *gi* ?

II – Phân biệt

thuongmaitr

nh	d	gi
– *nháo* : *nháo* nhác, nhâng *nháo*, *nháo* nhào	– *dáo* : *dáo* dác	– *giáo* : thầy *giáo*, *giáo* khoa, *giáo* dục, tôn *giáo*
– *nhao* : *nhao nhao*	– *dao* : gươm *dao*, ca *dao*, đồng *dao*	– *giao* : *giao* hàng, *giao* điểm, *giao* tiếp, *giao* thiệp
– *nhịp* : nhộn *nhịp*, *nhịp* nhàng, *nhịp* cầu	– *dịp* : *dịp* may	– không có
– *nhỏ* : *nhỏ* bé, nói *nhỏ*, *nhỏ* nhặt	– *dỏ* : dòm *dỏ*	– *giỏ* : *giỏ* cá, ấm *giỏ*

III – Luyện tập

1. Điền vào chỗ trống : *nh*, *d* hay *gi* ?

– Không nói chuyện ...ầm ...ĩ.

– Mặt bàn ...ẵn bóng.

– Anh ấy vượt qua sông một cách ...ễ ...àng.

– Công việc ...ạy ...ỗ của thầy ...áo thật không đơn ..ản tí nào.

– Bạn ấy trông có vẻ thông minh ...anh ...ẹn.

2. Tìm 3 từ láy có phụ âm đầu viết *nh* (ví dụ : nhộn nhịp).

3. Tìm và viết lại 2 đến 4 cặp từ so sánh có phụ âm đầu viết *nh, d, gi* vừa phân biệt trên.

TIẾT 16

CHÍNH TẢ *(trí nhớ)*

I – Bài viết : Cửa Tùng

("Diệu kì thay ... dưới ánh mặt trời.")

uongxua.vn

II – Viết đúng

diệu kì, sắc màu, biển, mặt trời, chiều tà, xanh lục.

III – Luyện tập

1. Viết 3 chữ có *c* đứng đầu và 3 chữ có *k* đứng đầu. Nhận xét xem *c* đứng trước chữ cái ghi nguyên âm nào ? *k* đứng trước chữ cái ghi nguyên âm nào ?

2. Điền vào chỗ trống : *ươm* hay *uôm* ?

– Áo quần sạch sẽ tinh t...

– Những cánh b̀... trắng trên mặt biển xa trông như đàn b́... lượn giữa trời xanh.

– Bạn Nam ḷ... được một mảnh vải nh... xanh rất đẹp và đem trả lại cho người đánh rơi.

**3. Viết 3 từ có vần "ăt", 3 từ có vần "ăc", đặt câu với mỗi từ đó.

Ghi nhớ

Người ta viết *k* trước các chữ cái ghi nguyên âm : *e, ê, i, ia, iê*.

Ví dụ : kém, kê, kích, kia, kiến.

Còn viết *c* trước các chữ cái ghi nguyên âm : *a, ă, â, o, ô, ơ, ua, ươ, ưa, uô*...

Ví dụ : ca, căn, cầm, của, cuốn, cường, cưa.

TIẾT 17

CHÍNH TẢ *(nghe đọc)* Ôn tập

I – Bài viết : Hai mẹ con chú bồ nông

Phải năm trời hạn, nóng như thiêu như đốt. Như bị đổ nghiêng, cả một vòm trời xanh ngăn ngắt rót mãi ánh nắng chói chang xuống, khiến cho mọi nhà bồ nông hốt hoảng gọi nhau lên phương bắc tránh nắng. Có hai mẹ con chú bồ nông kia bị nạn. Trên đường đi, bồ nông mẹ bị nắng chiếu quáng mắt, lao phải cành gai tre, suýt nữa gãy cánh, rơi xuống. Bồ nông con đỡ mẹ dậy rồi dìu mẹ ẩn vào trong một hốc cây, ngày ngày chăm sóc cho mẹ chóng khỏi...

Phong Thu

Trích "Bồ nông có hiếu".

– *Bồ nông* : loài chim mình to, mỏ dài, dưới cổ có một cái bướu để đựng cá bắt được. Đến mùa nắng, loài chim này thường rời phương nam lên phương bắc để tránh nắng.

II – Luyện tập

1. Em hãy cho biết khi nào thì phụ âm đầu viết *ngh* ? Khi nào thì viết *ng* ? Cho ví dụ.

2. Chọn một trong những câu hỏi sau đây :

a) Hãy phân biệt *chói* với *trói*.

b) Hãy phân biệt *đổ* với *đỗ*.

c) Điền vào chỗ trống : *nh, gi, d, v, r* ?

– Mẹ đã đi làm ...ồi.

– Sách ..ở của bạn thật ...ối ...ào.

– Sách này ...á ...ẻ, ..ễ mua.

– Đi học ...ớ mang theo ..ẻ lau bảng con.

– ...a ...ào lớp phải xin phép.

– Hạt ..ẻ ăn rất ngon.

– Được học ...ẽ rất thích.

3. Điền x, s vào chỗ trống và sắp xếp thành 2 cột (bên phải ghi các tiếng có phụ âm đầu viết *x*, bên trái ghi các tiếng có phụ âm đầu viết *s*) : *...ắc* đẹp, dao *...ắc*, xúc *...ắc*, *...ắc* cốt, *...ắc* mặt, nhan *...ắc*, *...anh* biếc, đậu *..anh*, sạch sành *...anh*, tuổi *..anh*, nhà bảo *...anh* (sinh).

uongxua.vn

TẬP LÀM VĂN

TIẾT 1

TẢ ĐỒ VẬT

(Quan sát và tìm ý)

I – Đề bài

Bước vào năm học mới, em (hoặc bạn em) được bố mẹ mua cho một cái cặp đựng sách vở đi học. Em hãy tả cái cặp đó.

II – Hướng dẫn

Trước hết, em cần đọc kĩ đề bài, gạch dưới những từ quan trọng : *tả cái cặp* của *em* (hoặc của *bạn em*), để có hướng quan sát đúng. Sau đó, em thực hiện tốt mấy việc sau :

1. Em đặt chiếc cặp trước mặt và quan sát kĩ. Em có thể cầm cặp lên, xoay nhìn các phía (dùng mắt), xoa tay vào mặt cặp xem có trơn hay ráp (dùng tay), bật mấu khóa nghe xem tiếng nó kêu thế nào ? (dùng tay kết hợp với tai nghe...).

2. Em ghi vào vở nháp những điều quan sát được (nhận xét thấy gì ghi thế ấy, nhận xét đến đâu ghi luôn đến đó). Ví dụ : Chiếc cặp hình dáng thế nào, làm bằng gì ? To, nhỏ ra sao ? Có màu sắc gì ? Chiếc cặp có những bộ phận nào ? Từng bộ phận có nét gì nổi bật ?...

III – Ghi nhớ

– Muốn tả một đồ vật gì, trước hết phải quan sát trực tiếp đồ vật ấy.

– Quan sát kĩ đồ vật bằng nhiều giác quan (mắt nhìn, tay sờ, tai nghe...) thì sẽ tả đúng, tả cụ thể và sinh động.

Tuy vậy, tùy đồ vật mà sử dụng các giác quan có liên quan để quan sát, không nhất thiết khi nào cũng sử dụng nhiều giác quan một lúc.

thuongmaitr

TIẾT 2

TẢ ĐỒ VẬT

(Lập dàn bài)

I – Đề bài

Bước vào năm học mới, em (hoặc bạn em) được bố mẹ mua cho một cái cặp đựng sách vở đi học. Em hãy tả cái cặp đó.

II – Hướng dẫn

1. Dựa vào phần tìm ý ở tiết trước, em quan sát kĩ lại một lần nữa cái cặp em định tả, xem nó có những bộ phận nào ? (bên ngoài, bên trong). Các bộ phận ấy nên trình bày theo thứ tự nào cho thích hợp.

Em ghi tên các bộ phận theo thứ tự đó vào vở nháp để làm thành dàn bài :

a) *Mở bài :* Giới thiệu cái cặp sách.

truongxua.vn

Cái cặp có từ bao giờ ? (dịp khai giảng năm học mới...). Ai mua hay được cho ? (bố mẹ mua ...).

b) *Thân bài :* Tả cái cặp (phần chính của bài văn).

– Tả bao quát : Hình dáng, làm bằng gì, to hay nhỏ, có màu sắc gì ? Có quai đeo hay xách ?

– Tả từng bộ phận :

+ Các bộ phận bên ngoài : mặt cặp, nắp cặp, khóa cặp...

+ Các bộ phận bên trong : vải lót, ngăn thứ nhất, ngăn thứ hai....

c) *Kết luận :* Nêu tình cảm và ý nghĩ.

Em có thích cái cặp của em không ? Tại sao ? Em dùng cặp và giữ gìn cặp như thế nào ?

2. Xem lại phần dàn bài đã ghi, thấy bộ phận nào của cặp chưa nói đến thì ghi thêm nhận xét ; ở mỗi bộ phận, nét nào em mới thấy thêm thì ghi bổ sung cho đầy đủ hơn.

II – Hướng dẫn

1. Trình bày bài làm (ngày ... tháng ... năm ...; bài số ... ; họ tên ... ; kẻ ô ghi điểm ; ô ghi lời phê của thầy giáo – cô giáo).

2. Đọc kĩ đề bài. Dựa vào dàn bài đã chuẩn bị, viết thành bài văn.

3. Khi viết bài văn, chú ý thể hiện bố cục, viết đúng chính tả, dùng từ, đặt câu đúng, diễn đạt rõ ràng.

TIẾT 5

TẢ ĐỒ VẬT

(Trả bài viết kì trước)

I – Đề bài

Bước vào năm học mới, em (hoặc bạn em) được bố mẹ mua cho một cái cặp đựng sách vở đi học. Em hãy tả cái cặp đó.

II – Hướng dẫn

Theo sự chỉ dẫn của thầy giáo – cô giáo, em chú ý theo dõi lời nhận xét và ghi vào vở Tập làm văn. Rút kinh nghiệm về :

– Cách quan sát, tìm ý, lập dàn bài.

– Cách mở bài, kết luận ; cách trình bày ý ở thân bài.

– Những lỗi cần tránh về chính tả, dùng từ, đặt câu và bố cục của bài văn.

– Tìm đọc các bài làm được điểm cao của các bạn để học tập, rút kinh nghiệm.

III – Giới thiệu một số đề bài tả đồ vật

1. Em hãy tả cái bàn mà em thường ngồi học ở nhà.

2. Em hãy tả tấm lịch treo trên tường ở nhà em (hoặc ở một nơi khác).

thuongmaitr

3. Em hãy tả cái trống trường em và cho biết những cảm xúc của em khi nghe tiếng trống trường.

4. Em hãy tả một thứ đồ chơi mà em thích.

TIẾT 6

TẢ CÂY CỐI

(Quan sát và tìm ý)

I – Đề bài

Trường em (hoặc gần nhà em) có một cây tán lá sum sê. Những ngày đi học, trời nắng to, em thường đứng dưới gốc cây để nghỉ. Em hãy tả cây có bóng mát đó.

II – Hướng dẫn

Sau khi tìm hiểu kĩ đề bài, em cần xác định một cây sẽ tả : *có bóng mát ở trường hay gần nhà em*. Đó là cây bàng (hoặc cây đa cổ thụ, cây xoài...). Em quan sát kĩ, nhận xét được điều gì ghi ngay vào giấy nháp.

– Tả bao quát cả cây. Những điều đáng chú ý : hình dáng, tầm vóc, cảnh vật xung quanh...

– Tả cụ thể một số đặc điểm của cây :

+ Thân cây, cành, tán lá sum sê (mặt trên mặt dưới, tầng dưới tầng trên), hoa quả...

+ Cảnh vật, con người ở xung quanh cây : nắng gió ; hoạt động của chim chóc, ong bướm, con người...

+ Tác dụng của cây : cây đem bóng mát che nắng cho con người, đem lại không khí trong lành...

III – Ghi nhớ

Tả cây nào, cần chú ý nêu bật những nét tiêu biểu của cây đó đang ở thời kì phát triển và trong thời gian, thời tiết nhất

định. Kết hợp tả hoạt động của người, vật (chim chóc, ong bướm...) có quan hệ với cây.

TIẾT 7

TẢ CÂY CỐI

(Lập dàn bài)

I – Đề bài

Trường em (hoặc gần nhà em) có một cây tán lá sum sê. Những ngày đi học, trời nắng to, em thường đứng dưới gốc cây để nghỉ. Em hãy tả cây có bóng mát đó.

II – Hướng dẫn

1. Em suy nghĩ và chọn vị trí quan sát để tả cây bóng mát cho thích hợp. Thường là từ xa đi lại gần, từ gốc cây nhìn lên ngọn, từ lúc đến ngồi chơi dưới bóng cây cho đến khi rời cây ra về.

2. Căn cứ vào vị trí quan sát đã chọn, em hình dung ra bộ phận nào tả trước, bộ phận nào tả sau. Từ đó, lập dàn bài.

III – Ghi nhớ

Dàn bài gồm ba phần :

1. Mở bài

Giới thiệu cây bóng mát (trồng ở đâu, từ bao giờ, có điểm gì đáng chú ý hơn những cây cùng mọc ở đây...).

2. Thân bài

– Tả bao quát cây bóng mát :

+ Nhìn từ xa thấy cây như thế nào ? (dáng đứng, ngọn cây, tầm cao...).

+ Lúc đến gần, cây bóng mát đó có những nét gì đáng chú ý ? (thân, gốc, tán lá...).

– Tả từng bộ phận của cây :

thuongmaitr

+ Gốc cây : to, nhỏ...

+ Thân cây : chiều cao, vỏ cây, màu sắc...

+ Tán lá có những đặc điểm gì ? (Có mấy tầng ? Vẻ riêng của mỗi tầng ? Lá nhiều hay ít ? Hình dáng, màu sắc của lá...).

+ Các phần khác của cây : hoa, quả... (nếu có)

– Tả cảnh vật liên quan đến cây : nắng gió ; hoạt động của chim chóc, ong bướm, của con người dưới bóng cây...

3. Kết luận

Nêu cảm nghĩ về cây (vẻ đẹp, ích lợi), tình cảm gắn bó với cây, việc chăm sóc và bảo vệ cây...

Chú ý : Ở lớp, khi thầy giáo – cô giáo giảng hoặc các bạn góp ý, các em cần chú ý nghe và bổ sung những ý hay của thầy và của bạn vào dàn bài của mình. Sau đó, về nhà sửa lại và viết thành đoạn văn, bài văn hoàn chỉnh.

TIẾT 8

tuongxua.vn

TẢ CÂY CỐI

(Làm văn miệng ở lớp)

I – Đề bài

Ở vườn (hoặc công viên), các luống hoa (chậu hoa) nở bông rất đẹp. Hãy tả một cây hoa mà em thích nhất.

II – Hướng dẫn

Em chọn cây đang ra hoa để tả (có thể là cây hoa hồng, cây hoa nhài, cây hoa cúc...).

Đứng trước cây hoa định tả, em quan sát lần lượt từng bộ phận : gốc, thân, cành lá, ... để tìm ra những nét cụ thể tiêu biểu.

Tiếp đó, em quan sát tỉ mỉ một cành hoa, một bông (đóa) hoa em cho là đẹp hơn cả. Em dùng các giác quan để nhận biết về hình

dáng, màu sắc, hương thơm (nếu có) của hoa. Em xem từng phần như cuống hoa, đài hoa, cánh hoa... có gì tiêu biểu ?

Sau cùng, em nhìn toàn bộ cây hoa trong khung cảnh của nó với các yếu tố thiên nhiên : nắng gió, chim chóc, bướm ong, hoạt động của con người có tác động đến cây hoa.

Từ quan sát, em lập một dàn bài để nói.

III – Ghi nhớ

Dàn bài gồm ba phần :

1. Mở bài Giới thiệu cây hoa sẽ tả (Cây hoa gì ? Trồng ở đâu ? Do ai trồng ? Trồng vào dịp nào ?)

2. Thân bài :

– Tả bao quát : hình dáng chung của cây hoa ; đặc điểm nổi bật của cây hoa khi nhìn từ xa, lúc lại gần.

– Tả chi tiết từng bộ phận của cây hoa : rễ, thân, cành, lá có hình dáng, kích thước, màu sắc gì ?

Hoa đẹp và thơm như thế nào ? Cuống hoa, đài hoa, cánh hoa, nhụy (nhị) hoa có những đặc điểm gì ? (từ lúc còn là nụ đến lúc đâm bông, xòe nở).

– Nêu thêm một vài yếu tố tác động đến cây hoa : thời tiết (nắng, gió, sương) ; chim chóc, ong bướm, con người có ảnh hưởng gì đến cây và hoa ?

3. Kết luận Nêu cảm nghĩ của em về ích lợi của cây hoa.

TIẾT 9

TẢ CÂY CỐI

(Làm văn viết ở lớp)

I – Đề bài

Ở vườn (hoặc công viên), các luống hoa (chậu hoa) nở bông rất đẹp. Hãy tả một cây hoa mà em thích nhất.

II – Hướng dẫn

1. Đọc kĩ lại đề bài, sửa và bổ sung phần dàn bài đã được thầy giáo, cô giáo hướng dẫn thêm ở các tiết học trước ; viết nháp thành bài văn, sau đó mới viết vào giấy hoặc vở Tập làm văn để nộp cho cô giáo, thầy giáo.

2. Bài làm xong, phải đọc lại để chữa lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu...

TIẾT 10

TẢ CÂY CỐI

(Trả bài viết kì trước)

I – Đề bài

Ở vườn (hoặc công viên), các luống hoa (chậu hoa) nở bông rất đẹp. Hãy tả một cây hoa mà em thích nhất.

truongxua.vn

II – Hướng dẫn

– Nghe và ghi những lời nhận xét của thầy giáo, cô giáo về những ưu điểm, khuyết điểm chung của bài văn đã làm kì trước.

– Chữa những lỗi chính tả, lỗi dùng từ, lỗi đặt câu mà thầy giáo, cô giáo đã hướng dẫn chữa ở bài làm của em.

– Tìm đọc các bài làm được điểm cao của các bạn trong lớp để học tập, rút kinh nghiệm.

III – Giới thiệu một số đề bài tả cây cối

1. Em hãy tả cây phượng trồng gần nơi em ở.

2. Em hãy tả một cây hoa hồng đang ra hoa.

3. Em hãy tả vẻ đẹp của cây hoa đại (bông sứ), hoa đào hoặc hoa mai vào một buổi nào đó trong ngày (ví dụ : khi nắng sớm, lúc ban chiều gió mát...).

4. Em hãy tả một cây chuối đang có buồng.

5. Em hãy tả một cây ăn quả đang trong mùa quả chín (mít, vải, na.... hoặc sầu riêng, xoài, vú sữa...).

TIẾT 11

TẢ LOÀI VẬT

(Quan sát và tìm ý)

I – Đề bài

Gia đình em (hoặc bạn em) thường hay nuôi gà. Hãy tả một con gà trống mà em (hoặc bạn em) chăm sóc.

II – Hướng dẫn

Sau bước tìm hiểu đề bài là bước quan sát :

1. Đến gần chuồng gà, hoặc nơi gà thường kiếm ăn, chú ý quan sát con gà trống em thường chăm sóc. Em nhìn xem con gà trống thuộc giống gì ? (gà ri, gà cỏ, gà Đông Cảo, gà công nghiệp....). Gia đình em đã nuôi con gà này được bao lâu ? Em chăm sóc gà từ bao giờ ? Gà nặng chừng mấy kg ?...

2. Em nhìn kĩ hình dáng bên ngoài xem gà có những đặc điểm gì về thân hình, màu lông ? ... Em thấy các bộ phận đầu (mào, mỏ, mắt...), mình, chân... ra sao ? (Chú ý màu lông của gà).

3. Em theo dõi một vài thói quen sinh hoạt của gà : kiếm ăn, uống nước hoặc khi em cho ăn... Thái độ của gà trống đối với gà mái, gà con và những con gà trống khác ?

Đặc biệt gà trống lớn thường gáy vào sáng sớm hoặc trưa. Tiếng gà gáy ra sao ? Tác dụng của tiếng gà gáy trong không gian và trong sinh hoạt của gia đình em như thế nào ?

III – Ghi nhớ

Mỗi con vật có đặc điểm riêng về hình dáng, thói quen sinh hoạt, sự hoạt động. Tả loài vật là phải tìm ra những đặc điểm

thuongmaitr

riêng ấy để miêu tả. Cần chú ý tả rõ sự hoạt động của con vật để nêu bật tính nết của nó trong mối quan hệ với người chăm sóc.

TIẾT 12

TẢ LOÀI VẬT
(Lập dàn bài)

I – Đề bài

Gia đình em (hoặc bạn em) thường nuôi gà. Hãy tả một con gà trống mà em (hoặc bạn em) chăm sóc.

II – Hướng dẫn

1. Căn cứ vào kết quả quan sát con gà trống ở tiết học trước, em lập dàn ý từng đoạn (tả hình dáng và tả thói quen sinh hoạt của con gà trong phần Thân bài).

truongxua.vn

2. Em lập dàn bài đủ ba phần : Mở bài – Thân bài – Kết luận.

III – Ghi nhớ

Dàn bài tả con vật gồm ba phần :

1. Mở bài : Giới thiệu con vật sẽ tả (nó ở đâu, vào lúc nào ?)

2. Thân bài : Tả con vật

a) Tả hình dáng bên ngoài.

– Tả bao quát : Con vật lớn bằng chừng nào ? Chiều dài, độ cao, thân hình ra sao ? Lông màu gì ?...

– Tả từng bộ phận : đầu, mình, chân...

b) Tả thói quen sinh hoạt và một vài hoạt động chính của con vật qua các chi tiết chọn lọc tiêu biểu...

3. Kết luận : Nêu cảm nghĩ của em về con vật.

TIẾT 13

TẢ LOÀI VẬT

(Làm văn miệng ở lớp)

I – Đề bài

Em hãy tả hình dáng và hoạt động của con mèo nhà em (hoặc con mèo em thường thấy).

II – Hướng dẫn

1. Để chuẩn bị tốt cho bài làm miệng, em quan sát con mèo định tả, xem nó có những đặc điểm gì về hình dáng bên ngoài ? Những bộ phận : đầu, thân, đuôi, chân... của mèo có điểm gì đáng chú ý ? Quan sát thấy gì, em ghi nhận xét vào vở nháp.

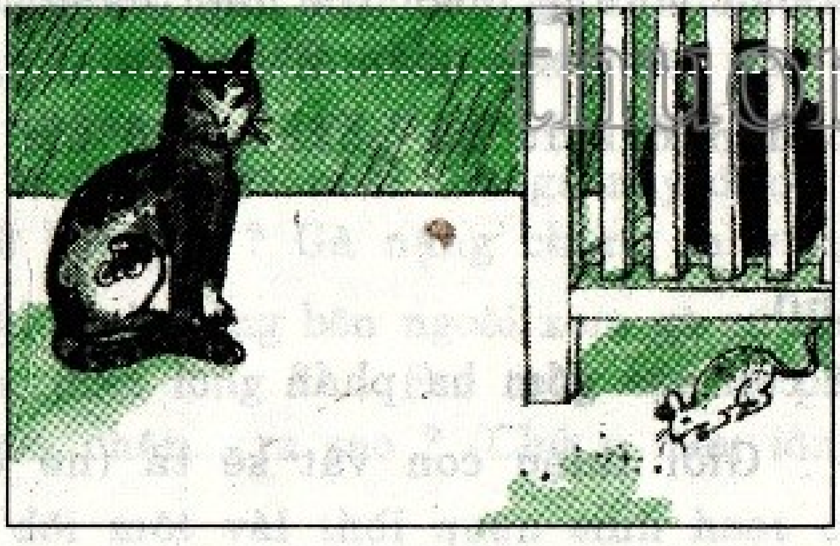

thuongmaitr

Em theo dõi và quan sát một vài hoạt động của mèo như khi được cho ăn, khi ngủ, khi nằm sưởi nắng, khi săn bắt chuột, khi đùa giỡn với người....

3. Dựa vào dàn bài tả con vật đã học, em lập một *dàn bài tả con mèo*, có ghi đầy đủ những ý chính của từng phần, từng đoạn để diễn đạt thành bài làm văn miệng ở lớp.

TIẾT 14

TẢ LOÀI VẬT

(Làm văn viết ở lớp)

I – Đề bài

Em hãy tả hình dáng và hoạt động của con mèo nhà em (hoặc con mèo em thường thấy).

II – Hướng dẫn

1. Đọc kĩ lại đề bài, sửa và bổ sung dàn bài làm văn miệng đã được thầy giáo, cô giáo hướng dẫn thêm ở tiết học trước. Viết nháp thành bài văn, sau đó viết vào giấy hoặc vở Tập làm văn để nộp cho thầy giáo, cô giáo chấm.

2. Bài làm xong cần đọc lại để chữa lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.

TIẾT 15

TẢ LOÀI VẬT

(Trả bài viết kì trước)

I – Đề bài

Em hãy tả hình dáng và hoạt động của con mèo nhà em (hoặc con mèo em thường thấy).

II – Hướng dẫn

– Nghe và ghi những nhận xét của thầy giáo, cô giáo về những ưu điểm, khuyết điểm chung của bài văn đã làm kì trước.

– Chữa những lỗi chính tả, dùng từ và lỗi đặt câu mà thầy giáo, cô giáo đã chỉ ra ở bài làm của em.

– Tìm đọc các bài làm được điểm cao của các bạn trong lớp để học tập, rút kinh nghiệm.

– Sưu tầm và ghi lại (vào Sổ tay văn học hoặc vở Tập làm văn) những từ ngữ diễn tả tiếng kêu của một số loài chim (như gà, vịt, ngan, ngỗng, sáo, họa mi...), loài thú (như chó, mèo, dê, trâu, bò, ngựa...).

III – Giới thiệu một số đề bài tả loài vật

1. Địa phương em có nuôi nhiều vịt đẻ. Em hãy tả một con vịt đang kiếm mồi ở trong ao (hồ, hoặc đầm).

2. Trước cửa một chuồng chim bồ câu, chim mẹ vừa đi kiếm mồi về đang mớm cho con. Em hãy tả đôi chim mẹ con ấy.

3. Em hãy tả một con gà mái dẫn đàn con đi kiếm mồi ra dáng một người mẹ chăm làm, luôn luôn bận bịu vì con (có thể "nhân hóa" cho mẹ con nhà gà trò chuyện với nhau trong khi kiếm ăn).

4. Gia đình em có nuôi một con chó rất khôn. Em hãy tả con chó đó.

5. Quê em vừa tổ chức thi trâu bò béo khỏe do thiếu nhi chăm sóc. Em hãy tả một con trâu (hay bò) được giải trong kì thi đó.

TIẾT 16

ÔN TẬP

(Tả đồ vật – Tả cây cối – Tả loài vật)

I – Đề bài (gợi ý)

1. Nhiều năm nay, chiếc đồng hồ báo thức chăm chỉ và đúng giờ đã là bạn thân trong gia đình em. Em hãy tả chiếc đồng hồ ấy.

2. Gần nhà em có vườn trồng nhiều cây. Giữa vườn, cây cam được chăm sóc tốt nên ra rất nhiều quả. Em hãy tả cây cam trĩu quả đó.

3. Trong các con vật nuôi trong nhà, em thích con nào nhất ? Hãy tả con vật đó (hình dáng, tính nết và một vài hoạt động của nó).

II – Hướng dẫn

1. Ôn lại mục "Ghi nhớ" ở các bài đã học.

2. Lập dàn bài một trong ba đề gợi ý trên (có sự hướng dẫn của thầy giáo, cô giáo).

III – Ghi nhớ

Văn miêu tả ở lớp 4 có các kiểu bài : tả đồ vật, tả cây cối, tả loài vật (học kì I) và tả cảnh (học kì II).

Khi làm bài văn miêu tả, các em cần nắm chắc các yêu cầu sau :

uongxua.vn

– Quan sát kĩ (bằng các giác quan) đồ vật, cây cối, loài vật để tìm ra những đặc điểm.

– Miêu tả phải theo trình tự hợp lí. Ví dụ : tả từ xa đến gần, từ trên xuống dưới..., có phân biệt cái chính cái phụ (cái chính cần tả cụ thể tỉ mỉ, cái phụ chỉ tả khái quát).

– Khi tả, thể hiện tình cảm và thái độ của mình đối với đồ vật, cây cối hoặc loài vật được tả.

– Từ dùng để tả phải chính xác, có hình ảnh, gợi cảm... Hành văn rõ ràng, dễ hiểu, hấp dẫn.

TIẾT 17

KIỂM TRA HỌC KÌ I

(Làm văn viết ở lớp)

MỤC LỤC

Phân môn	Tiết	Tên bài	Trang
TẬP ĐỌC		*Chủ đề Măng non*	
	1	Ngày khai trường	3
	2	Cậu học sinh giỏi nhất lớp	5
	3	Việt Nam thân yêu	7
	4	Trung thu độc lập	8
	5	Nghe thầy đọc thơ	10
	6	Quà tặng cha	11
	7	Mẹ vắng nhà ngày bão	13
	8	Khúc hát ru	14
	9	Về thăm bà	16
	10	Thương ông	18
		Chủ đề Đất nước	
	11	Đất nước	20
	12	Con chuồn chuồn nước	21
	13	Tre	22
	14	Những chú gà xóm tôi	24
	15	Những cánh bướm bên bờ sông	26
	16	Trên hồ Ba Bể	27
	17	Đường đi Sa Pa	29
	18	Bè xuôi sông La	31
	19	Rừng cọ quê tôi	33
	20	Trâu đối	35
	21	Cỏ non	37
	22	Cảnh rừng Việt Bắc	39
	23	Đi máy bay Hà Nội – Điện Biên	40
	24	Âm thanh thành phố	42
	25	Buổi sáng ở Hòn Gai	44
	26	Trên công trường khai thác than	45
	27	Cửa Tùng	47
	28	Thị trấn Cát Bà	48
	29	Chim rừng Tây Nguyên	50
	30	Rừng phương Nam	51
	31	Hành quân giữa rừng xuân	53
	32	Vườn quả cù lao sông	55

thuongmaitr

	33	Đất Cà Mau	56
	34	Cá heo ở biển Trường Sa	58
TỪ NGỮ	1	Thầy trò	61
	2	Tổ quốc	62
	3	Bà cháu	64
	4	Mẹ con	65
	5	Ôn tập	67
	6	Quê hương	69
	7	Quê hương (tiếp theo)	70
	8	Thắng cảnh	71
	9	Sông nước	73
	10	Trung du	76
	11	Việt Bắc	77
	12	Ôn tập	79
	13	Vùng mỏ	80
	14	Biển cả	82
	15	Miền Nam	83
	16	Chim chóc	86
	17	Gia súc	89
NGỮ PHÁP		*Chương I* – TIẾNG VIỆT – CHỮ VIỆT	
	1	Tiếng Việt – Chữ Việt	93
	2	Câu và từ	96
	3	Từ, tiếng và chữ	98
	4	Các bộ phận của tiếng	100
	5	Tiếng và âm – Nguyên âm và phụ âm	102
	6	Âm và chữ cái – Bảng chữ cái	104
	7	Từ đơn và từ ghép	106
	8	Từ láy	109
	9	Ôn tập chương I	110
		Chương II – CÂU CHIA THEO MỤC ĐÍCH NÓI	
	10	Câu kể – Dấu chấm	112
	11	Câu hỏi – Dấu chấm hỏi	114
	12	Câu cầu khiến – Dấu chấm cảm	116
	13	Câu cảm – Dấu chấm cảm	118
	14	Câu hội thoại – Dấu gạch ngang, dấu ngoặc kép	121
	15	Ôn tập chương II	124
		Chương III – BỘ PHẬN CHÍNH CỦA CÂU CÁC TỪ LOẠI CƠ BẢN	
	16	Hai bộ phận chính của câu : chủ ngữ – vị ngữ	126

tuongxua.vn